

LỜI NGỎ

Cách đây hơn 400 năm, với chính sách ngoại giao thông thoáng, năng động của các Chúa Nguyễn cũng như việc mở rộng hoạt động ngoại thương của chính quyền Nhật Bản đương thời, các thương gia Nhật Bản đã vượt qua những cách trở, khó khăn đến Hội An buôn bán, lập một khu phố riêng để cư trú, góp phần quan trọng tạo nên sự hưng thịnh, sầm uất một thời của đô thị - thương cảng mậu dịch quốc tế Hội An. Kết quả của mối quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam - Nhật Bản trong quá khứ ở Hội An đã tạo tiền đề tốt đẹp, góp phần làm cho quan hệ hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản ngày nay thêm bền vững và phát triển.

Trong những thập niên gần đây, đặc biệt từ sau hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An năm 1990 đến nay, nhiều cơ quan, tổ chức, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu khoa học và nhiều bạn hữu Nhật Bản đã đến Hội An hợp tác nghiên cứu khoa học; tư vấn, hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và bảo vệ môi trường; đầu tư phát triển kinh tế, dịch vụ - du lịch,... đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp, khắc ghi thêm những dấu ấn sâu đậm trong mối quan hệ giữa Việt Nam - Nhật Bản.

Với mong muốn tập hợp thêm tư liệu, nhận diện rõ hơn mối quan hệ giao thương và giao lưu văn hóa trong quá khứ cũng như hiện nay, đặc biệt là những quan hệ hợp tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An; đồng thời chào mừng kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (1973 - 2023), trong Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản tập này, Ban Biên soạn xin được giới thiệu nội dung số chuyên đề về quan hệ Việt Nam - Nhật Bản tại Hội An.

Ban Biên soạn rất mong nhận được những trao đổi, đóng góp của quý bạn đọc.

Trân trọng!

Ban Biên soạn

THÔNG TIN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội Khoa học Lịch sử Hội An
Chi hội Văn nghệ Dân gian Quảng Nam

Chỉ đạo nội dung

Phạm Phú Ngọc

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm biên soạn

Quảng Văn Quý

*Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Ban Biên soạn

Quảng Văn Quý

Tổng Quốc Hưng

Nguyễn Chí Trung

Trần Văn An

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Nguyễn Văn Thịnh

Thiết kế bìa

Trần Quang Ngọc

Tập 03 (63) - 2023

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Những bức thư gửi từ 400 năm trước - ThS. Trần Anh 3
- Giao thương giữa Hội An - Nhật Bản thế kỷ 16-17 - ThS. Nguyễn Chí Trung 7
- Góp phần tìm hiểu giao thương Nhật Bản ở Hội An thế kỷ 16-17 - NNC. Tôn Thất Hương 17
- Người Nhật ở Hội An thời các chúa Nguyễn - GS. TS. Kikuchi Seiichi 26
- Một số thông tin về người Nhật Công giáo ở Hội An thế kỷ 17 - ThS. Phạm Phước Tịnh 34
- Giao lưu văn hóa Nhật - Việt - Một nghiên cứu về sự ra đời của “Nihonmachi” (phố Nhật) ở Hội An thế kỷ 16-17 - TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh 42
- Người Nhật với quá trình hình thành chữ Quốc ngữ ở Hội An - NNC. Trần Văn An 49
- Gốm sứ Nhật Bản thế kỷ 17 phát hiện ở Hội An - CN. Võ Hồng Việt 53
- Hợp tác và hỗ trợ của Nhật Bản trong nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa Hội An - ThS. Quảng Văn Quý 60
- Vài suy nghĩ ban đầu về những nhà hàng Nhật Bản ở Hội An - CN. Khiếu Thị Hoài 67
- Vài nét về Không gian văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại Hội An - CN. Nguyễn Đức Minh 73

✿ Thông tin tư liệu

- Thông tin về Đồ án thiết kế tỉnh lỵ Hội An, tỉnh Quảng Nam năm 1973 - Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản 79

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

NHỮNG BỨC THƯ GỬI TỪ 400 NĂM TRƯỚC

ThS. Trần Anh

Từ trước đến nay, có khá nhiều đề tài nghiên cứu về mối quan hệ giao thương giữa Đàng Trong (mà chủ yếu là Hội An) với Nhật Bản, thiết tưởng không có gì bàn cãi về sự xuất hiện của người Nhật, phố Nhật, nhiều di tích Nhật ở Hội An cùng với thời khoảng quan hệ, dung lượng, chủng loại hàng hóa bán buôn và mức độ doanh thương từ hai phía. Thông qua 13 bức thư trao đổi giữa các chúa Nguyễn và triều đình Nhật Bản mà ông Sở Cuồng Lê Dư công bố năm 1921 trên Tạp chí Nam Phong¹ càng làm rõ hơn mối quan hệ giao lưu buôn bán một thời mở cửa thịnh vượng,...

Không phải đến năm 1601, Nguyễn Hoàng mới viết lá thư đầu tiên mà từ những năm 1558 - 1593, ông đã có liên lạc thư từ với triều đình Nhật Bản, rồi năm 1602, Nguyễn Phúc Nguyên² đã viết một bức thư cho Tokugawa hoặc những bức thư phúc đáp từ phía Nhật trong những năm 1606 - 1635. Bài viết này tập trung giới thiệu 13 bức thư mà Sở Cuồng Lê Dư đã công bố năm 1921. Con số này chắc chắn sẽ nhiều hơn nhưng khi viết bài này chúng tôi chưa tiếp cận được.

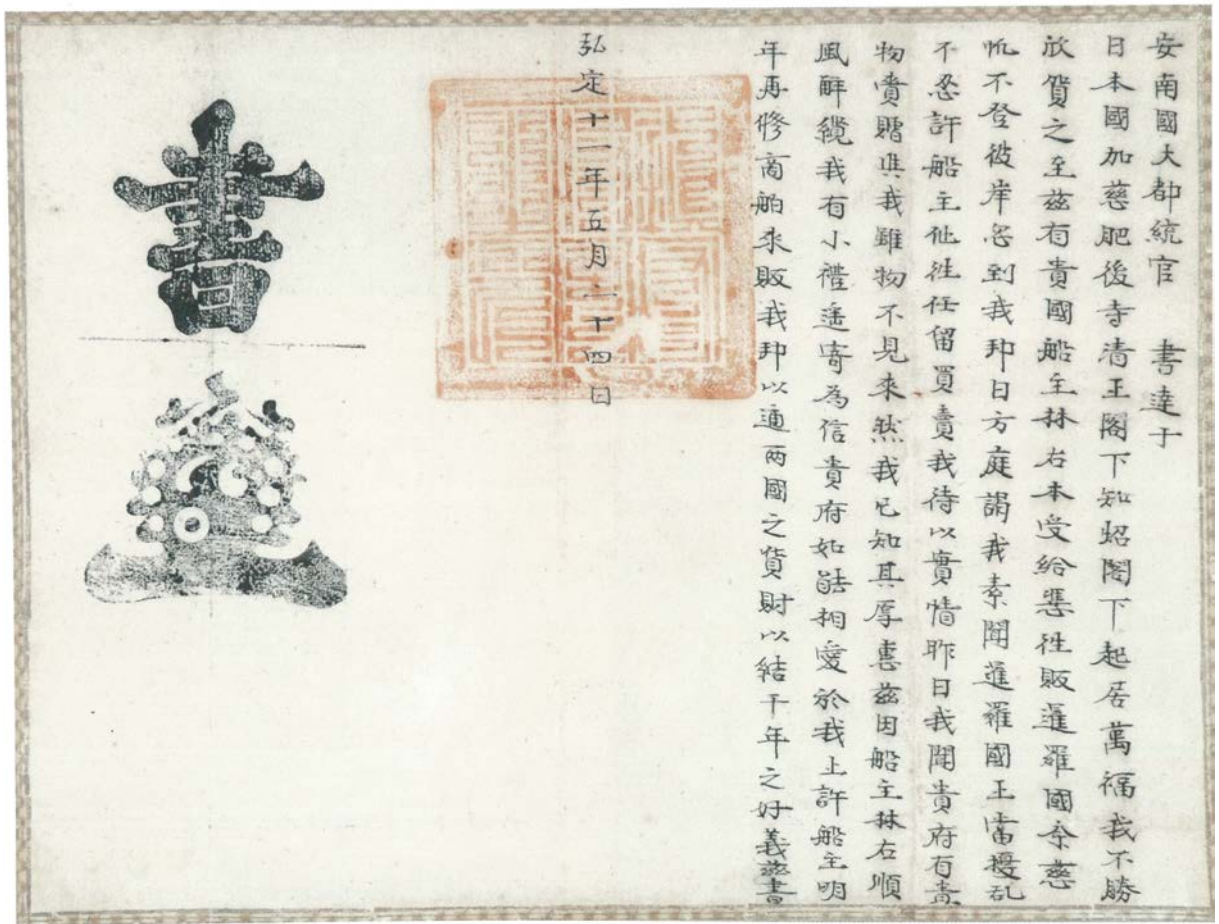
13 bức thư viết không đều đặn trong 35 năm (1601 - 1635), tập trung

chủ yếu vào thời gian đầu và gần như tỷ lệ thuận với mức độ quan hệ giữa tập đoàn phong kiến Đàng Trong và triều đình Nhật Bản. Nhờ chính sách ngoại thương cởi mở của các chúa Nguyễn và chế độ “*Châu ấn*” (*Shuinsen*) tích cực của Mạc Phủ Tokugawa. Đây là giai đoạn giao thương tích cực nhất tại các xứ Đàng Trong của thương thuyền Nhật Bản³. 13 bức thư phân bố không đồng đều giữa các tác giả. Nếu 4 bức của phía Nhật đều do Tokugawa viết thì phía Việt Nam, Nguyễn Hoàng chỉ viết 1 bức, 8 bức còn lại đều của Nguyễn Phúc Nguyên. Đó là điều dễ hiểu, vì rằng cả Nguyễn Phúc Nguyên (1562 - 1635) lẫn Tokugawa (1542 - 1616) đều là những nhà lãnh đạo có tài và đặc biệt là có tầm nhìn kinh tế ngoại thương thông thoáng, cởi mở. Trong thời gian trị vì của mình, hai ông đã thường xuyên viết thư cho nhau không ngoài mục đích tăng cường kết hiếu bang giao vì sự phồn vinh giàu mạnh, tất nhiên trong đó có cả quyền lợi cá nhân, dòng họ. Cứ mỗi năm theo gió mùa vào tháng 5 - 6, các Nhật thương mang thư của chúa Nguyễn về Nhật, rồi đến tháng 11 - 12, họ lại mang thư phúc đáp của Tokugawa gửi đến Đàng Trong và đến năm sau, thư từ lại được chuyển giao như vậy. Chỉ riêng điều này đã thể hiện sự tôn trọng, tin tưởng nhau giữa

¹ Tạp chí Nam Phong, số 54, tháng 2/1921, tr.200-215.

² Thụy Quận công Nguyễn Phúc Nguyên (1562-1635) đương thời gọi là chúa Sãi. Ngài là con thứ 6 của chúa Nguyễn Hoàng (Thái tổ Gia dụ Hoàng đế) cái họ là Nguyễn Phúc, sau khi mất được suy tôn là Hi Tôn Hiến Văn Hoàng đế.

³ Theo thống kê chưa đầy đủ, có đến 86 thuyền buôn Nhật đến buôn bán tại Hội An. Chiếm 66% số thuyền Nhật đến Việt Nam trong giai đoạn này.



Bức thư của chúa Nguyễn Hoàng gửi cho Kiyomasa (Gia Đăng Thanh Chính)
- Nhật Bản năm 1610. Trích trong Ngoại phiên thông thư

hai vị nguyên thủ, tăng thêm sức thuyết phục giữa những điều muốn gởi gắm cho nhau.

Bên cạnh yếu tố khách sáo trong văn bản ngoại giao, nội dung bức thư còn chứa đựng những lời lẽ chân tình sâu sắc. Nguyễn Hoàng đã viết cho Tokugawa rằng: “Tôi vô cùng cảm mến ơn đức của Ngài, xin được thân hành đến chúc phúc Ngài trong một ngày khác” (thư ngày 5/5/1601). Tokugawa cũng thành thật bày tỏ niềm vui khi nhận được thư: “Thư Ngài đến tay tôi đọc đi đọc lại hai ba lần” (11/1061). Nguyễn Phúc Nguyên viết cho Tokugawa: “Trước lòng độ lượng thương yêu và khoan dung rộng khắp

của Ngài, tôi những muốn sai người đến trước thềm và cảm tạ, nhưng ngặt nỗi đất trời Nghiêu biển Thuận ấy chỉ có thể ghi nhớ mà thôi” (19/5/1603). Và Tokugawa cũng viết phúc đáp: “Thời tiết hiện nay hơi khắc nghiệt cũng mong Ngài hãy vì quốc gia mà bảo trọng” (2/11/1602). Rõ ràng chỉ có những người thiết thân mới cho nhau những lời khuyên riêng tư tốt đẹp như thế.

Về phía Đàng Trong, do nhu cầu phục vụ cho mục đích cát cứ, ly khai, các chúa Nguyễn đã không ngần ngại dựa vào nước ngoài để gây dựng thanh thế, cơ đồ nhằm đương đầu với tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh. Chính vì lẽ đó,

hầu như bức thư nào, các Chúa cũng đều nêu rõ thiện chí, ước muốn các Nhật thương đến buôn bán ngày càng nhiều. Chúa Nguyễn đã viết cho Nhật Hoàng rằng: *“Thuyền buôn của nước Ngải lui tới để buôn bán, tôi đặc biệt che chở, ưu ái cho mọi người an cư”* (1/5/1604) hoặc *“có đủ sức mệnh mông để cảm mến và hết lòng đón tiếp”* (18/5/1622). Việc Nguyễn Phúc Nguyên nhận thương nhân Nhật là Di Thất Lang làm con nuôi, *“yêu thương như khách, càng hết lòng khuyên răn, dạy bảo”*. Đến khi Lang về nước ông đã *“tưởng nhớ khôn nguôi”* và yêu cầu Tokugawa *“Sang năm ưng thuận cho Lang sửa sang 3 chiếc thuyền lại đến nước tôi, khiến cho việc giao dịch trở lại bình thường”* (6/5/1606) đã thắt chặt hơn nữa mối bang giao Việt - Nhật, thể hiện tài đối ngoại khôn khéo của ông. Thành công của sự kiện này đã tạo tiền đề cho chúa Nguyễn vươn lên đỉnh cao của tình kết hiếu vào 13 năm sau đó. Trong một bức thư lập năm 1619, ông hài lòng công bố với nhân dân Đàng Trong: *“Nay có chủ thuyền của Mộc Thụ Tông Thái Lang (tức Araki Sotaro - T.A) nước Nhật chèo thuyền vượt biển đến nước ta, bái kiến nguyện xin làm kẻ hầu hạ dưới trướng. Ta chiều theo ý muốn, lại ban ơn cho vào hàng quý tộc là Nguyễn Đại Lương, tên Hiền Hùng. Đó không những là việc làm vinh hiển cho cung đình ta một thời mà còn làm vững chắc mối quan hệ giao thương hai cõi Nam - Bắc”* (chỉ Đàng Trong và Nhật Bản - T.A) (22/4/1619). Việc chúa Nguyễn gả một công nữ của mình cho một Nhật thương, tự nó đã nói lên mối quan hệ thâm thiết đến mức nào. Còn thái độ của phía Nhật thì sao?

Chúng ta hãy đọc xem những gì Tokugawa đã gởi cho chúa Nguyễn. Ban đầu ông nêu lên tình hình thuận lợi ở Nhật và có ý mời các Việt thương sang buôn bán: *“Nay nước tôi bốn bề đều yên ổn, các vùng đều thanh bình, khách thương đi lại trên biển cũng như trên đất liền không có nghịch tặc nên có thể yên tâm được”* (11/1601). Sau đó, ông đưa ra những lời cam kết bảo đảm cho các thương thuyền Việt Nam: *“Nay chỉ thị cho khách buôn tùy ý ở lại và ban cho thư trát có ấn ký để hàng hóa, thuyền buôn khỏi bị xâm phạm. Chỉ cốt yếu sao cho các lữ khách được an cư”* (5/11/1603). Như vậy, chính quyền của Mạc Phủ Tokugawa cũng tỏ rõ ý muốn mở rộng quan hệ giao thương hai chiều.

Một nội dung quan trọng nữa trong những bức thư của chúa Nguyễn là muốn Nhật đứng về phía mình để chống lại tập đoàn Lê - Trịnh. Liên tiếp trong 3 lá thư cuối cùng (1622, 1628, 1635), chúa Nguyễn nhấn mạnh lời đề nghị Mạc Phủ cấm các thương thuyền Nhật đến các xứ Đàng Ngoài, hoặc nếu đến cũng không được mang theo khí cụ bằng đồng, lưu huỳnh và súng đạn. Rất tiếc, chúng ta không biết cách giải quyết của chính quyền Nhật như thế nào về vấn đề này (vì không tìm thấy thư trả lời). Nhưng trên thực tế, vì mục đích lợi nhuận, các Nhật thương vẫn tiến hành buôn bán như cũ tại hai thương trường quen thuộc của họ ở Kẻ Chợ (Hà Nội) và Phố Hiến (Hưng Yên). Tuy nhiên, đây chỉ là trường hợp nhỏ lẻ, không làm xấu đi tiến trình kết giao đang trên đà tốt đẹp. Tokugawa đã từng thừa nhận: *“Tuy cách trở biển*

trời nhưng tình nghĩa lâu nay không hề suy giảm” (2/11/1602) và Nguyễn Phúc Nguyên cũng vậy, ông vui mừng viết cho Nhật thương Trà Ốc Tứ Lang, Thứ Lang rằng: “*Ta từ khi kết hiếu cùng đất nước quý ngài cho đến nay đã hơn 30 năm, ơn nghĩa lâu nay chưa từng thiếu sót*” (25/4/1628). Ngay cả sự kiện quân chúa Nguyễn tấn công nhằm đoàn thuyền Nhật của Bạch Tàn Hiên Quý từ rất lâu (1585) cũng làm cho Nguyễn Hoàng “*tiếc mãi không thôi*” và ông liền viết thư thanh minh với triều đình Nhật Bản khi biết rõ hư thực, mong sự cảm thông và tình hữu nghị lâu bền.

Cũng cần chú ý một thủ tục có tính nguyên tắc thời bấy giờ là kèm theo thư, bao giờ cũng có quà tặng. Các chúa Nguyễn gởi cho Tokugawa khi thì mảnh hương kỳ nam, 3 tấm vải bạch thực, 10 bình mật trắng, 100 tấm gỗ lụ, 5 con chim công (5/5/1601) khi thì 2 tấm gương, 1 khối kỳ nam, 10 tấm lụa trắng, 1 bình hương thơm, 1 bình sáp thơm... (6/5/1605). Tokugawa cũng đáp lễ chúa Nguyễn bằng những món quà thiết thực, hoặc là áo giáp tốt, gươm báu (2/11/1602) 10 thanh trường đại đao hoặc là 2 cây trường đao, 1 cây đại đao (9/1605). Đó chính là các loại quân khí mà chúa Nguyễn tối cần. Những món quà ấy thực ra chưa nhiều, song giá trị của nó đã vượt xa khuôn khổ giá cả thông thường có tác dụng tích cực, thúc đẩy quá trình thông hiếu bang giao.

Từ mối giao hảo đặc biệt đó, hai bên cũng lưu ý nhau giữ gìn phép nước.

Sự kiện Hiên Quý buộc Tokugawa viết cho Nguyễn Hoàng: “*Nếu bọn hung đồ là người nước ngoài, thì nên trừng trị răn đe chúng*” (11/1601). Ông cũng công minh đề nghị nếu các Nhật thương “*buông lời làm ác, làm điều sai quấy, mong Ngài xem xét tận lẽ chính tà, phân biệt rõ tội nặng nhẹ mà trừng phạt để thu phục*” (9/1605). Ngoài ra, nhằm ngăn ngừa nạn hải tặc, buôn lậu, ông đã thông báo: “*Thuyền buôn nào không có con dấu này (Châu ấn - T.A) thì không cho vào quý quốc*” (11/1601). Nguyễn Phúc Nguyên cũng khẳng định chủ quyền dân tộc, nghiêm túc tuyên bố trong thư: “*Các khách buôn không được đến buôn bán bừa bãi. Ví như khách buôn nào có hành động tàn ác thì cứ theo luật pháp quốc gia, không thể dung thứ được*” (5/5/1606). Nhờ những biện pháp trên mà mối quan hệ Việt - Nhật nhìn chung rất hữu nghị, ôn hòa, hơn một nghìn Nhật thương trên phố Nhật vẫn chung sống hòa bình bên cạnh người Việt tại cảng thị Hội An.

Lướt qua những dòng tiêu biểu, những bức thư quan hệ không những đóng vai trò là chiếc cầu thông minh mà còn là chất keo, chất xúc tác, góp phần tạo mối bang giao Việt - Nhật nồng thắm một thời trong lịch sử. Ngày nay, 13 bức thư ấy là một nguồn tư liệu hết sức quý báu, ngoài giá trị khoa học, còn là những bài học thiết thực về mối quan hệ hòa bình, hợp tác và cùng có lợi trong xu thế hội nhập của thời đại ♦

GIAO THƯƠNG GIỮA HỘI AN - NHẬT BẢN THẾ KỶ 16 - 17

ThS. Nguyễn Chí Trung

Kết quả nghiên cứu liên ngành khảo cổ, lịch sử, cổ sinh học, văn hóa, địa lý,... cho biết, từ rất sớm, do sự gần gũi về địa lý và để tăng cường sức mạnh kinh tế, văn hóa giữa các quốc gia, khu vực, mà cùng với thương nhân Hoa, các thương nhân từ bán đảo Triều Tiên, Ryukyu (*Lưu Cầu*), Nhật Bản, Đài Loan,... cũng đã đến Đông Nam Á giao lưu, trao đổi hàng hóa, thiết lập bang giao. Trong rất nhiều trường hợp, quan hệ giao thương đã trở thành mục tiêu và động lực thúc đẩy sự hợp tác, phát triển các mối quan hệ khác giữa các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á trong nhiều thế kỷ. Đặc biệt đến thế kỷ 16 - 17, mối quan hệ giữa các quốc gia này càng mở rộng và trở nên mạnh mẽ. Hệ quả của nó là sự gắn kết từ những nhân tố nội sinh (*endogenous factors*), những tác nhân ngoại sinh (*exogenous factors*), đã có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa của mỗi quốc gia đồng thời là một trong những động lực chính yếu thúc đẩy sự hình thành, phát triển của hệ thống giao thương, cảng thị khu vực. Trong phạm vi của bài viết chỉ xin tập trung trình bày với tiêu đề: “*Giao thương giữa Hội An - Nhật Bản thế kỷ 16 - 17*”.

1. Bối cảnh lịch sử

Thực ra, ngay từ thời Trung Cổ, việc bán buôn giữa phương Đông và phương Tây, giữa các nước trong khu vực Châu Á đã có nếp với những “*con đường hương liệu*”, “*con đường tơ lụa*” rồi “*con đường gốm sứ mậu dịch*”... trên lục địa và trên biển. Đến thế kỷ 11, kinh tế công thương nghiệp Châu Âu càng phát triển mạnh đã tạo ra nhiều hàng hóa, làm nảy sinh nhu cầu tìm thị trường ngoài Châu Âu để trao đổi. Do vậy, những trung tâm thương nghiệp được hình thành tại các đầu mối giao thông nằm bên ngoài các lãnh địa phong kiến đã cho ra đời tầng lớp thị dân mới và đội ngũ thương nhân gắn mình với sứ mạng quốc tế. Họ năng động chuyển hàng hóa từ các nước phương Đông: Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Ba Tư,... sang vùng Cận Đông qua Ai Cập, Bắc Phi đến Châu Âu. Địa Trung Hải trở thành vùng thương mại hoạt động mạnh mẽ nhất thế giới hồi đó.

Bước vào thế kỷ 15, ở Châu Âu với sự thành lập mạnh mẽ của các vương quyền thống nhất, tạo cho thị trường toàn quốc ra đời đầy nhanh sự phát triển sản xuất tư bản chủ nghĩa, đồng thời cùng với nó, việc tìm kiếm thị trường đã trở

thành vấn đề bức xúc lớn lao của các nước phương Tây. Nhưng lúc bấy giờ, con đường buôn bán nổi Châu Âu với Địa Trung Hải đến Cận Đông bị Thổ Nhĩ Kỳ, Ả Rập và Ý khống chế, nên những thương nhân khát hàng phương Đông phải đi tìm con đường và những thị trường riêng cho mình. Dựa vào thành tựu rực rỡ của thời kỳ Phục hưng ở Châu Âu đó là những tiến bộ khoa học kỹ thuật như thiên văn học, bản đồ học, khoa học hàng hải, kỹ thuật đóng tàu buồm,... cùng với tinh thần phiêu lưu mạo hiểm, sự khát khao thị trường,... đã thúc đẩy các nhà hàng hải đồng thời cũng là thương nhân phương Tây và cùng các giáo sĩ Dòng Tên đi phát hiện những vùng đất mới, những lục địa mới và thiết lập những thể chế thuộc địa, đặc biệt đối với các nước ở vùng Đông bán cầu¹. Từ các điểm đầu mối căn cứ và trung tâm thương điểm nói trên được thiết lập ở phương Đông, thuyền buôn phương Tây tìm đến hầu hết các nước ven biển Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á, tạo cho sự

¹ Những sự kiện vòng quanh thế giới bằng thuyền buồm của Magiêlăng (1519 - 1523), tìm ra Châu Mỹ của Christop Colombur (1492) hay Vasco De Gama đặt chân lên Ấn Độ (1498)... đã mở ra thời kỳ mới cho các nhà thương nhân - hàng hải Âu châu đến với các châu lục trên thế giới. Đi tiên phong đến các nước ở Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á là người Bồ Đào Nha: Năm 1498, chiếm Calicut, rồi năm 1510 chiếm Goa của Ấn Độ, năm 1511 chiếm Malaca (Malaysia), năm 1521 lập thương điểm ở Malucu (Indonesia), năm 1542 đến Hirado (Nhật Bản), năm 1563 chiếm Áo Môn (Ma Cao - Trung Quốc). Tiếp theo là Tây Ban Nha: Năm 1568 chiếm Philippin làm thuộc địa, năm 1584 bành trướng sang Nhật. Rồi người Hà Lan: Năm 1596 chiếm Java (Indonesia) làm thuộc địa, năm 1602 hợp nhất tất cả các công ty đang hoạt động thành công ty Đông Ấn - Hà Lan (VOC), năm 1641 chiếm Malucu từ tay Bồ, năm 1642 gây chiến với Bồ chiếm Malaca thiết lập quyền thống trị ở Batavia. Tiếp theo là người Anh (lập công ty Đông Ấn - EIC vào năm 1600) và người Pháp... cũng lần lượt đặt chân lên các nước Á Đông trong thế kỷ 17 vừa tiến hành buôn bán, lập thuộc địa, vừa tiến hành truyền giáo.

hoạt động mậu dịch ở khu vực này càng trở nên sôi nổi, lần lượt lôi cuốn các nước phương Đông vào thị trường khu vực và thị trường thế giới đang hình thành mạnh mẽ².

Ở Châu Á, từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 9, buôn bán quốc tế trong khu vực đã phát triển mạnh và cho đến thế kỷ 14 - 15 đã thấy sự hình thành của “*hệ thống buôn bán Châu Á*” mà trong đó sự thành lập của mạng lưới buôn bán hương liệu, lần lưu thông bạc, với tư cách là phương tiện thanh toán cơ bản nhất³. Tuy nhiên, phải nói rằng sự có mặt và gia tăng hoạt động không ngừng của các lái buôn phương Tây ở khu vực Đông bán cầu nói chung (bắt đầu từ thế kỷ 16) đã có tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế và hoạt động thương mại của các quốc gia ở khu vực này. Mặt khác, đây là giai đoạn phân lớn các quốc gia trong khu vực Đông bán cầu đang ở vào thời kỳ ổn định, độc lập, thống nhất, các nước đều rất cần có đầy đủ các điều kiện để thực hiện các biện pháp, chính sách nhằm tăng cường sức mạnh về kinh tế, củng cố quyền lực chính trị và ảnh hưởng về văn hóa đối với các nước lân cận và trong khu vực. Ngay các nước thi hành chính sách bế quan tỏa cảng

² Trong đó, có Faifo - Hội An của Đàng Trong - Việt Nam là một trong những đầu mối trung tâm, một điểm dừng chân quan trọng của hành trình thương mại qua lại từ phương Tây qua Ấn Độ đến Trung Quốc, Nhật Bản trên con đường hàng hải.

³ Thực ra trước thế kỷ 16, các nhà hàng hải không có một con đường biển nào nối thông Thái Bình Dương với Đại Tây Dương cũng như Ấn Độ Dương với Đại Tây Dương. Trong khi đó ở Đông Nam Á có một số kênh nối thông Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương chẳng hạn như eo biển Melaka, vùng Sulu và Lombok. Vì vậy mà Đông Nam Á có điều kiện chủ động đón nhận các luồng giao lưu văn minh nhờ vị trí địa lý có tính chất cửa ngõ quốc tế này.



Một phần của “Gyokoku Koku Monchi Doku Kaiki” được vẽ vào đầu thế kỷ 17 của dòng họ Chayashin Roku mô tả về cảnh thuyền buôn Nhật Bản đến Hội An

như Sakoku ở Nhật Bản và Hàijìn (*Hải Cầm*) ở Trung Quốc lại là những nước tổ chức thương mại rất mạnh. Thực ra, chính sách bế quan tỏa cảng về cơ bản là chính sách để nhà nước giữ độc quyền về ngoại thương chứ không phải là chính sách cô lập, hoàn toàn “đóng cửa”. Chính các yếu tố trên đã tạo cho thị trường thương mại qua lại giữa các nước trong khu vực và thị trường quốc tế Đông - Tây diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong lịch sử Cổ - Trung - Cận đại ở Đông bán cầu.

Ở Đông Á, vào cuối thế kỷ 16, trước sự ồ ạt xâm chiếm thị trường của các thương nhân, thực dân phương Tây vào khu vực Đông, Nam và Đông Nam Á, năm 1567 triều Minh Trung Quốc (đời vua Minh Mục Tông) đã phải bãi bỏ cấm vận hàng hải (ban hành vào cuối thế kỷ

14 - năm 1371 - Hồng Vũ thứ 4), cho thương nhân xuất dương ra nước ngoài, nhưng vẫn còn cấm giao dịch với Nhật Bản một số hàng, chủ yếu mà người Nhật rất cần, đặc biệt là những nguyên vật liệu có tính chất quân sự như đồng, quặng sắt, diêm sinh,... Đây là những mặt hàng thực tế thương nhân Trung Hoa và Nhật Bản rất muốn giao thương với nhau.

Lúc này, ở Việt Nam vào thế kỷ 16 - 17, Chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã xác lập chủ quyền vùng Thuận Hóa (1558) và cả xứ Quảng vào đầu thế kỷ 17. Từ năm 1600, Nguyễn Hoàng đã bước đầu thực hiện nhiều chính sách tiến bộ với vùng đất mới của mình: chiêu mộ hiền tài, khai khẩn mở mang đất đai và hơn hết là thực hiện đường lối ngoại giao tích cực với các nước lân bang. Chúa Nguyễn coi việc

phát triển giao thương buôn bán với bên ngoài không chỉ vì lý do kinh tế mà còn là cách thức để tăng cường tiềm lực của bản thân. Đúng thời điểm này, kỷ nguyên Châu Ấn thuyền ở Nhật Bản như một cơ hội tốt cho sự cụ thể hóa chủ trương của các Chúa Nguyễn. Như vậy, từ năm 1601 trở đi, hai bên (*giữa Chúa Nguyễn Hoàng ở Đàng Trong - Việt Nam với Tokugawa - Nhật Bản*) đã gặp nhau về chủ trương mong muốn phát triển ngoại thương, do đó quan hệ buôn bán với nhau rất mạnh mẽ, nhất là thái độ cởi mở, năng động của Nguyễn Hoàng và Chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã làm phần khích các thương nhân Nhật khát khao thị trường thương mại Đông Nam Á đến Hội An - Đàng Trong, một cảng thị thuyền buồm truyền thống nổi tiếng trong khu vực Đông Nam Á⁴.

Ở Nhật Bản từ sau năm 1592 đã chấm dứt hẳn cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài suốt hơn 200 năm giữa các thế lực phong kiến. Quyền lực từ dòng họ Hoshin đã chuyển sang dòng họ Tokugawa và được bắt đầu với tướng quân Tokugawa Ieyasu (1542 - 1616), người sáng lập ra triều đại mang tên mình. Ông là người biết nhìn xa trông rộng, tiếp thu một cách cẩn trọng chính sách của những người đi trước. Song song với việc ra sức củng cố chính quyền và thực lực kinh tế, tướng quân Tokugawa Ieyasu cùng triều đại của Ông đã biết quan tâm sâu sắc đến ngành

công nghiệp trong nước và ngoại thương. Như vậy, từ sau năm 1592, Nhật Bản bước vào một thời kỳ hòa bình, ổn định và đây là điều kiện căn bản cho sự phát triển kinh tế. Kế thừa kinh nghiệm kế sách của người đi trước, tướng quân Tokugawa Ieyasu đã có nhiều chủ trương tích cực để phát triển kinh tế. Ông đã ban hành nhiều chính sách mới khuyến khích phát triển sản xuất, nhất là đối với hàng công nghiệp và thương mại; chủ trương xóa bỏ mọi ngăn cách các lãnh địa để thông thương kinh tế; kêu gọi thương nhân đến sống ở các thành thị. Tiếp tục chính sách của Toyotomi Hodeyshi (1536 - 1598), Tokugawa Ieyasu chủ trương khuyến khích tàu buôn nước ngoài đến Nhật Bản và đồng thời thiết lập mối quan hệ hữu nghị với các nước trong khu vực thông qua buôn bán, ngoại giao, mở ra thời đại Shiunsen, tức là “*Châu Ấn thuyền* - 朱印船” và ban hành giấy phép Shuinjo (*Châu Ấn trạng* 朱印狀) kéo dài trong 3 thập niên đầu của thế kỷ 17, cho phép các thương nhân Nhật Bản vượt biển ra nước ngoài buôn bán với các nước Đông Nam Á, và thương nhân Hoa, trong đó có Việt Nam⁵.

⁴ Từ năm 1601 đến 1606, hàng năm Nguyễn Hoàng và Tokugawa đều có thư từ với nhau. Tuy nhiên, Nguyễn Hoàng tỏ ra là người bạn hàng hăm hở hơn và thường đóng vai trò chủ động. Trong vòng 6 năm này Nguyễn Hoàng đã gửi cho Tokugawa 8 bức thư và 2 lần gửi tặng phẩm, còn Tokugawa gửi 6 bức thư.

⁵ Khi nghiên cứu về lịch sử Nhật Bản thời kỳ Mạc Phủ Tokugawa, các nhà sử học Nhật Bản và quốc tế đều khẳng định: Thắng lợi quyết định của dòng họ Tokugawa (*với sự ra đời của triều đại Tokugawa*) đã có ý nghĩa bước ngoặt trong lịch sử Nhật Bản. Nó đánh dấu thời kỳ phát triển phồn thịnh của chế độ phong kiến, đó cũng là thời kỳ mà xã hội Nhật Bản diễn ra những biến chuyển sâu sắc chứa đựng, nảy sinh nhiều nhân tố tiền định cho sự phát triển tương lai. Sự phát triển kinh tế không nghi ngờ gì nữa là do tình hình và những thay đổi trong điều kiện chính trị sau năm 1600 tạo ra.

2. Giao thương giữa Hội An - Nhật Bản thế kỷ 16 - 17⁶

Hội An là cảng chính của Đàng Trong, có vai trò quan trọng trong việc lôi cuốn các thương gia Nhật Bản tới Đàng Trong. Đây là một trung tâm phân phối hàng khá tốt. Xuất phát từ nhận thức của các chúa Nguyễn biết rằng, Nhật Bản là một thị trường có sức mua lớn và ngoài những mặt hàng chiến lược khác, Nhật Bản còn là một quốc gia xuất khẩu đồng, tiền đồng, các loại quân khí chủ yếu mà chúa Đàng Trong (*cả Đàng Ngoài*) rất cần. Chính quyền Đàng Trong muốn tranh thủ võ nghệ cũng như vũ khí của người Nhật để giành ưu thế quân sự với Đàng Ngoài. Do đó chúa Nguyễn đã giành cho người Nhật rất nhiều ưu đãi như: Cho họ định cư ở vị trí hết sức thuận lợi trong buôn bán ở Hội An và với các thương nhân khác. Từ đó hình thành nên khu phố Nhật (*Nihon Machi*) là nơi cộng đồng người Nhật sinh sống và buôn

⁶ Thực ra, sự tiếp xúc chính thức đầu tiên của Nhật Bản và Đàng Trong không phải là qua các chiếc Châu Ấn thuyền mà theo ghi chép trong Đại Nam thực lục tiền biên về năm 1585, lại là một cướp biển người Nhật - Shirakamakenki: “*tướng giặc Tây Dương hiệu là Hiến Quý đi năm chiếc thuyền lớn đến đậu ở Cửa Việt để cướp bóc ven biển. Chúa (Nguyễn Hoàng) sai hoàng tử thứ 6 lĩnh hơn 10 chiếc thuyền, tiến thẳng đến cửa biển, đánh tan 2 chiếc thuyền giặc. Hiến Quý sợ chạy*”. Chúa Cả mừng nói rằng: “*con ta thật oanh liệt... từ đó giặc biển im hơi*” (Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (1964), *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập I, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, tr.37). 16 năm sau (1601) trong bức thư gởi Tokugawa Ieyasu, chúa Nguyễn Hoàng đã thanh minh sự kiện này và tỏ ý muốn có thông thương giữa hai nước như từ trước đến nay. Thư trả lời của Tokugawa nói rõ là Hiến Quý không phải là phái viên chính thức và cho biết: “*Trong tương lai, các tàu thuyền từ xứ chúng tôi tới thăm xứ của ngài phải được chứng nhận bởi con mộc đóng trên bức thư này và tàu thuyền nào không có con mộc sẽ bị coi là bất hợp pháp*” (Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong, Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*, Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, tr.88).

bán. Vào thời điểm Châu Ấn thuyền, các thương cảng ở Đàng Trong, mà trung tâm là Hội An đã phát huy lợi thế của mình bằng cách gom hàng từ các nơi khác về để bán lại cho người Nhật một cách thuận lợi nhất, đồng thời chính quyền chúa Nguyễn còn khuyến khích nhà buôn nước ngoài đặt thương điểm để thuận tiện cho giao dịch hàng hóa. Nhờ vậy, giới thương nhân Nhật Bản khi đến Hội An không chỉ có thể mua được tơ lụa, gốm sứ và các loại hàng hóa khác của Việt Nam, Trung Quốc mà còn thu gom được nhiều loại đặc sản ở khu vực Đông Nam Á và cả phương Tây... Có thể nói với cùng nhiều yếu tố thuận lợi khác, Đàng Trong với cảng thị Hội An đã lôi cuốn các thương gia Nhật, đây là một trung tâm phân phối hàng được tổ chức khá tốt, thuận lợi với mức thuế không cao lắm. Chính vì vậy, tại Hội An, quan hệ buôn bán Việt - Nhật đã diễn ra khá sôi nổi. Người Nhật đã đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế ở đây. Họ được chúa Nguyễn ưu đãi về chính trị và thuế khóa, và gần như được hoàn toàn tự do trong buôn bán, đời sống kinh tế của Nhật kiều tại Hội An khá cao⁷. Họ có nhiều đóng góp cho sự phồn thịnh của cảng thị Hội An nên họ được chúa Nguyễn ưu ái hơn và được cộng đồng người Việt cảm mến hơn so với các ngoại kiều khác. Theo Lê Quý Đôn, tàu Nhật

⁷ Ví dụ như vào năm 1640, đó là thời gian người Nhật ở Hội An đã giảm rất nhiều, nhưng trong bia “*Phổ Đà Sơn linh Trung phật*” khắc trên vách hang động Hoa Nghiêm, Non Nước, Đà Nẵng ghi rõ việc tham gia đóng góp xây dựng chùa của người Nhật gồm: 3 thương gia mang quốc tịch Nhật Bản cúng 570kg đồng đỏ là Chaya Takeshima, Kawakami Kaheie và Asami Yasuke và 15 người Nhật Bản dinh và Tùng Bản dinh (*phố Nhật ở Hội An*) chiếm 18,2% số người cúng ở đây nhưng chiếm 57,2% số tiền và 71,4% số bạc của những người tham gia đóng góp xây chùa được ghi trên tấm bia này.

đến Đàng Trong chịu thuế nhập là 4.000 quan, thuế xuất là 400 quan; trong khi đó các tàu buôn phương Tây chịu thuế nhập 8.000 quan, thuế xuất là 800 quan.

Theo thống kê cho biết từ năm 1601 đến khi có lệnh tỏa cảng năm 1635 của Mạc Phủ Tokugawa đã có 356 Châu ấn thuyền đã xuất dương, trong đó có 37 thuyền cập bến Đông Kinh (*thuộc khu vực của Chúa Trịnh*) và 71 thuyền cập bến Quảng Nam (*Hội An*)⁸. Theo mùa mậu dịch lộ trình đến Đàng Trong buôn bán của người Nhật được mô tả khá rõ trong “*Giao chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ*”, một bức tranh nổi tiếng vẽ vào năm 1640 của dòng họ Chaya (*hiện được lưu giữ tại Jomyo, Nhật Bản*). Nhiều thương nhân Nhật Bản do chế độ gió mùa (*áp đông*) họ đã lưu trú lại Hội An⁹, với các dòng họ nổi tiếng như: Suminokura, Chaya, Sueyoshi, Funamoto, Kiya, Suetsugu, Nishi, Araki, Hirano, Hashimoto. Họ đã có những cuộc hôn nhân với người Việt, một số khác với người Hoa Hội An. Cũng như các thương nhân người Hoa, số thương nhân Nhật Bản cùng người thân của họ (*vợ, con*) ngày một đông, vì vậy “*Chúa Đàng trong xưa kia cho người Nhật, người Tàu (Hoa) chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán... Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một*

thành phố lớn đến độ người ta có thể nói được là có hai thành phố, một phố người Tàu và phố người Nhật. Mỗi phố có một khu vực riêng, có cơ quan cai trị riêng và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu, và người Nhật cũng vậy”¹⁰. Để đẩy mạnh quan hệ giao thương giữa hai nước (Đàng Trong và Nhật Bản) Chúa Nguyễn Hoàng năm 1604 nhận Hunamoto Yabeiye, một thương gia cũng như phái viên đầu tiên của chính quyền Tokugawa tới Đàng Trong làm con nuôi, rồi gửi thư cho Chính Phủ Nhật báo tin này và yêu cầu Chính phủ Nhật Bản gửi Hunamoto Yabeiye trở lại Đàng Trong một lần nữa cùng với tàu của ông¹¹. Đến thời Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), còn tìm cách đẩy các mối quan hệ này đi xa hơn nữa. Vào năm 1619, chúa đứng gả một người con gái¹² cho một thương nhân Nhật khác tên

¹⁰ Cristophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ dịch, Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr.92.

¹¹ Li Tana (1999), tài liệu đã dẫn, tr.94.

¹² Theo Quốc sử quán triều Nguyễn, bộ “*Đại Nam liệt truyện*”, quyển 2, truyện các Công chúa. Không rõ lý do gì mà 4 người con gái của Hi Tông Hoàng Đế, trong đó có 2 người là Ngọc Vạn và Ngọc Khoa ghi là: Không có truyện (*tức là ta không biết các bà này đã gả lấy chồng về đâu ?*). Chính vì vậy, sau này các học giả nghiên cứu khi nói đến người con gái mà chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả cho thương nhân Nhật Bản người viết là Ngọc Khoa, người ghi là Ngọc Vạn, rồi cũng không biết từ đâu có tên gọi nghiễm nhiên là Ngọc Hoa mà hầu như được chấp nhận?

Đến nay, theo “*Đại Nam liệt truyện*” và “*Nguyễn Phúc Thế phả*” được xuất bản năm 1995, chính thức công bố: chúa Nguyễn Phúc Nguyên có 4 người con gái được cưới gả như sau:

- Hoàng nữ Ngọc Liên: bà lấy chồng là Trần Biên doanh trấn thủ Phó tướng Nguyễn Phúc Vinh (*Vinh là con trưởng Mạc Cảnh Huống, được ban quốc tính, sau lại đổi thành họ Nguyễn Hữu*).

- Hoàng nữ Ngọc Vạn: bà được gả cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II.

- Hoàng nữ Ngọc Khoa: bà được gả cho vua Chiêm Thành là Pô rê mê.

⁸ Viện Văn hóa Quốc tế (*Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa*) (2003), *Kiến trúc phố cổ Hội An, Việt Nam (người dịch Trần Thị Quế Hà)*, Hà Nội, NXB Thế giới, tr.25.

⁹ Từ các tháng đầu năm, khi mùa xuân về, gió mùa Đông Bắc đưa thuyền Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ (ở Ma Cao), Hà Lan (ở Nhật)... đến trao đổi hàng hóa ở Hội An, cùng các thương nhân phương Tây, Nam và Đông Nam Á, tập nập nhất vào tháng 3, 4, 5. Đến cuối mùa mậu dịch khoảng tháng 7, 8 khi gió mùa Đông Nam còn thổi và báo hiệu mùa mưa bão sắp đến, đoàn thuyền buôn bắt đầu rời bến Hội An lên phía Bắc, về nước.

là Araki Sotaro. Người con rể mới này lấy tên Việt Nam và trở thành hoàng thân của Đàng Trong¹³. Bên cạnh thực lực kinh tế vững vàng và hùng mạnh so với thương nhân nước ngoài khác, thương nhân Nhật Bản còn vươn lên nắm những cương vị chủ chốt trong việc quản lý thương cảng. Chúa Nguyễn thường giao cho họ phụ trách các công việc như: Cảng vụ, thuế vụ và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động trong khu phố, ngoài ra một số người Nhật còn được Chúa Nguyễn tin dùng vào những công việc như phiên dịch (*thông ngôn*) và cố vấn thương mại (*mại biện*). Về chính trị, 5 người Nhật có uy tín và năng lực được chúa Nguyễn bổ nhiệm làm thị trưởng phố Nhật ở Hội An đó là: ông Dimigo (*từ 1633 - 1636*), ông Hayashi Keimon (*1637*), cha con ông Shiomura Uhei và Shiomura Tahei (*1637 - 1668*) và ông Kadoya Shich Irobei (*1668*). Vào đầu thế kỷ 17, ở khu phố dành cho người Nhật có chừng 60 gia đình sinh sống¹⁴.

Mặt hàng ở Hội An - Đàng Trong thu hút người Nhật đến vẫn là tơ lụa, vải thô, tơ tằm, vải lanh, long não, lô hội, trầm hương, da cá mập, đường đen, mật ong, hồ tiêu, mây, vàng,... Ngược lại các

thương nhân Nhật Bản, chủ yếu từ cảng Nagasaki đem đến thị trường Hội An “vàng, bạc, đồng, tiền vàng, tiền bạc, tiền đồng, sắt, tiền kẽm, các loại vũ khí, áo lụa cao cấp, tranh tượng, quạt, dù, đồ gốm, sứ, sơn mài, đồ dùng, đồ trang sức bằng bạc...”¹⁵, cùng với nhiều mặt hàng xa xỉ phẩm cho vua chúa quý tộc. Đáng chú ý là các nguyên liệu chiến lược như đồng, lưu huỳnh, vũ khí, tiền đồng với nhiều loại khác nhau (*tiền bằng bạc, tiền xuyt - gie, đồng đen*) và bạc¹⁶. Các thương gia Nhật ưu tiên bán một số hàng với giá gốc cho Chúa, quan sở tại. Nhờ vậy, họ nhận được giấy phép dỡ hàng từ thuyền xuống dễ dàng và chất sang các thuyền nhỏ chở đến chợ Hội An. Với việc buôn bán tiền đồng và bạc cùng các mặt hàng nói trên, thương nhân Nhật có thể điều khiển được tiền tệ ở Hội An, lũng đoạn thị trường, cạnh tranh buôn bán với các nước khác và như vậy cũng đóng một vai trò lớn đối với nền ngoại thương ở Hội An. Từ một số nghiên cứu của người Hà Lan, nhà nghiên cứu Iwao Sheiichi cũng kết luận cho biết mỗi Châu Ấn thuyền mang theo một số vốn trị giá 400 kan¹⁷ (*400.000 đồng tiền đồng*) tối thiểu vào buổi đầu và 1.620 kan (*1.620.000 đồng*) vào giai đoạn cuối (*theo Iwao Sheiichi, trọng tải trung bình của một chiếc thuyền Châu Ấn là 270 tấn*). Như vậy cũng theo Iwao Sheiichi thì tiền kim loại là một trong những mặt hàng chính được xuất cảng từ Nhật sang Đàng Trong và cả Đàng Ngoài vào đầu thế kỷ 17 và rất được ưa chuộng. Đến cuối thế kỷ 17,

- Hoàng nữ Ngọc Đình: bà lấy phó tướng Nguyễn Cửu Kiều.

Như vậy, cho đến nay “*Công nữ Ngọc Hoa*” chắc chắn không phải là con đẻ của chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Bà là con nuôi/ con nhận/ hay con đỡ đầu; là thân tộc, thích tộc (*nội tộc hay ngoại tộc*) của chúa Nguyễn Phúc Nguyên và tên bà: Ngọc Hoa ở đâu mà ra? Con phải tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu.

¹³ Li Tana (1999), tài liệu đã dẫn, tr.94.

¹⁴ Nếu mỗi gia đình có trung bình chừng 4-5 nhân khẩu thì vào thời gian đó có khoảng 200-300 người Nhật định cư tại khu phố này. Tuy nhiên, cũng có tác giả cho rằng vào đầu thế kỷ 17 ở Hội An đã có đến 700 người Nhật sinh sống (Nguyễn Văn Kiệm (2001), *Sự du nhập của đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam*, Hà Nội, Viện nghiên cứu Tôn giáo, tr.143).

¹⁵ Oruga Sadao (1979), *Người Nhật trong thời Châu ấn thuyền*, Tokyo, tr.27.

¹⁶ Li Tana (1999), tài liệu đã dẫn, tr.136.

¹⁷ Kan (*Quán*), là đơn vị tiền tệ và đo trọng lượng của Nhật Bản, 1 kan = 1.000 momme, tương đương 3,76 kg.



Mộ ông Tani Yajirobei - Thương nhân Nhật Bản, qua đời ở Hội An năm 1647

các đồng tiền Nhật Bản và Trung Hoa vẫn lưu hành tại Đàng Trong một cách rộng rãi đến độ các chúa Nguyễn không quan tâm đến việc tạo ra tiền tệ của riêng mình. Đối với những đồng tiền kém chất lượng, các chúa Nguyễn đã mua để đúc súng đại bác¹⁸. Không thể không thừa nhận rằng, việc buôn bán với các Châu Ấn thuyền của Nhật đã góp phần tạo nên sự tăng vọt kinh tế thực sự tại Đàng Trong vào đầu thế kỷ 17. Và họ Nguyễn có thể trang bị cho mình những khí giới tiên tiến giúp họ chống cự Đàng Ngoài (1627 - 1672). Do đó có thể nói Đàng Trong với tính cách là một quốc gia đã ra đời và phát triển trên sự phát triển một cách thành công nền thương mại và kinh tế trong những thập niên quyết định này¹⁹.

Quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản ở thương cảng Hội An đang

phát triển thịnh đạt thì năm 1636 Mạc phủ Tokugawa ban hành lệnh bế quan tỏa cảng (*ng nghiêm cấm việc phái tàu Nhật Bản ra nước ngoài. Nếu có kẻ trốn lên thuyền ra nước ngoài sẽ bị tội chết và chủ thuyền phải lưu giữ lại, báo cáo lên Mạc phủ; Người Nhật đang sinh sống ở nước ngoài cũng bị tội chết*). Sở dĩ có lệnh cấm này là do Mạc phủ Tokugawa lo ngại trước sự xâm lăng của phương Tây, cùng với chính sách cấm đạo. Năm 1639, lệnh tỏa quốc này tiếp tục ban hành, cô lập hoàn toàn Nhật Bản với thế giới bên ngoài, chỉ để lại cửa ngõ duy nhất ở cảng Nagasaki cho người Hà Lan, Lưu Cầu (*Ryukyu*) và Trung Quốc đến thông thương. Tình hình trên dẫn đến số người Nhật, phố Nhật cùng với vai trò của họ ở Hội An ngày một suy yếu. Đến năm 1695, một mại biện của Công ty Đông Ấn Anh đến Đàng Trong (*Hội An*) Thomas Bowyear với mục đích xin chúa Nguyễn cho lập một thương quán

¹⁸ Li Tana (1999), tài liệu đã dẫn, tr.142.

¹⁹ Li Tana (1999), tài liệu đã dẫn, tr.99.

tại Hội An, nhưng đề nghị đó không được chấp nhận. Về sự kiện này Bowyear đã viết: *“Faifo gồm một đường phố trên bờ sông và hai dãy nhà, có khoảng 100 nóc nhà của người Tàu, cũng có 4 hay 5 gia đình người Nhật Bản. Xưa kia người Nhật là cư dân chính và làm chủ việc thương mại ở hải cảng này, nhưng số ấy đã giảm bớt và cửa cải của họ cũng sút kém. Sự quản trị công việc đó trao vào tay người Tàu”*²⁰. Hoặc Thiền sư Thích Đại Sán đến Hội An năm 1695 trong Hải ngoại Ký sự của mình cũng cho biết: *“Vì Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập trung của khách hàng các nước; thẳng bờ sông một con đường dài 3 - 4 dặm gọi là Đại đường cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy là người Phúc Kiến... Cuối đường là cầu Nhật Bản, tức Cẩm Phô. Cách bờ bên kia tức Trà Nhiêu, nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc”*²¹. Như vậy, khi Thích Đại Sán đến Hội An vào cuối thế kỷ 17, sự tồn tại của một cộng đồng Nhật kiều và phố Nhật đã không còn nữa, khả năng số người Nhật còn lại đã hòa vào sinh sống cùng với thương nhân người Việt, người Hoa.

3. Những dấu ấn lịch sử giao thương ở Hội An - thay lời kết

Trải qua hơn 400 năm, mặc dù hoạt động mậu dịch và việc cư trú của người Nhật tại Hội An diễn ra trong một thời gian ngắn và chấm dứt hẳn vào cuối thế kỷ 17, nhưng một số dấu tích, thể hiện sự đóng góp của cộng đồng cư dân này ở thương cảng Hội An vẫn được bảo lưu

bền bỉ, lâu dài trên cả hai phương diện văn hóa vật thể và phi vật thể.

Ghi nhận đầu tiên phải nhắc đến đó là Chùa Cầu, gắn với một cái tên quen thuộc: *“Cầu Nhật Bản”* cùng với tên một con đường đặt từ thời Pháp thuộc *“Rue Du Pont De Japonai”* (đường Cầu Nhật Bản) - Nay là đường Trần Phú²². Công trình di tích kiến trúc này đã trở thành nét đẹp văn hóa, kiến trúc điển hình của khu di sản Hội An, được cách điệu thành logo di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An và là biểu tượng của thành phố Hội An, biểu trưng cho tình hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản. Chùa Cầu đã được lựa chọn in hình trên tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng của Việt Nam, trên bưu ảnh/ tem Việt Nam và còn luôn được hiển hiện trong hội họa, nhiếp ảnh, điện ảnh và thi ca... Nhờ đó hình ảnh Hội An đã được lan tỏa, phổ cập, vượt ra ngoài những lý lẽ thông thường. Hơn nữa, Chùa Cầu đã đi vào tâm thức, tình cảm khá sâu sắc, đặc biệt trong các lớp thế hệ cư dân người Hội An, cả đối với những du khách (*trong nước và quốc tế*) khi dù chỉ một lần đến với Hội An.

²⁰ Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Hà Nội, NXB Văn học, tr.536-537.

²¹ Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Huế: Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, tr.154.

²² Dựa vào kết quả điều tra văn tự cổ và di tích /di chỉ khảo cổ học ở khu vực phố cổ Hội An, những năm qua của Viện Nghiên cứu Văn hóa Quốc tế Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa, các nhà nghiên cứu đã cơ bản thống nhất xác định phạm vi của phố cổ Hội An ở thế kỷ 17 - trong đó có *“phố Nhật”* đó là: phía Tây tính từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến cầu Nhật Bản, tiếp đó là từ phía Bắc đường Trần Phú đến phía Nam Phan Châu Trinh, phía Đông là sát vùng phụ cận Hội quán Triều Châu (Viện nghiên cứu Văn hóa Quốc tế (*Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa*) (2003), *Kiến trúc phố cổ Hội An, Việt Nam*(người dịch *Trần Thị Quế Hà*), Hà Nội, NXB Thế giới, tr.52). Tức là nằm trên đường Nguyễn Thị Minh Khai xuống phía Bắc đường Trần Phú ra đến phía Nam đường Phan Châu Trinh hiện nay.

Tiếp đến là ba ngôi mộ cổ ở khu vực Hội An có bia, nội dung ghi rõ cho biết đây là các thương nhân Nhật Bản: mộ ông Banjiro, lập năm Ất Ty - 1665; mộ ông Gusokukun, lập năm Kỷ Ty - 1689 và mộ ông Tani Yajirobei, lập năm Đinh Hợi - 1647, ngày nay cả 3 ngôi mộ đều được bảo tồn khá nguyên vẹn, với sự kính trọng của bao lớp thế hệ người dân Hội An

Nhiều gốm sứ (*Hizen*), tiền đồng (*niên hiệu “Khoan Vĩnh”*) Nhật Bản còn được lưu giữ ở những ngôi nhà cổ hoặc trong các di chỉ khảo cổ. Một số ít hiện nay đã được sưu tầm, tập hợp, khai quật và trưng bày tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch - 80 Trần Phú, Hội An.

Nhiều dấu tích văn hóa còn lưu tồn ở Hội An qua Folklore (*văn hóa phi vật thể*) như câu ca dao:

“Hàng trâu hàng cau là hàng con gái
Hàng bánh hàng trái là hàng bà già
Hàng bông hàng hoa là hàng Nhật Bản...”

Hay truyền thuyết về con cù - một con quái vật khổng lồ (*đầu ở án Độ, lưng ở Hội An, đuôi ở Nhật Bản*); nét tín ngưỡng chung về Quan Thế Âm Bồ Tát; hoặc “*Tương Nhật Bản*”, “*Rau Nhật Bản*”, “*Bèo Nhật Bản*”; rồi trong kiến trúc thì có “*Trính Nhật Bản*”... cùng nhiều nguồn tư liệu thư tịch, lịch sử, văn tự thể hiện khá đậm nét về mối quan hệ giao lưu văn hóa - thương mại Việt - Nhật ở Hội An thế kỷ 17.

Sự có mặt của người Nhật ở Hội An, đặc biệt với việc định cư lập phố buôn bán trong thời đại Shuinsen, không những kích thích sự phát triển nền kinh tế ở Hội An - Đàng Trong, với các nghề trồng dâu

nuôi tằm, dệt lụa, khai thác và sơ chế lâm thổ sản mà còn góp phần làm cho mạng lưới giao thương mở rộng, kinh tế hàng hóa ở khu vực Hội An - Đàng Trong phát triển, đô thị/phố thị Hội An - Faifo trở nên sầm uất với vai trò là một Đô thị thương cảng quốc tế. Hơn nữa, dù chỉ gần một thế kỷ tồn tại (*thế kỷ 17*) nhưng cho đến nay, thương nhân Nhật Bản đã để lại nhiều dấu ấn giao lưu văn hóa giá trị với vai trò là một thành phần trong cộng đồng cư dân Hội An ở thế kỷ 17 ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Cristophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ dịch, Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Văn Kiệm (2001), *Sự du nhập của đạo Thiên Chúa giáo vào Việt Nam*, Hà Nội, Viện nghiên cứu Tôn giáo.
3. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Hà Nội, NXB Văn học.
4. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong, Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*, Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Trẻ.
5. Oruga Sadao (1979), *Người Nhật trong thời Châu Ân thuyền*, Tokyo.
6. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1964), *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập I, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội.
7. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại kỷ sự*, Huế: Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam.

GÓP PHẦN TÌM HIỂU GIAO THƯƠNG NHẬT BẢN Ở HỘI AN THẾ KỶ 16 - 17

NNC. Tôn Thất Hường

Cuối thế kỷ 16, ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn đã ổn định và thiết lập quyền lực, đồng thời thực hiện chính sách mở cửa với sự hình thành các cảng thị ven dải đất miền Trung như Thanh Hà - Huế, Thị Nại - Nước Mặn - Bình Định và Hội An - Quảng Nam là những thương cảng nằm trên con đường thương mại quốc tế sôi động, thu hút thương thuyền các nước đến buôn bán. Trong đó, do có vị trí thuận lợi, Hội An là một cảng thị thịnh vượng, không những thu hút thương nhân từ Đàng Ngoài, các khu vực lân cận mà cả thương nhân từ những miền đất xa xôi như Trung Hoa, Macao, Manila, Malacca... đến trao đổi hàng hóa. Vào thời kỳ chúa Nguyễn Phúc Nguyên trị vì từ năm 1613 đến năm 1635, Hội An được xây dựng và phát triển trở thành thương cảng sầm uất. Rất nhiều thương nhân từ Nhật Bản, Trung Hoa, châu Âu đến đây giao thương, biến Hội An thành hải cảng quốc tế tiêu biểu ở châu Á. Lúc này, Hội An là một đô thị rất trù phú, được nhiều nơi trên thế giới biết đến, có rất nhiều khu phố dành cho thương nhân nước ngoài. Nhà truyền giáo người Ý Cristoforo Borri khi đến cư trú ở Hội An vào năm 1618 đã mô tả: “*Hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng chính là hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam. Người Hoa và Nhật Bản*

là những thương nhân chủ yếu của chợ phiên, năm nào cũng mở và kéo dài trong bốn tháng. Người Nhật thường đem lại 4, 5 vạn nén bạc, người Trung Hoa thì đi một thứ thuyền buồm đem lại nhiều tơ lụa tốt và sản vật đặc biệt của họ”¹.

1. Phát triển từ chính sách ngoại thương

Trước cuối thế kỷ 14, hành trình thương mại đường bộ ở châu Á rất gian nan vì phải vượt qua các ngọn núi cao, hiểm trở, sa mạc nóng bỏng, lại luôn đối mặt với nạn cướp bóc, trong khi kỹ thuật hàng hải đã phát triển khiến cho thương nhân thế giới có xu hướng vận chuyển hàng hóa theo đường biển. Hàng hóa vận tải bằng đường biển thuận lợi hơn so với đường bộ, khối lượng nhiều hơn, đặc biệt đối với các loại hàng hóa nặng như gốm sứ, kim loại... cho nên con đường tơ lụa trên biển nhanh chóng phát triển, với hải trình xuất phát từ Roma qua các hải cảng vùng Trung Cận Đông như Al Tur, Fustat, Cairo... men theo bờ biển phía Nam Ấn Độ qua Thái Lan vòng xuống eo Malacca để vào vùng biển Thái Bình Dương. Sau khi vượt qua eo Malacca, con đường tơ lụa chia làm hai ngã. Một ngã men theo vùng

¹Cristoforo Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.108.

biển Việt Nam qua các cảng Côn Đảo - Cù Lao Chàm - Hội An - vào vùng biển Nam Trung Hoa rồi qua nam Nhật Bản. Ngả thứ hai đi vào quần đảo Indonesia, Philippines rồi ngược vào vùng phía nam Trung Hoa để tới nam Nhật Bản, mà cảng Hakata trên đảo Kyushu được coi là điểm tận cùng phía Đông của con đường này.

Do vậy mà Hội An là thương cảng quan trọng, nối vào con đường tơ lụa trên biển, đưa hàng hóa của xứ Đàng Trong đi qua Nhật Bản, từ đó chuyển tiếp đến các nước Trung Đông và châu Âu. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes đến Hội An vào cuối năm 1624 đã viết: *“Người Đàng Trong không những cung cấp tơ lụa mà còn cả hương liệu cho nhu cầu của họ mà còn cung ứng cho Nhật Bản và đưa sang Vương quốc Lào để từ đó người ta lại chuyển đến Tây Tạng. Hằng năm, tàu thuyền của Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đã đến đây để buôn bán sản vật và các loại lụa, riêng các tàu thuyền của Trung Hoa thường chỉ mua tơ sống. Người Nhật đến Đàng Trong trước tiên là vì tơ lụa, kế đến là sản vật. Họ có thể mua tơ lụa ở đây dễ dàng hơn nơi khác vì tại cảng thị Hội An có một số người Nhật sinh sống và những người Nhật này có thể thu gom tơ lụa trước khi tàu của họ tới”*².

Năm 1592, đất nước Nhật Bản sau cuộc nội chiến, bước vào thời kỳ ổn định. Toyotomi Hideyoshi thống nhất Nhật Bản, dưới thời kỳ Shuinsen, ông ban hành nhiều chủ trương phát triển kinh tế, trong đó có chính sách Châu Ân thuyền

(*Shiunsen*), khuyến khích đóng dấu Châu Ân trạng (*Gosyuin-Jo*), cho phép thương nhân Nhật vượt biển đi giao thương với các nước, và phần lớn người Nhật đã tìm đến các cảng thị ở khu vực Đông Nam Á, trong đó có Hội An, thuộc xứ Đàng Trong. Thời kỳ này, các hoạt động thương mại chủ yếu diễn ra trên biển nên phụ thuộc vào chế độ gió mùa. Hằng năm, thuyền buôn Nhật thường khởi hành tại quốc nội vào tháng 11, bởi lúc này là gió mùa đông bắc đưa thuyền xuống phía Nam. Đến tháng 7 năm sau, gió mùa Đông Nam thổi ngược lên hướng Bắc thuận tiện cho họ giương buồm lên đường trở về Nhật. Trong mỗi mùa mậu dịch, họ phải lưu trú lại Hội An từ 3 đến 4 tháng, trong khoảng thời gian này họ tiến hành thu mua hàng hóa để chờ đủ chuyến chở về nước. Trong trường hợp vì điều kiện thiên nhiên và tốc độ sản xuất cũng như khai thác có bị chậm lại, các thương nhân Nhật nếu không mua đủ số lượng như dự định thì phải cử người ở lại thu gom hàng hóa để chuyển tiếp cho mùa mậu dịch năm sau.

Đến đầu thế kỷ 17, thương cảng Hội An bổ sung một số lượng lớn người Nhật di cư đến. Nhất là năm 1614, khi Mạc phủ Tokugawa tiếp tục ban hành lệnh cấm đạo và trục xuất giáo sĩ Phương Tây ra khỏi Nhật Bản. Những giáo dân Nhật đã tìm đến các quốc gia có giáo sĩ phương Tây cư trú, trong đó có Đàng Trong mà lúc này, chúa Nguyễn đã thi hành một số biện pháp nhằm hạn chế sự phát triển của đạo Thiên Chúa trong cộng đồng người Việt bản địa, nhưng trong một chừng mực nhất định, vì muốn phát triển xứ Thuận - Quảng, vùng đất phen dậu ở Đàng Trong,

² Alexandre de Rhodes, *Hành trình và truyền giáo*, Tủ sách Đại đoàn kết, Ủy ban đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr.34.

nên có sự thông thoáng cho phép họ được truyền đạo hoặc giảng đạo đối với người ngoại quốc ở một nơi đặc biệt là đô thị thương cảng Hội An.

2. Sự hình thành phố Nhật và công việc buôn bán

Khi thương cảng Hội An đã trở thành trung tâm quy tụ hàng hóa của cả xứ Quảng và Đà Nẵng, bên cạnh phố buôn bán của người Trung Quốc (*còn gọi là phố Khách*), phố của người Việt (*An Nam*) và thương điểm Hà Lan, còn một phố rất quan trọng của người Nhật Bản (*phố Nhật*). Giai đoạn này, phương thức trao đổi buôn bán chủ yếu ở Hội An là tổ chức phiên chợ kéo dài giữa hai kỳ gió mậu dịch trong năm hay gọi là buôn bán theo mùa vụ, sầm uất nhất là vào tháng 3, 4, 5 là thời điểm có rất nhiều thuyền buôn các nước và trong nội địa xứ Đà Nẵng tập trung về đây để trao đổi, mua bán, tìm kiếm nguồn hàng. Hội An trở nên cực kỳ nhộn nhịp, là trung tâm quy tụ hàng hóa của cả xứ Quảng và Đà Nẵng sau sự kiện cho phép của chúa Nguyễn, nhất là khi người Nhật tiến hành chọn đất và xây dựng khu phố của mình gọi là “*Nhật Bản phố*” cùng với “*Đường Nhân phố*” của thương nhân người Hoa. Năm 1618, giáo sĩ dòng Tên người Ý là Critophoro Borri đến Hội An đã ghi chép: “*Thành phố ấy gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ có thể nói là có đến hai thành phố, một phố của người Tàu, một phố của người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, có quan cai trị riêng và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu, người Nhật*

cũng vậy”³. Trong khu phố, người Nhật bầu ra trưởng khu, người này rất được chúa Nguyễn và Mạc phủ Nhật Bản tin tưởng, giao đảm nhận các công việc thu thuế thương nhân Nhật, phiên dịch và cố vấn thương mại cho chúa Nguyễn, đồng thời chịu trách nhiệm về khu vực quản lý hành chính phố Nhật tại Hội An mà kết cấu hành chính phố Nhật (*NihonMachi*) ở Hội An giống mô hình phố Nhật được lập ra ở một số nước Đông Nam Á như Pinhalu và Phnompenh, Campuchia (1618); Ayutthaya, Siam (1622), Dilao và Samiguel, Philippin (1603).

Năm 1576, Trung Hoa bãi bỏ chính sách “*Bế quan tỏa cảng*” cho phép thuyền buôn đến các nước Đông Nam Á buôn bán, nhưng cấm giao dịch với Nhật Bản. Vì cần một số mặt hàng của Trung Hoa như tơ lụa, đồ sứ, chì... nên Nhật Bản đã cử thương thuyền đến nơi các thương nhân Trung Hoa thường đến mua bán, trong đó có Hội An. Để bảo vệ uy tín của mình, Mạc phủ Nhật Bản quy định chỉ có tàu thuyền mang giấy phép có đóng Châu Ấn thì mới được đến cảng, hải cảng nước ngoài, nếu không có giấy phép thì không được tham gia giao thương. Năm 1601, Mạc phủ Tokugawa Ieyasu gửi thư cho Chúa Tiên Nguyễn Hoàng, có đoạn: “*Thương gia Nhật Bản khi vượt biển đi buôn bán xa xôi, không được vi phạm chính trị ở những quốc gia đi đến. Vì tôi suy nghĩ như thế nên xin Ngài yên tâm. Thương thuyền của quốc gia chúng tôi, khi đến quý quốc đều mang theo văn thư*

³ Kawamoto Kuniye, *Nhận thức quốc tế chúa Nguyễn ở Quảng Nam*, Gaiba Tsuusho (Ngoại phiên thông thư), Đô thị cổ Hội An, Nxb Khoa học Xã hội, 1991, tr.214.



có áp dấu Châu Ấn. Đây là bằng chứng mà tôi công nhận là thương thuyền”⁴.

Nhà nghiên cứu Nhật Bản Oruga Sadao căn cứ vào những chú thích trên bức tranh “*Giao Chỉ quốc mậu dịch đồ hải đồ*” vẽ trước năm 1640 của dòng tộc Chaya hiện đang lưu giữ tại chùa Jomyo ở Gen Chozan Nichiren Shu, phố Tsutsui, thành phố Nagoya, tỉnh Aichi; cho rằng, vị trí của khu phố Nhật ở Hội An thế kỷ 17 dài khoảng 300m, có hai dãy nhà nằm trên một con lộ chính và cách không xa vùng cửa sông. Điều này tương ứng với những mô tả của các thương nhân Nhật khi họ trở về cố quốc, đó là một thành phố nằm cách biển 3,39km, có khoảng 500 đến 600 ngôi nhà. Các ngôi nhà ở phía trước giáp đường thường lợp ngói, vách

trát đất, còn nhà trong chỉ là nhà mái lá tạm thời.

Đi tìm dấu vết của phố Nhật ở Hội An, các nhà khoa học qua nghiên cứu địa mạo, cho rằng Hội An nằm trên nền địa chất của vùng đất bồi hạ lưu sông Thu Bồn, do quá trình bồi tụ của sông đã hình thành nên diện mạo của khu phố cổ như hiện nay. Trước thế kỷ 19, Hội An chỉ là một thành phố chạy dọc theo bờ sông, nay là đường Trần Phú; đến năm 1841, dưới triều vua Tự Đức, đất bồi của sông Hoài đã tạo mở thêm một con đường, song song với về phía Nam, nay là đường Nguyễn Thái Học; đến năm 1886, triều Hàm Nghi, đất bồi của sông lại mở thêm một con đường mới nữa, nay là đường Bạch Đằng. Như vậy, phố Nhật ngày xưa tương ứng với đường Trần Phú hiện nay, còn phía Tây Chùa Cầu (*cầu Nhật Bản*) trải dài đến cuối đường Nguyễn Thị Minh

⁴ Cristoforo Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.96.

Khai là khu phố của người Hoa, cầu Nhật Bản là cột mốc phân chia địa giới của hai khu phố.

Đến nay, qua kết quả của các nhà nghiên cứu tiến hành nhiều đợt điều tra, khảo sát về kiến trúc cổ Hội An, cho thấy khu phố có hình chữ nhật, chạy dài từ Đông sang Tây khoảng 900m, chiều ngang khoảng 300m. Trong khu vực này, hiện đang có khoảng 984 ngôi nhà, trong đó có 400 ngôi nhà cổ. Nếu chia khu phố thành 14 khối theo trục đường Trần Phú để khảo sát thì khu phố Nhật có hơn 50% số nhà thuộc loại cổ. Giáo sư Ogura Sadao cho rằng số dân theo điều tra kiến trúc cổ này nếu một hộ có từ 6 đến 7 người, thì dân số Hội An lúc đó khoảng 3.000 đến 4.000 người. Căn cứ vào diện tích của số căn nhà trong khu phố Nhật, thì dân số cư trú trong khu phố cổ Hội An vào đầu thế kỷ 17 không quá 1.000 người. Trong đó người Nhật có khoảng 60 gia đình và khoảng 200 đến 300 người Nhật cư trú ở Hội An. Tuy nhiên cũng có tài liệu khác cho rằng vào đầu thế kỷ 17 có đến 700 người Nhật sinh sống ở Hội An.

Đầu thế kỷ 17, Nhật Bản thực hiện canh tân, họ học tập kỹ thuật đóng tàu của phương Tây, tự đóng những loại tàu có trọng tải 300 đến 400 tấn, thậm chí lên đến 600 tấn để hoạt động trên vùng biển xa. Thuyền Châu Ấn có thể chở từ 4 đến 5.000 kg tơ lụa cùng với nhiều loại hàng hóa khác. Lúc này, số thuyền buôn Nhật Bản đến giao thương với Đàng Trong vượt xa số thương thuyền đến từ các nước. Theo Giáo sư Iwao Seiichi trong *Nghiên cứu phố Nhật ở Nam Dương* cho biết các thương nhân Nhật đem đến Hội

An và chở về Nhật một khối lượng hàng hóa khá lớn, trung bình mỗi năm thương nhân Nhật đem đến Hội An khoảng 2.500 đến 3.000 quan bạc, các loại vũ khí, hàng sơn, ngũ cốc, đồng, lưu huỳnh và kim loại quý. Các hàng hóa này có giá trị và lợi nhuận cao, vì Đàng Trong rất hiếm có nên họ được chúa Nguyễn ưu ái. Hàng mua về là tơ lụa, đồ gốm, trầm hương, ngà voi, sừng tê giác, xà cừ, nhựa thông, da trâu, gân hươu, yến sào, hồ tiêu, đường, gỗ quý.

Trong quá trình hình thành và phát triển buôn bán ở thương cảng Hội An, thương nhân Nhật Bản có vai trò rất quan trọng, họ đã đến buôn bán, làm ăn, cư trú nơi này trong thế kỷ 16 - 17. Năm 1591, qua bức thư gửi cho Tướng quân Toyotomi Hideyoshi, “*chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã chính thức xác lập mối quan hệ giao thương Việt - Nhật. Kể từ sau năm 1592, sau khi thống nhất Nhật Bản, Tướng quân Tokugawa Ieyasu thi hành nhiều chính sách nhằm chấn chỉnh nền ngoại thương Nhật Bản. Ông ban hành chế độ Shuinsen (Châu Ấn thuyền) - Thuyền mang giấy phép có đóng dấu đỏ*”⁵. Theo đó, chính quyền Mạc phủ Tokugawa cấp phát Goshuinjo (*Ngự chu ấn trạng*) - loại giấy phép thông hành có đóng ấn triện, cho phép thương thuyền Nhật Bản đi giao thương, buôn bán với các nước trên thế giới, trong đó có Đàng Trong, Việt Nam lúc bấy giờ. Thống kê trong vòng 31 năm từ 1604 đến 1635, chính quyền Mạc phủ Tokugawa cấp giấy phép Châu Ấn trạng cho các thương thuyền Nhật Bản đi đến các hải cảng ở Đông Dương là “356 chiếc,

⁵ Bửu Cầm, *Bang giao giữa Việt Nam và Nhật Bản*, Văn hóa Nguyệt san, số 125 năm 1957, tr.917.

trong đó đến Đàng Trong 87 chiếc; Đàng Ngoài 37 chiếc; Campuchia 44 chiếc; Champa 6 chiếc, Siam 56 chiếc, Luzon 56 chiếc và các thương cảng khác 49 chiếc”⁶. Như vậy số thương thuyền Nhật đến Đàng Trong chiếm 1/4 tổng số thương thuyền Nhật đến buôn bán ở Đông Nam Á. Theo GS. Kikuchi Seiichi trong *Người Nhật ở Hội An thời các chúa Nguyễn*, các Châu Ấn thuyền lợi dụng gió mùa, rời Nhật từ mùa thu đến mùa đông, mùa xuân đến mùa hè năm sau trở lại Nhật Bản, họ sinh sống ở Hội An ít nhất là nửa năm. Tài liệu ghi chép lại số thuyền viên đi Hội An năm 1608 có 110 thuyền viên, năm 1623 có 300 thuyền viên, năm 1633 có 150 thuyền viên. Trong công trình nghiên cứu của Tiến sĩ Noriko (*Nhật Bản*) cho biết: “*Từ Nhật Bản, thương nhân trên các Châu Ấn thuyền dựa theo gió mùa để vượt biển xuống giao thương với khu vực phía Nam, trong đó có cả Đàng Ngoài và Đàng Trong của nước Việt. Họ căng buồm vào khoảng tháng 11 âm lịch để gió mùa đông bắc thổi xuống phía Nam. Họ ở lại các thương cảng như Hội An, Phố Hiến, Thanh Hà, Hưng Nguyên... khoảng sáu tháng để mua bán và giòng buồm về nước khi cơn gió mùa đông nam đầu hè thổi ngược lên. Việc mua bán nhiều khi không đúng như kế hoạch nên nhiều thương nhân đã ở lại (hoặc cử người đại diện) để tìm nguồn hàng cho chuyến thuyền sau... Sau khi xuống hàng, họ tìm mua kỳ nam, trầm hương, gỗ quý, tơ lụa, đồ gốm sứ, ngà voi, sừng tê giác, nhựa thông, da trâu, gân hươu... là những sản vật vốn dồi dào*

ở nước Việt vào thời điểm ấy”⁷. Trong *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Giáo sĩ Cristoforo Borri viết: “*Chúa (Nguyễn Phúc Nguyên) không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc...*”⁸. Có thể khẳng định rằng, sự có mặt của người Nhật ở Hội An, đặc biệt với việc định cư lập phố buôn bán trong thời đại Châu Ấn thuyền đã thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế ở Hội An - Đàng Trong. Theo nhận xét của Li Tana, chính các quan hệ có tính cách cá nhân này đã hướng tàu bè của Nhật tới Đàng Trong. Trong số 86 Châu Ấn thuyền được phái đến An Nam và Đàng Trong từ năm 1604 đến năm 1635, có đến 17 chiếc do Araki Sotaro và Hunnamoto dẫn đầu.

Đến nửa đầu thế kỷ 17, người Nhật ở Hội An giảm dần do chính sách Sakoku (*tỏa quốc*) dưới thời Tokugawa Iemitsu. Theo bức thư của Francisco Goraemon, một tín đồ Thiên Chúa giáo người Nhật, viết ngày 28/5/1642 gửi cho thương quán Hà Lan ở Batavia (*Indonesia*), thì ở Hội An lúc này chỉ còn khoảng 40 đến 50 người Nhật sinh sống, tuy nhiên để mưu sinh, họ vẫn thường xuyên qua lại Manila và Siam, Philippin để buôn bán. Tháng 8/1695, Công ty Đông Ấn của Anh ở Madras phái thương nhân Thomas Bowyear đến Đàng Trong để nắm tình hình buôn bán và xin thành lập thương điểm ở Hội An, nhưng đề nghị này không được chúa Nguyễn Phúc Chu chấp thuận. Thomas Bowyear

⁶ Li Tana, *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, 2016 tr.201.

⁷ Nguyễn Thanh Nhã, *Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Tri thức, 2015, tr.88.

⁸Cristoforo Borri, *Xứ Đàng trong năm 1621*, sđd, tr.27.

đã ghi chép: “*Faifo gồm một đường phố trên bờ sông và hai dãy nhà, có khoảng 100 nóc nhà của người Tàu, cũng có 4 hay 5 gia đình người Nhật Bản. Xưa kia người Nhật là cư dân chính và làm chủ việc thương mại ở hải cảng này, nhưng số ấy đã giảm bớt và cửa cải của họ cũng sút kém. Sự quản trị công việc đã trao vào tay người Tàu. Mỗi năm có độ 10 hay 12 chiếc thuyền từ Nhật, Quảng Đông, Xiêm, Cao Miên và Batavia đến...*”⁹. Cũng trong năm 1695, nhà sư Thích Đại Sán đến Hội An, ông thấy thẳng bờ sông là một con đường dài ba bốn dặm, hai bên đường hàng phố ở nhau san sát, chủ phố đều là người Phúc Kiến. Cũng bởi chính sách cấm ngoại thương của Nhật, người Nhật ở Hội An dần dần về lại quê hương sau nhiều đợt, trong đó có thương nhân Nhật Bản Araki Sotaro và vợ là công nữ của chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Cho đến năm 1766, những thương nhân Nhật cuối cùng ở Hội An đã vượt qua khó khăn, cách trở để hồi hương trở về vùng Taiga, thuộc lãnh địa Hitachi, Nhật Bản để đoàn tụ với gia đình.

3. Những đóng góp của thương nhân Nhật Bản trong dấu ấn văn hóa

Tại Nhật Bản, Phật giáo từ Trung Hoa đã du nhập vào từ thế kỷ 6 và trở thành tôn giáo của đa số người dân. Trong số các thương nhân Nhật đến buôn bán và định cư ở Hội An, có rất nhiều người sùng đạo Phật mà hiện nay còn lưu lại trên tư liệu và bia ký. Trong bức thư của thương nhân Shichirobei gửi về Nhật năm 1673, ông có vẽ sơ đồ ngôi chùa ở Hội An do ông quyên góp xây dựng có tên “*Tùng Bản tự*”. Theo sơ đồ, ngôi chùa nằm ở cửa Bắc

sông Hoài, phía Đông là Nhật Bản đình, còn phía Tây là Đường Nhân đình. Có tài liệu cho rằng Tùng Bản tự nằm ở vị trí Trùng Hán cung hiện nay, nhưng theo bia ký và sắc phong thì Trùng Hán cung được xây dựng vào năm 1653, trước khi Tùng Bản tự được hình thành. Cũng có người cho rằng Tùng Bản tự có vị trí tương ứng với cầu Nhật Bản. Hoặc ý kiến khác là người Nhật đã lập trên đất Hoa Phô và An Mỹ, nay thuộc phường Cẩm Châu, một ngôi chùa lấy tên là Tùng Bản tự, vị trí gần chùa Nam Tôn hiện nay mà vào năm 1971, đã đào được một tượng Phật Di Lặc ngồi thể tự nhiên, sau tượng được chuyển về Tịnh xá Ngọc Châu, còn các tượng Phật ở Tùng Bản tự sau khi chùa bị đổ, chuyển lên thờ ở chùa Viên Giác, Hội An. Tuy nhiên, cho đến nay dấu tích của Tùng Bản tự vẫn còn nhiều bí ẩn trong lịch sử Hội An, các quật khai quật khảo cổ chưa tìm thấy dấu tích ngôi chùa cổ vào thế kỷ 17 của người Nhật.

Thời gian sau khi phố Nhật suy giảm, ở Hội An lúc này vẫn còn khá đông người Nhật sinh sống, lấy vợ Việt, họ vẫn là những thương gia giàu có và rất sùng đạo Phật. Trên tấm bia *Phổ Đà sơn linh trung Phật* ở động Hoa Nghiêm, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng, tạo năm 1640 có ghi danh sách 82 người cúng tiền xây dựng chùa Non Nước, trong đó có ghi tên 3 thương nhân Nhật cúng 570kg đồng là Chaya Takeshima, Kawakami Kaheie và Asami Yasuke, tên 10 người ở Nhật Bản phố và 5 người Việt sinh sống tại Tùng Bản tự, Hội An, góp 871 quan tiền và 50 lạng bạc, trong đó gia đình thương nhân Heizaburo và vợ là Nguyễn Thị Chức đóng nhiều nhất 300 quan.

⁹ Phan Khoang, *Việt sử Xứ Đàng Trong 1588 - 1777*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1967, tr.187.

Hiện nay tại chùa Jomyo, thành phố Nagoya, tỉnh Aichi, miền Trung Nhật Bản còn lưu giữ bức tranh “*Thác kiến Quan Thế Âm*” là bức tranh Phật nổi tiếng từ thời Edo, tương truyền là tặng phẩm của vua nước An Nam tặng cho thuyền Châu Ấn của dòng họ Chaya khi đi thuyền sang Hội An.

Các thương nhân Nhật đến Hội An ngoài việc mưu sinh mà còn vì mục đích tôn giáo, bởi thời gian này, chính quyền Nhật Bản ban hành lệnh cấm đạo, sát đạo và trục xuất giáo sĩ Thiên Chúa giáo ra khỏi Nhật Bản, nên các tín đồ Nhật tìm đến vùng đất ở khu vực Đông Nam Á, nơi có giáo sĩ phương Tây sinh sống, mà Đà Nẵng trong lúc này được các chúa Nguyễn cho phép, nên những người Nhật theo Thiên Chúa giáo đến ngày một nhiều hơn. Nhà truyền giáo Alexandre de Rhodes đã ở Hội An (1624 - 1627), sau đó ra Bắc để thành lập giáo phận Đà Nẵng (1627 - 1630) đã viết về tín đồ Thiên Chúa giáo là người Nhật ở Hội An: “*Hoàng đế Nhật đã cấm hết công dân phải bỏ việc thương mại vì biết có rất nhiều giáo dân, kể từ năm 1614 bắt đầu có lệnh cấm đạo, người Nhật đã kéo nhau đi lũ lượt, nhất là vào mùa chay, và cả ngoài mùa này nữa, mỗi năm ba hay bốn lần, để được xưng tội với các Cha dòng biết tiếng Nhật và nhận lễ ban thánh thể và mỗi lần ba hay bốn chiếc thuyền. Họ cứ đi tự do, lấy cớ buôn bán. Và cứ thế gần mười năm nay họ vẫn tiếp tục ra đi và rất mãn nguyện vì được an ủi về phần hồn*”¹⁰.

Bên cạnh dấu ấn về tôn giáo, thương nhân Nhật ở Hội An còn để lại một số di

tích lịch sử văn hóa mà trải qua nhiều thế kỷ, cảnh quan kiến trúc của phố Nhật xưa gần như thay đổi hoàn toàn, hiện nay dấu vết của người Nhật chỉ còn lại cầu Nhật Bản và ba ngôi mộ thương nhân còn sót lại. Cầu Nhật Bản (*Lai Viễn kiều*) được xây dựng vào đầu thế kỷ 17, bên trong đặt tượng hai con chó và hai con khỉ. Đến năm 1653, người Nhật ở Hội An suy giảm, người Minh Hương tiến hành dựng một ngôi miếu nhỏ bên cạnh, thờ Bắc Đê Trấn Võ (*Huyền Thiên Đại Đế*), nhằm cầu mong yên định phong thổ, ngăn triều cường, giúp người dân thuận lợi trong buôn bán. Trải qua nhiều cuộc chiến tranh tàn phá thời Trịnh - Nguyễn và thiên tai, hỏa hoạn đã thiêu rụi cả khu phố, cầu Nhật Bản sau nhiều lần trùng tu đã mang đậm yếu tố kiến trúc đan xen giữa Trung Hoa và Việt Nam. Bên cạnh đó, ba ngôi mộ của thương nhân Gusokukun, Banjiro và Tani Yajirobei ở Tân An và Cẩm Châu: mộ xây bằng hợp chất vôi cứng pha chế từ bột vỏ sò, hén khô với cây bời lời và mật mía. Mộ ông Gusokukun lập năm 1629, ông là thương nhân giàu có và thế lực, là Thị trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của phố người Nhật ở Hội An vào thế kỷ 17. Mộ ông Gusokukun quay về hướng Đông Bắc, trước mộ có tấm bia bằng đá muối ghi “*Kỷ Tỵ niên cát đán tự viết Thuần Tín thân mộ, hiếu nam Văn Công cung phụng lập*”. Mộ ông Tani Yajirobei, là một thương gia quê ở Hirado, gần Nagasaki. Bia mộ có niên đại 1647, bằng sa thạch xám, trán và diềm bia không trang trí, giữa lòng bia chạm hoa năm cánh, phía dưới chạm hoa nhỏ hơn. Bia khắc: “*Hiền khảo Di Thứ Lang Binh Vệ Quốc Công chi mộ, Đinh Hợi niên, mạnh thu lập - Nhật Bản, Binh hộ*”. Còn mộ ông Banjiro được lập năm 1665. Năm Chiêu Hòa thứ

¹⁰ Alexandre de Rhodes. *Lịch sử vương quốc Đà Nẵng*, Ủy ban đoàn kết công giáo Tp Hồ Chí Minh, 1994, tr. 89.

3 (1928), Giáo sư Kuroita Katsumi cùng cộng đồng người Nhật ở Đông Dương đã ủy thác cho ông Nakayama ở phủ Thuận Hóa tiến hành tu sửa lại các ngôi mộ.

Cũng vào thời kỳ thành lập “*Nhật Bản phố*”, người Nhật đã xây dựng ở Hội An một công trình kiến trúc có tên là “*Nhật Bản thương nhân quán*” để sử dụng trong việc hội họp và giao dịch thương mại. Đến năm 1635, Mạc phủ Tokugawa thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng, từ đó, người Nhật ở Hội An hoàn toàn bị mất liên lạc với chính quốc, thương nhân Nhật bị tình trạng cô lập và không đủ sức cạnh tranh với thương nhân người Hoa đang trên đà phát triển mạnh mẽ, người Nhật đã chuyển nhượng thương quán lại cho cư dân làng Minh Hương sử dụng làm tổ đình, sau này gọi là chùa Bà Mụ, hiện nay chỉ còn lại một phần cổng tam quan xây dưới thời Tự Đức, các dấu tích của thương quán Nhật xưa hiện nay không còn.

Tuy dấu vết người Nhật ở Hội An còn khiêm tốn, do hoạt động giao thương của họ chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Đến năm 1635 là giai đoạn chấm dứt thời kỳ Châu Ân (1592 - 1635), vai trò kinh tế của người Nhật chuyển sang người Hoa. Nhưng sự có mặt của người Nhật ở Hội An, định cư lập phố buôn bán dưới thời Shuinsen đã chứng tỏ Hội An (*Faifo*) là một đô thị thương cảng quốc tế sầm uất, là cầu nối trung chuyển hàng hóa của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, mà người Nhật có vai trò rất quan trọng, là một trong những tầng lớp thương nhân ngoại quốc có đóng góp phát triển kinh tế thương mại ở Đàng Trong nói chung và Hội An nói riêng vào đầu thế kỷ 17♦

Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Bang - Đỗ Quỳnh Nga, “Ngoại thương Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, Viện Sử học, số 06 năm 2002.
2. Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng trong năm 1621*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bửu Cầm, “Bang giao giữa Việt Nam và Nhật Bản”, *Văn hóa Nguyệt san*, số 125 năm 1957.
4. Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại* (quyển thượng), Cổ học tùng thư, Sài Gòn, 1974.
5. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2007.
6. Tường Quốc Học - Dương Văn Huy, “Đàng Trong Việt Nam trong tuyến thương mại Trung Quốc - Nhật Bản từ 1635 - 1771: Nhìn từ góc độ hoạt động thương mại của các Hoa thương”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 05 năm 2008.
7. Phan Khoang, *Việt sử Xứ Đàng Trong 1588 - 1777*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1967.
8. Li Tana, *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, 2016.
9. Nguyễn Thanh Nhã, *Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Tri thức, 2015.
10. Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII - XVIII và đầu thế kỷ XIX*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961.

NGƯỜI NHẬT Ở HỘI AN THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

GS. TS. Kikuchi Seiichi

1. Lời mở đầu

Năm 1635, Mạc Phủ Tokugawa thực thi chính sách “*Tỏa quốc*” không cho phép người Nhật Bản ra nước ngoài. 31 năm trước đó (năm 1604 - 1635) các Châu Ấn thuyền được Mạc phủ cấp phép đã đi đến các quốc gia ở Đông Nam Á, mua các sản vật ở vùng biển Nam, mở rộng giao thương buôn bán.

Theo kết quả khảo sát, có 356 Châu Ấn trạng (*Shuinjo*) - giấy phép thông hành được cấp, trong đó có 73 Châu Ấn trạng được cấp cho thuyền đi về cảng ở miền Trung Việt Nam dưới thời thống trị của chúa Nguyễn. Đây là số Châu Ấn trạng được cấp nhiều nhất ở Đông Nam Á. Cảng Hội An ở miền Trung là một trong những cảng mà tàu bè Nhật Bản cập cảng nhiều lúc bấy giờ, hình thành nên mối quan hệ mang tính lịch sử và kinh tế sâu sắc với Nhật Bản. Theo ghi chép, có thể thấy rằng từ trước khi Châu Ấn thuyền đến Việt Nam vào năm 1604, thì từ những năm 1570 tàu bè Nhật Bản đã đến Việt Nam rồi.

Bài viết này giới thiệu về những người Nhật sống tại phố Nhật Bản ở Hội An thế kỷ 17 và các hoạt động của họ thời bấy giờ. Phần lớn nội dung chính của bài viết này là tổng hợp kết quả nghiên cứu của các tài liệu như “*Nghiên cứu về Phố Nhật ở Nam Dương*” (1966) của Iwao Seiichi, “*Phố Nhật Bản ở Hội An qua nghiên cứu*

khảo cổ học” (2003) của Kikuchi Seiichi, “*Nghiên cứu về bức tranh thương mại Châu Ấn thuyền*” (2014) do Kikuchi Seiichi chủ biên, “*Catalog Việt Nam - Câu chuyện vĩ đại*” (2013) do Bảo tàng quốc gia Kyushu chủ biên, “*Các trường hợp người Nhật trôi dạt đến Hội An Việt Nam thời kỳ Edo*” (2014) của Kikuchi Seiichi và Hasimoto Yui.

2. Phố Nhật Bản thế kỷ 17 (Vị trí, quy mô, dân số)

Tại Hội An thế kỷ 17, việc có “*phố Nhật Bản*” mà người Nhật sinh sống và “*phố Trung Quốc*” mà người Trung Quốc sinh sống tại đây đã được ghi chép trong các tài liệu của người Nhật cũng như các tài liệu của các nhà truyền giáo Châu Âu. Mặt khác, từ bức họa “*Trà Ốc Tân Lục Chay Ya Sinroku Giao Chi Quốc Mậu Dịch Độ Hải Đồ*” vẽ về Hội An nửa đầu thế kỷ 17, cũng có thể khẳng định rằng có phố Nhật Bản tại Hội An.

Vậy phố người Nhật nằm ở đoạn nào của phố cổ Hội An hiện tại. Về câu hỏi này, vẫn chưa có câu trả lời chính xác. Tuy nhiên, từ kết quả của của khảo sát về khảo cổ học do Nhật Bản và Việt Nam phối hợp tiến hành tại phố cổ sau năm 1993, có thể xác định rằng khu vực sinh sống của người dân ở thế kỷ 17 bao gồm cả người Nhật nằm ở đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến dọc dải phía



Một phần của “Giao Chi quốc mậu dịch độ hải đồ” được vẽ vào đầu thế kỷ 17 của dòng họ Chaya Sinroku mô tả về cảnh phố Nhật ở Hội An

Bắc đường Trần Phú, gần cầu Nhật Bản. Có thể phố Nhật Bản thời bấy giờ nằm trong phạm vi này.

Tài liệu đầu tiên đề cập đến phố Nhật Bản ở Hội An là vào năm 1617. Vào đầu thời kỳ Edo, William Adams - nhà hàng hải người Anh, phục vụ cho gia tộc Tokugawa, đã lên con tàu Gift of God (*Món quà của chúa*) rời Nhật Bản từ Hirado khởi hành đi Việt Nam, ghé qua Cù Lao Chàm, rồi sau đó khi tới Hội An đã phát hiện ra phố Nhật Bản. Có lẽ, phố Nhật Bản đã hình thành tại Hội An từ đầu thế kỷ 17.

Trong bức họa “*Trà Ốc Tân Lục Giao Chỉ Quốc Mậu Dịch Độ Hải Đồ*” có ghi dòng chữ “*Nhật Bản Đình - Lưỡng Luân - Tam Đình Dư*”. “*Lưỡng luân*” có nghĩa là cả hai phía, hai bên. “*Tam Đình Dư*” chỉ độ dài của con phố, chiều dài của “*1 Đình*” bằng khoảng 109m bây giờ. Vì

vậy, có thể hiểu rằng chiều dài của Phố Nhật Bản rơi vào khoảng 330m. Phố Nhật Bản ở Hội An là con phố với hai bên đường nối tiếp nhau với chiều dài khoảng 330m.

Mặt tiền nhà (*đoạn phía trước ngôi nhà tiếp nối với đường*) ở thế kỷ 17 dài khoảng bao nhiêu thì không biết. Vì vậy, tôi muốn tham khảo về nhà gỗ ở Khu phố cổ Hội An hiện nay. Sau năm 1993, Việt Nam và Nhật Bản phối hợp thực hiện khảo sát điều tra về phố cổ, niên đại của các căn nhà trong phố cổ. Theo kết quả khảo sát, không có căn nhà nào ở thế kỷ 17, chỉ có các căn nhà 1 tầng, chính diện là tường gỗ, niên đại rơi vào khoảng thế kỷ 18 - 19. Các căn nhà tiêu biểu ở số 48, 77, 85 Trần Phú. Mặt tiền của căn nhà từ 4-10m. Giả sử mặt tiền mỗi căn nhà là 7m, mỗi bên đường có 47 căn nhà nối tiếp nhau, thì tổng số căn nhà hai bên đường gộp lại là 94 căn. Giả định 1 nhà 4 người

thì tổng số là khoảng 376 người. Vì tôi không biết chiều dài mặt tiền của các căn nhà ở thế kỷ 17 nên không thể đưa ra kết luận, nhưng có lẽ có khoảng 300 người Nhật đã ở đây vào nửa đầu thế kỷ 17.

Mặt khác, theo báo cáo của người Hà Lan vào năm 1633 phố Nhật Bản gặp hỏa hoạn, năm 1634 tiếp tục xảy ra hỏa hoạn, thiêu rụi 80 căn nhà bao gồm cả các thương quán Hà Lan. Vì vậy có thể suy luận rằng phố người Nhật có trên 80 căn nhà. Giả sử 1 nhà có 4 người, có nghĩa là có khoảng 320 người Nhật, cũng không có mấy sai lệch so với giả thuyết ở trên.

Các Châu Ấn thuyền lợi dụng gió mùa, rời Nhật từ mùa thu đến mùa đông, mùa xuân đến mùa hè năm sau trở lại Nhật Bản. Vì vậy, thuyền viên của các Châu Ấn thuyền sinh sống ở Hội An ít nhất là nửa năm. Tài liệu ghi chép lại có 110 thuyền viên trên con thuyền đi về miền Trung Việt Nam năm 1608. Có 300 thuyền viên trên con thuyền đi Hội An năm 1623. Có 150 thuyền viên trên Châu ấn thuyền đi Hội An năm 1633. Tài liệu cũng ghi chép lại có khoảng 300 người cả thuyền viên và hành khách trên Châu Ấn thuyền được vẽ trong bức họa “*Trà Ốc Tân Lục Giao Chỉ Quốc Mậu Dịch Đệ Hải Đồ*”.

Vì vậy, ở phố Nhật Bản tại Hội An nửa đầu thế kỷ 17, nếu tính cả người cư trú và những người liên quan đến châu ấn thuyền, thì có thể có khoảng 600 người vào thời điểm đông.

Vào năm 1651 sau chính sách “*Tỏa quốc*”, người Châu Âu đến Hội An ghi chép lại rằng có hơn 60 căn nhà của người

Nhật. Giả sử 1 nhà có 4 người thì có thể phỏng đoán rằng có khoảng 240 người Nhật. Trong bức thư mà ông Sirobe người Nhật sống ở Hội An năm 1676 gửi cho nhà Kadoya ở Matsuzaka Nhật Bản có ghi rằng người Nhật hầu như đã chết gần hết, chỉ còn 2 người ở đây. Có thể hiểu rằng nếu không tính những người Nhật thế hệ thứ 2, thứ 3 sinh ra tại Hội An thì số người Nhật di dân từ Nhật đến Hội An sinh sống vào giai đoạn này chỉ còn 2 người. Theo Thomas Bowyear, người đã đến Hội An vào năm 1695 cho hay 2 bên đường là dãy nhà san sát nhau, có khoảng 100 căn nhà, trừ 4, 5 căn của gia đình người Nhật ra còn lại là người Trung Quốc sống ở đây. Giả sử 1 căn có 4 người, thì số người Nhật ở đây cuối thế kỷ 17 chỉ có khoảng 20 người.

Do chính sách ngăn cấm người Nhật ra nước ngoài và từ đó trở về nếu đang sống ở đó của mạc phủ Tokugawa, mà thế hệ người Nhật đời thứ 2, thứ 3 không có sự hỗ trợ, đành phải sống hòa vào với người Việt Nam và người Trung Quốc. Năm 1765, một ngư dân người Nhật gặp bão ở vùng biển Nhật Bản và bị trôi dạt tới Hội An, sinh sống tại Hội An khoảng một năm rưỡi. Có tài liệu ghi chép lại rằng, người này sau đó đã trở về Nhật thông qua Trung Quốc. Tư liệu có ghi chép về con phố ở Hội An cũng như cuộc sống sinh hoạt và tập quán của con người ở đây, tuy nhiên không có ghi chép về việc chủ nhân của con phố này xưa kia là của người Nhật, các tư liệu ghi chép về việc người Nhật từng sống ở đây có lẽ đã rơi vào quên lãng trong thời kỳ này.

3. Người Nhật ở Hội An và các hoạt động tại đây

Người Nhật đến Đông Nam Á nửa đầu thế kỷ 17 là những người liên quan đến Châu Ấn thuyền hay thương nhân, võ sĩ, tín đồ Thiên Chúa giáo.

Trong bức họa “*Trà Ốc Tân Lục Giao Chỉ Quốc Mậu Dịch Độ Hải Đồ*” vẽ về phố Nhật Bản Hội An nửa đầu thế kỷ 17, có hình vẽ võ sĩ đạo mặc áo Haori Hakama (*quần áo truyền thống*) với tư thế đang rút đao. Có lẽ là võ sĩ cấp thấp. Trong trận Sekigahara (*năm 1600*), giữa gia tộc Tokugawa và gia tộc Toyotomi cũng có những trường hợp lính bại trận bên gia tộc Toyotomi không có chỗ dung thân phải chạy sang vùng Đông Nam Á. Trong số họ cũng có người châu Âu hay những người làm việc như lính đánh thuê ở lực lượng vũ trang địa phương tại Đông Nam Á. Cristophoro Borri, nhà truyền giáo người Châu Âu sinh sống tại Hội An có ghi chép lại về võ sĩ đạo người Nhật hung bạo ở Hội An.

Mặt khác, có nhân vật được vẽ đang mặc áo choàng đen với chòm tóc chonmage (*kiểu cạo đầu và để lại búi tóc của các võ sĩ đạo*), có lẽ đây là tín đồ Thiên Chúa giáo người Nhật sống ở Hội An. Vào năm 1612, chính quyền Mạc Phủ Edo phát lệnh cấm sự truyền bá đạo và phá bỏ các nhà thờ thuộc các vùng quản lý trực tiếp đầu tiên là Edo và Kyoto. Năm sau, chính sách này được mở rộng trên khắp cả nước. Đến năm 1614, đến cả lãnh chúa (*Daimyo*) Takayama Ukon cũng là tín

đồ Thiên Chúa giáo nên bị đuổi ra nước ngoài (*Philippin*). Việc tín đồ Thiên Chúa giáo người Nhật bị đuổi khỏi Mạc phủ đến sống tại Hội An là chính xác.

Sau đây tôi muốn giới thiệu về các nhân vật chính ở phố Nhật Bản tại Hội An được ghi chép trong sử liệu châu Âu. Đầu tiên phải kể đến Doming. Ông là một gương mặt đại biểu cho phố Nhật Bản từ năm 1633 - 1635. Ngoài tiếng Nhật và tiếng Việt, ông còn nói được tiếng Hà Lan và tiếng Bồ Đào Nha, ông cũng từng làm phiên dịch cho các thương nhân châu Âu và chúa Nguyễn.

Tiếp theo là Hiranoya Rokube, đại biểu của phố Nhật Bản từ năm 1635-1640. Ông là người hòa giải cho các thương nhân người Hà Lan.

Siomura Uhe là nhân vật đại biểu cho phố Nhật Bản từ năm 1640-1642. Vào năm 1641, ông đã cứu khoảng 80 thuyền viên trên con tàu của Hà Lan gặp nạn ở ngoài khơi Hội An, cho họ trú tại phố Nhật Bản ở Hội An. Năm sau, tiễn họ về Batavia.



Di chỉ khảo cổ học nhà số 16 Nguyễn Thị Minh Khai liên quan đến khu phố người Nhật ở Hội An thế kỷ 17

Từ năm 1642 đến năm 1659, đại biểu cho phố Nhật Bản là Siomua Tahe. Ông là con nuôi của Siomua Uhe, sau khi Uhe chết, ông lên nối nghiệp.

Từ năm 1659 đến năm 1665, đại biểu của Phố Nhật Bản là Hayasi Kiemon. Trong ghi chép của Hà Lan, ông xuất hiện với tên gọi là “*Kiko*” hay “*Cicodono*”. Ông lấy Hội An làm căn cứ điểm, phái cử thuyền riêng của mình đi đến các vùng ở Đông Nam Á để trao đổi mậu dịch. Năm 1663, ông vượt biển tới Batavia.

Từ năm 1665 - 1672, đại biểu của phố Nhật Bản là Kadoya Shichirobe. Ghi chép về ông có trên bia đá ở Ngũ Hành Sơn, ngoại ô thành phố Đà Nẵng. Mặt khác, bức thư gửi từ Hội An đến quê hương ông ở Matsuzaka vẫn còn được lưu giữ, hiện được công nhận là di sản văn hóa quan trọng của Nhật Bản.

4. Kadoya Shichirobe ở phố Nhật Bản, Hội An

Nhật Bản còn lưu giữ nhiều tài liệu về Kadoya Shichirobe (1610 - 1672) ở phố Nhật Bản, Hội An.

Trong “*An Nam Quốc Vãng Phục Thư Hàn Tập*” được công nhận là di sản văn hóa quan trọng, có thư từ giữa ông cũng như vợ ông, những nhân vật liên quan với thân tộc ở Nhật, tất cả là 11 bức thư.

Shichirobe chuyển đến sống ở Hội An vào năm 1631 khi ông 22 tuổi, và thực hiện trao đổi mậu dịch với Nhật Bản. Do chính sách “*Tỏa quốc*” mà có một thời gian việc trao đổi thư từ với nước ngoài gặp khó khăn, tuy nhiên ông vẫn duy

trì giao lưu ngoại thương thông qua các thuyền bè Trung Quốc. 11 bức thư được trao đổi là vào năm 1671, 1672, 1673, 1674, 1676 và 1691.

Trong bức thư gửi tháng 11 năm 1671, Shichirobe nhờ anh trai sống ở cố hương Matsuzaka gửi rượu, cá bào Nhật Katsuobushi, xì dầu Shoyu, umeboshi (*mơ ngâm muối*) Nhật Bản và 5 năm hoặc 7 năm sau khi ông chết cũng gửi những đồ này đến gia đình ông. 2 tháng sau khi viết bức thư này, vào tháng 1 năm 1672 ông từ trần. Hiranoya Shirobe ở phố Nhật Bản tại Hội An đã thông báo về cái chết của Shichirobe trong bức thư năm 1672 gửi đến anh trai của Shichirobe.

Có thể phỏng đoán rằng vợ của Shichirobe là thân tộc của chúa Nguyễn. Trong bức thư vợ ông gửi anh trai của Shichirobe ở Matsuzaka năm 1673 có ghi bà nhường lại nhà cửa cho con là Ngô Thuận Quan, chuyển vào sống ở chùa Matsumoto (*Tùng Bản Tự*), buổi sáng và tối cầu nguyện cho người chồng đã chết. Năm 1674 bà mất, được chôn cất trong chùa Matsumoto (*Tùng Bản Tự*) cùng chồng là ông Shichirobe.

Trong bức thư gửi từ Shirobe sống tại Hội An tới gia tộc Kadoya năm 1676, có ghi người Nhật ở đây hầu như đã chết hết, chỉ còn có 2 người. Có thể hiểu rằng nếu không tính thế hệ người Nhật đời thứ 2, thứ 3 sinh ra tại Hội An, thì số người Nhật di dân từ Nhật đến Hội An trước chính sách “*Tỏa quốc*” chỉ còn có 2 người.

Thời còn sống, Kadoya shichirobe đã xây dựng ngôi chùa có tên là “*Tùng Bản tự*” tại Hội An. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa xác định được vị trí của ngôi chùa này.

5. Thương nhân Châu Ấn thuyền Araki Sotaro

Araki Sotaro (? - 1636), sống tại Nagasaki, là một thương nhân có trao đổi mậu dịch với Đông Nam Á. Sau năm 1610, ông có tới Hội An vài lần. Ông xây dựng được mối quan hệ sâu sắc với chúa Nguyễn thông qua giao thương mậu dịch, con gái (có tên là *Wakakutome*) của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635) được gả làm vợ của Araki Sotaro, bà sang Nhật và tạ thế tại Nagasaki năm 1645. Chiếu gương soi bà mang từ cố quốc hiện vẫn được lưu giữ.

Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên có 4 người con gái. Trong đó, có 2 người kết hôn với người Việt Nam. Tuy nhiên, trong cuốn “*Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên*” không có ghi chép về nơi làm dâu của cô con gái thứ 2 “*Ngọc Vạn*” và cô con gái thứ 3 “*Ngọc Khoa*”. Vì vậy, nàng công chúa được gả cho Araki Sotaro có thể là 1 trong 2 người con gái này. Bà được gọi bằng cái tên “*Anio*” tại Nagasaki. “*Anio*” phiên âm tiếng Việt là “*Anh ơ*”. Vì bà thường gọi chồng - Sotaro là “*anh ơ*”, lời gọi ấy khi đến tai người Nhật lại thành “*Anio*” nên họ nghĩ rằng tên bà là “*Anio*”. Chiếu gương soi bà mang theo từ cố quốc hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Văn hóa thành phố Nagasaki. Đó là chiếc gương bằng thủy tinh được làm tại Châu Âu nửa đầu thế kỷ 17. Bà được chôn chung cùng chồng, ngôi mộ của bà nằm trong khu mộ của gia tộc Araki trong khuôn viên chùa Daionji (*Đại Âm tự*) thuộc thành phố Nagasaki.

Lễ hội “*Nagasaki kunchi*” được tổ chức hằng năm tại thành phố Nagasaki. Đây là lễ hội của “*Đền Suwa*” tại Nagasaki, được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1634. Kể từ sau đó trở thành lễ hội thường niên long trọng và đầy màu sắc. Cách 7 năm 1 lần sẽ tổ chức màn rước Châu Ấn thuyền - trên thuyền là Araki Sotaro và nàng Anio. Ngay cả đến bây giờ thì kí ức về thời đại Châu Ấn thuyền vẫn luôn được gìn giữ, lễ hội này được công nhận là di sản văn hóa dân tộc vô hình quan trọng của quốc gia.

6. Gia tộc Chaya, hào thương Kyoto

Gia tộc Chaya là hào thương ở Kyoto, độc quyền làm trang phục cho gia tộc Tokugawa, tích lũy được nhiều tiền của nhờ mậu dịch Châu ấn thuyền. Gia tộc Chaya bắt đầu đi Châu Ấn thuyền sang Việt Nam từ năm 1612, rồi năm 1620, 1623 và 1627, sau đó kể từ năm 1635 hầu như năm nào cũng phái cử Châu Ấn thuyền sang Việt Nam. Và điểm đến chính là Hội An.

Bức họa “*Trà Ốc Tân Lục Giao Chỉ Quốc Mậu Dịch Độ Hải Đồ*” vẽ về Hội An nửa đầu thế kỷ 17 là vật phẩm được trao cho gia tộc Chaya. Có thể cho rằng đây là bản phác họa được vẽ để thuyết minh về tình hình ở Hội An, Việt Nam thời Mạc phủ. Dòng chữ “*Chaya*” (*Trà Ốc*) được khắc trên bia đá vào năm 1640 ở núi Ngũ Hành Sơn ngoại ô Đà Nẵng, cho thấy sự gắn kết chặt chẽ với phố Nhật Bản ở Hội An.

7. Hội An thế kỷ 18 dưới cái nhìn của những người Nhật trôi dạt ra nước ngoài

Vào thời “*Tỏa quốc*” - thời kỳ cấm người Nhật đi thuyền ra nước ngoài, có vài trường hợp người Nhật gặp tai nạn hàng hải và bị trôi dạt sang nước ngoài, theo ghi chép có 3 vụ trôi dạt sang Việt Nam.

Đầu tiên là ghi chép về tàu Himemiyamaru trôi dạt năm 1765, đến và ở lại Hội An, năm 1767 về nước. Tiếp theo là ghi chép về tàu Sumiyosimaru, trôi dạt cùng thời kỳ với Himemiyamaru và gặp gỡ với thuyền viên của Himemiyamaru tại Hội An. Và cuối cùng là ghi chép về tàu Daijyomaru, bị trôi dạt năm 1794, năm sau đó đã trở về cố quốc từ miền Nam Việt Nam.

“*An Nam Quốc Phiêu Lưu Vật Ngữ*” là câu chuyện được ông Nagakubo Sekisui - nhà địa lý học thời Edo nghe từ thuyền viên của Himemiyamaru và viết lại. Có rất nhiều bản chép tay dựa trên nội dung câu chuyện này. Bản thân tác giả cũng giữ vài bản, có thể nói rằng nội dung của chúng gần như là giống nhau.

Trong các câu chuyện mà những người Nhật trôi dạt sống tại Hội An chứng kiến thì có sự xuất hiện của các ngôi chùa. Nghe nói chùa nhỏ, có 3 chùa. Ngôi chùa đầu tiên Bản tôn là tượng Phật bà, trên bảng hiệu có dòng chữ “*Hải Quốc Tôn Thân*”. Một ngôi chùa có bảng hiệu là



Mộ ông Gusokukun - Thương nhân Nhật Bản, qua đời ở Hội An năm 1629 - Ảnh: Hồng Việt

“*Phối Đức Kim Sơn Cung*”. Ngôi chùa cuối cùng tài liệu ghi chép lại Bản tôn là Dược Sư, phía trước có tượng Quan Công.

Đầu tiên tôi muốn đề cập đến ngôi chùa có “*Bản Tôn là Dược sư, phía trước là tượng Quan Vũ*”. Ở góc đường Trần Phú và đường Nguyễn Huệ hiện vẫn có Quan Đế miếu (*miếu Quan Công*). Trên bia đá trong khuôn viên miếu có ghi, Quan Đế Miếu và “*Quan Âm Phật Tự*” được xây dựng vào khoảng năm 1653. Quan Âm Phật tự còn được gọi là Minh Hương Phật tự. “*Tượng Quan Vũ phía trước Bản Tôn Dược Sư*” mà những người trôi dạt đến đây phát hiện ra chính là miếu Quan Công và Quan Âm Phật tự, có lẽ họ đã nhìn nhầm tượng Quan Âm thành tượng Dược Sư.

Tiếp theo là ghi chép về 2 ngôi chùa, một ngôi chùa “*Bản tôn là tượng Phật bà, trên bảng hiệu ghi dòng chữ Hải*

Quốc Tôn Thân” và một ngôi chùa “*bảng hiệu có đề chữ Phối Đức Kim Sơn Cung*”. Theo bia đá trong hội quán Phúc Kiến, thì chùa xây năm 1695, lúc đầu được gọi là “*Kim Sơn Tự*”, hiện nay ở đây vẫn còn bảng hiệu “*Hải Quốc Tôn Thân*”. Hội quán Trung Hoa xây dựng năm 1741, sau đó được tu bổ lại. Bản tôn là Thiên hậu thánh mẫu. Vì vậy, khó để có thể khẳng định ngôi chùa nào tương ứng với hội quán Phúc Kiến hay hội quán Trung Hoa. Hoặc vì các ghi chép của những người trôi dạt đã đến thăm 2 ngôi chùa này bị trùng lặp, dẫn đến thông tin không rõ ràng như thế này. Dẫu sao thì việc người Nhật trôi dạt tới đây đã từng tới 3 ngôi chùa mà hiện nay là hội Quán Phúc Kiến, hội Quán Trung Hoa và miếu Quan Công là chính xác.

8. Kết thúc

Ngoài các trường hợp nêu trên còn rất nhiều người Nhật sống tại phố Nhật Bản Hội An thế kỷ 17. Có ghi chép cho rằng cán bộ quản lý cấp dưới của Hasegawa Sahe - quan tòa xử án ở Nagasaki, bị sát hại ở Quảng Nam năm 1617, được chôn cất ở phố Nhật Bản. Ngoài ra, từ những năm 1610 - 1620 có Funamoto Yasichiro làm giám sát, quản lý người Nhật đến Hội An.

Có thể nhìn thấy tên người Nhật sống ở phố Nhật Bản Hội An trên văn bia ở Ngũ Hành Sơn, ngoại ô Đà Nẵng. Có tên của các tín đồ Phật giáo như Heisaburo, Gimon, Achiko, Shichirobe, Heizaemon, Sougoro, Kiko, đó là danh sách những người đóng góp xây dựng tượng Phật.

Trong đó, “*Shichirobe*” chính là Kadoya Shichirobe. Nếu Kiko là “*Kiko*” được đề cập tới trong sử liệu của Hà Lan, thì có khả năng người này là Hayashi Kiemon. Ngoài các tín đồ Phật giáo, còn có các tín đồ Thiên Chúa giáo bị đuổi khỏi Nhật Bản và tín đồ tôn giáo đã làm lễ rửa tội ở phố Nhật Bản Hội An. Có tài liệu ghi chép lại vào năm 1658 có người Nhật được chôn ở giáo đường tại Hội An. Năm 1674, khi nhà truyền giáo Jean de Courtaulin vào Hội An từ Thái Lan, đã được tín đồ tôn giáo người Nhật ở Hội An cho trú lại. Năm 1682, một bà lão là tín đồ tôn giáo đã nhiệt tình cho nhà truyền giáo Nhật Bản Barthelemy d Acosta trú lại nhà mình.

Ở ngoại ô thành phố Hội An, hiện vẫn còn 3 ngôi mộ của người Nhật ở thế kỷ 17. Một ngôi mộ của ông “*Tani Yajirobe*” được chôn cất năm 1647. Một là mộ của ông “*Banjiro Suminobu*” năm 1665. Cuối cùng là mộ của “*Koubunken Gusokukun*”, chôn cất năm 1629 hoặc là năm 1689. Không có tài liệu về 3 vị này từ phía Nhật, có nhiều điểm chưa rõ ràng, tuy nhiên có lẽ ông Gusokukun có mối quan hệ với thương nhân của Sakai, Osaka.

Trên đây là những giới thiệu về người Nhật sống tại phố Nhật Bản ở Hội An thế kỷ 17 và các hoạt động giao thương buôn bán của họ. Nếu tiếp tục tìm kiếm các tài liệu trong nước Việt Nam hay các sử liệu châu Âu thì có khả năng chúng ta có thể tái hiện được nhiều hơn nữa các hoạt động của người Nhật thời kỳ này. Tôi rất kỳ vọng vào điều đó ♦

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬT CÔNG GIÁO Ở HỘI AN THẾ KỶ 17

ThS. Phạm Phước Tịnh

Lâu nay, khi nghiên cứu về sự có mặt của người Nhật ở Đàng Trong, trong đó có Hội An được nhiều nhà nghiên cứu tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhìn chung, sự có mặt của người Nhật ở Hội An đã tạo tiền đề cho sự phát triển hưng thịnh của đô thị - thương cảng Hội An trong thế kỷ 17 - 18.

Người Nhật đến Hội An với nhiều mục đích khác nhau, ngoài mục đích chính là kinh tế, còn có mục đích tôn giáo và cuộc sống mưu sinh của mình sau khi Chính phủ Nhật ban hành lệnh cấm đạo và trục xuất giáo sĩ Thiên Chúa giáo ra khỏi lãnh thổ. Vì vậy, các tín đồ người Nhật đã tìm đến các vùng đất mới để sinh sống và thực hành đạo của mình, trong đó có Đàng Trong, Hội An. Nhằm cung cấp thêm những thông tin về người Nhật ở Hội An trước đây, đặc biệt là vấn đề người Nhật Công giáo ở Hội An, qua những tư liệu thu thập, sưu tầm được, trong bài viết này chúng tôi thông tin bước đầu về người Nhật Công giáo ở Hội An để quý độc giả cùng tham khảo.

Sau khi ban hành sắc lệnh cấm đạo Công giáo gắt gao ở Nhật Bản năm 1614, một số người Nhật đã tìm cách đến các vùng đất mới để sinh sống, trong đó nhiều người Nhật theo Đạo Thiên Chúa đã đến Đàng Trong. Sự kiện này được ghi chép trong tác phẩm *Lịch sử Nhật Bản* như sau: “... Tokugawa Ieyasu ban hành lệnh trục xuất các nhà truyền đạo người nước

ngoài và ra lệnh cấm đạo Gia-tô ở Nhật Bản. Thế có nghĩa là lần đầu tiên người dân Nhật Bản theo đạo Gia-tô có nguy cơ bị trừng phạt vì lòng tin của mình. Các nhà truyền giáo châu Âu theo sách lược đã quen, giả vờ vâng theo lệnh để chờ thời cơ thuận tiện. Một số lần trốn khắp nơi trong nước. Một số khác sang Macao rồi lên lút quay về Nhật với nhiều tín đồ. Cái không khí chính trị mong muốn được cải thiện hơn đó không bao giờ có được... Chính quyền đã thực thi một chiến dịch bắt bớ và hành quyết lâu dài. Hàng mấy vạn người đã từ bỏ đạo, nhưng hàng mấy nghìn người đã chết vì đạo mà người nước ngoài đã dạy. Một số khác, chỉ khoảng vài trăm người đã trốn sang Philippine và Việt Nam, ngay sau khi Ieyasu ban hành sắc lệnh”¹.

Giáo sĩ Alexandre De Rhodes cũng đã ghi lại sự kiện này trong *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài* như sau: “Có rất nhiều giáo dân, kể từ năm 1614 bắt đầu có sắc lệnh cấm đạo, đã kéo nhau lũ lượt đi, nhất là vào mùa chay, và cả ngoài mùa này nữa, mỗi năm ba hay bốn lần, để được xưng tội với các cha dòng biết tiếng Nhật và rước lễ, và mỗi lần có tới ba hay bốn chiếc tàu. Họ đi tự do, lấy cơ buôn bán. Và cứ thế gần mười năm nay họ tiếp tục và rất được miễn nguyện và an ủi về thiêng liêng... Nhưng vua cấm đạo hung bạo đã

¹ P.H.P. Mason và J.G. Caiger (2003), *Lịch sử Nhật Bản*, Nguyễn Văn Sỹ dịch, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.231-232.

không cho được an ủi này và ra lệnh lên án xử tử hết các công dân nếu còn vượt biển ra khỏi lãnh thổ và truyền cho những người ở nước Annam phải trở về Nhật vì sợ có người sẽ hồi hương với chức linh mục để thừa hành nhiệm vụ trong nội địa nước nhà...”².

Chính sự cấm đạo của chính quyền Nhật, nên Tòa Giám mục Macao đã chuyển hướng truyền giáo đến Việt Nam để giúp đỡ các giáo dân Nhật về mặt tinh thần và tìm kiếm sự phát triển ở vùng đất mới. Vì vậy, vào năm 1615, Tòa Giám mục Macao cử đến Hội An một phái đoàn Dòng Tên để lập ra giáo đoàn Đàng Trong. Phái đoàn đến Đàng Trong gồm có giáo sĩ Francesco Bozomi, Diego Carvalho và ba thầy dòng trong đó có hai thầy dòng người Nhật³.

Trong sách *Lịch sử Giáo hội Công giáo Nhật Bản* có ghi: “Mậu dịch phát đạt với Cochín China bắt nguồn từ những khu định cư của người Nhật ở Touron (nay là Đà Nẵng) và Faifo (Hội An). Những thừa sai Dòng Tên tiên khởi được phái từ Macao đến các cảng này là Diego Carvalho, bị trục xuất khỏi Nhật Bản vào năm 1614 và Francesco Bozomi. Cả hai đến vào tháng 1 - 1615. Carvalho coi sóc các Ki-tô hữu Nhật Bản tại Faifo”⁴.

² Alexander De Rhodes (2016), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Hồng Nhuệ và Nguyễn Khắc Xuyên dịch, tái bản lần thứ 1, Nxb Khoa học xã hội, tr.74.

³ Xem thêm Nguyễn Văn Hoàn (1991), “*Hội An, một trung tâm giao tiếp văn hóa thế giới của Việt Nam ở thế kỷ XVII*”, Bài in trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.273-283.

⁴ Joseph Jennes, CICM (2008), *Lịch sử giáo hội công giáo Nhật Bản*, Phil. Nguyễn Hữu Anh Vương và Jos. Trương Văn Thơm dịch, Nxb Tôn giáo, tr.236. Xem thêm Hà Triệu Huy (2019), “*Dấu ấn và vai trò của văn hóa Ki-tô giáo ở thương cảng Hội An thế kỷ XVI-XVII*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Giao lưu văn hóa tại các thương cảng quốc tế thời trung đại ở Việt Nam và Đông Nam Á.

Còn trong *Hành trình và truyền giáo*, Alexandre De Rhodes cho biết “*Cha Buzomi đến quỳ gối dưới chân bề trên, xin cho phép đi tới đất nước mà Chúa kêu gọi ngài. Lời xin liền được chấp nhận. Thế là ngài trở đi ngày đầu năm 1615 và tới nơi vào ngày lễ thánh Phêrô lập tòa ở thành Roma 18 tháng Giêng. Ngài nghĩ ngay đến việc cất một nhà nguyện ở cửa Hội An, nơi tàu đưa ngài tới chính ngày lễ Phục sinh. Ngài long trọng dâng thánh lễ đầu tiên và rửa tội cho mười người tân tòng*”⁵.

Có thể nói, người Công giáo Nhật Bản đến Hội An ngoài mục đích buôn bán, còn tới đây để lánh nạn, hành đạo. Các bề trên của Dòng Tên ở Macao rất quan tâm tới những kiều dân Nhật Bản này ở Hội An, coi như đây là một địa bàn móc nối với người Công giáo ở Nhật Bản đã đóng kín cửa⁶. Việc các giáo sĩ Dòng Tên đến Đàng Trong, trong đó có Hội An là sự kiện mở đầu để sau đó nhiều nhà truyền giáo của Dòng Tên tiếp tục lên đường đến vùng đất này.

Linh mục Carvalho, người bạn đồng hành với Buzomi được gởi đến Hội An là để chăm sóc người công giáo Nhật Bản và để tìm đường đi vào Nhật Bản qua một ngã khác, không phải là Macao đã bị nhòem ngó⁷. Năm 1616, Linh mục Carvalho rời Hội An đi Nhật Bản và Thừa sai Antonio Fernandez tới thay.

Đầu năm 1616, linh mục Francisco de Pina đến và ở Đà Nẵng, giữa năm 1616 bị

⁵ Alexandre De Rhodes (2020), *Hành trình và truyền giáo*, bản dịch của Hồng Nhuệ, Nxb Hồng Đức, tr.81.

⁶ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.41.

⁷ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.41.

săn đuổi, linh mục Pina được giáo hữu Nhật Bản ở Hội An đem về che giấu và ở lại đây cho tới đầu năm 1617 mới đi Quy Nhơn.

Giáo sĩ Francisco de Pina sinh tại thành phố Guarda ở miền Đông Bồ Đào Nha năm 1585. Ông gia nhập Dòng Tên từ 19 tuổi và sau đó được đưa đến Tòa Thánh xứ Goa của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ ít năm để được truyền thụ giáo lý cơ sở trước khi đến Học viện Macao (*tức Áo Môn*) của Bồ Đào Nha trên lãnh thổ Trung Hoa vào năm 1611. Tại đây, ông được trang bị đầy đủ các khoa học và nghệ thuật thời bấy giờ, bao gồm lô gic học, siêu hình học, vật lý học, âm nhạc, hội họa và cả tiếng Nhật trong 3 - 4 năm. Tiếp đó, ông học thần học và hoàn thành việc học tập vào đầu năm 1617 và chính thức trở thành giáo sĩ và được cử đến Cửa Hàn - hải cảng Đà Nẵng hoạt động. Ông là người giỏi tiếng Nhật nên có thể truyền giáo cho những thương nhân Nhật Bản ở đây. F.Pina đến vùng Thanh Chiêm bỏ tiền ra mua đất làm nhà thờ và ông ở đó để học tiếng người địa phương. Trong tất cả những người truyền đạo thì F.Pina là người duy nhất không cần thông dịch. Ông nghiên cứu tiếng nhờ những người dân địa phương; đến năm 1622, F.Pina cơ bản hoàn tất việc chuyển hóa ngôn ngữ từ âm tiếng Việt sang chữ viết Latinh. Ông mở trường dạy tiếng Việt cho các giáo sĩ trong đó có Antonio de Fontes (*người Bồ Đào Nha*) và Alexander de Rhodes (*người Pháp*)⁸.

⁸ Dẫn theo Nguyễn Phước Tương, “Sự du nhập của Thiên Chúa giáo vào Hội An thời các chúa Nguyễn”, chuyend Roland Jacques. L’ oeuvre de quelques pionniers portugais dans le domaine de la linguistique vietnamienne j’us qu’en 1650. Institut national des langues et civilisations orientales. Paris 1995 (chuyên đề thuộc đề tài Nghiên cứu, biên soạn địa chỉ Hội An).

Đầu năm 1617, hai linh mục Pedro Marquez và C.Borri tới Đàng Trong và bản tường trình của ông cho biết, trong lúc các thừa sai Buzomi, Pina và Borri cùng một trợ sĩ người Bồ đi Quy Nhơn, thì linh mục Marquez cùng với một trợ sĩ người Nhật Bản ở lại Hội An để giảng đạo.

Trong năm 1619, linh mục Marquez đã đem được 40 người vào đạo và xây dựng một nhà nguyện cho riêng họ. Linh mục Marquez là người Bồ Đào Nha lai Nhật Bản (*cha Bồ, mẹ Nhật*), nói thông thạo tiếng Nhật Bản, có mặt ở Hội An từ năm 1617 và với sự hợp tác của linh mục Pina là người, sau bốn năm học tiếng, đã thông thạo ngôn ngữ của người Việt. Linh mục Marques trưởng của Phái đoàn truyền giáo ở Bắc Hà vào năm 1627, vai trò cá nhân của ông có phần lu mờ sau vai trò của người cộng sự của ông là linh mục A. Rhodes, người có một lợi thế tối đa là nói được tiếng Việt. Ông bị đuổi khỏi Bắc Hà vào năm 1630, làm bề trên ở Faifo vào năm 1665; ông đón tiếp tại đây ông Louis Chevreuil, mục sư thứ nhất của Phái đoàn truyền giáo ngoại quốc đến Đàng Trong. Ông bị trục xuất cùng năm đó và phải đi Thái Lan cùng với cộng sự của mình, chúng ta mất dấu ông ở đó⁹.

Đầu năm 1620, linh mục Pina về Hội An, một phần để nhờ vào sự giúp đỡ của giáo hữu Nhật Bản, một phần để truyền giáo cho người Việt. Năm 1620, tại Hội An, các cha đã rửa tội được 109 người, trong đó 82 người Việt và 27 người Nhật.

Sự kiện này được Thừa sai Gaspar Luis viết trong một bức thư đề ngày

⁹ Nguyễn Cửu Sà (dịch) (2003), “Về các nhà thờ và giáo dân ở Faifo, Turon và Cacciam”, *BAVH*, tập XVIII, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.500.

17/12/1621 như sau: Ở Faifo, có bốn người của chúng ta, hai cha và hai thầy, các ngài không ngừng lo lắng cho đời sống thiêng liêng của người bản xứ cũng như người Nhật Bản đến đây để buôn bán. Người ta làm phép rửa cho 42 người bản xứ đã trưởng thành và 27 người Nhật Bản. Có một người Nhật Bản ghét đạo thánh lắm, nhưng khi bị lâm trọng bệnh, ông đã trở lại với Chúa và trong lúc người ta đang dạy đạo cho ông, thì ông đã đi về thế giới bên kia một cách may mắn.

Cuốn giáo lý mà người ta biên soạn bằng tiếng Đàng Trong đã giúp ích nhiều lắm bởi vì không những trẻ em học thuộc lòng cuốn giáo lý đó, mà người lớn cũng học. Cho tới đây các giáo hữu chỉ dùng tràng hạt để đeo vào cổ cho người ta thấy mình là người có đạo. Nay họ dùng tràng hạt để đọc kinh. Người ta đã thành công trong việc giúp người Nhật Bản về hôn nhân. Nay họ cưới vợ chứ không sống với tình nhân như trước nữa. Điều dễ thấy nhất là trong những năm trước ở đây chỉ có 2 đôi vợ chồng theo luật đạo, nay hầu như tất cả đều hợp lệ¹⁰.

Ở Quảng Nam, đầu năm 1625, Hội An vẫn là cơ sở chính của Dòng Tên ở Đàng Trong, trong lúc Đà Nẵng chỉ là một cơ sở phụ, không có thừa sai trụ trì. Nhưng dần dần về sau, kiều dân Công giáo Nhật Bản ở Hội An không còn là chỗ dựa cho các thừa sai nữa. Bởi vì do lệnh của chính phủ Nhật cấm người Nhật không được ra khỏi nước (*sắc chỉ 28/3/1633, 7/12/1635*), việc buôn bán của người Nhật ở Hội An cũng như cộng đồng của kiều dân Nhật ở

đây ngày càng giảm sút¹¹.

Năm 1636, Nhật Bản bế quan tỏa cảng, cấm người Nhật ra bên ngoài. Ở Hội An vẫn còn một số người Nhật công giáo sinh sống. Năm 1640, A.Rhodes trở lại Đàng Trong, đến Hội An để tìm sự che chở và giúp đỡ của các kiều dân Nhật Bản. Viên quan đứng đầu cộng đồng người Nhật ở Hội An lúc bấy giờ là một người không công giáo và không mấy thiện cảm với Công giáo, nhưng nhờ được quà cáp hậu hĩ, ông đã giúp đỡ giáo sĩ rất tận tình, ông đã giúp cho giáo sĩ được gặp gỡ người Nhật và người Việt, ông cũng đã đem giáo sĩ lên kinh để ra mắt Chúa¹².

Trong khi Linh mục Pierre Albert ở lại một mình ở Hội An với kiều dân Nhật, thì Linh mục A.Rhodes lên đường ra Huế yết kiến chúa Nguyễn. Linh mục A.Rhodes tường thuật như sau: Viên quan Nhật Bản này đã hướng dẫn tôi một cách rất khéo léo và ông cũng nhờ bạn hữu của ông giúp tôi qua các cửa ải một cách dễ dàng. Tôi đã để cha Pierre Albert ở lại với người Nhật, cha đã làm thân với họ và giúp ích cho họ rất nhiều. Còn tôi thì đi ra mắt nhà vương với những lễ vật cao quý nhất có thể có được...¹³

Năm 1645, linh mục A.Rhodes bị đưa về Hội An và bị giữ trong nhà một người Nhật cho tới lúc lên tàu về Macao. Người Nhật và vợ là Công giáo nên đã tạo

¹⁰ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.42.

¹¹ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.62-63.

¹² Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.68.

¹³ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.69.

điều kiện cho giáo sĩ A.Rhodes hoạt động, trong 22 ngày ở Hội An, ông đã đem được 92 người ngoại vào đạo¹⁴.

Năm 1646, linh mục Saccano đến Đàng Trong, khi ở tại Hội An không dám ra khỏi nhà và chỉ làm mục vụ cho giáo hữu từ khắp nơi đến, ban đêm và từng nhóm nhỏ. Trong thư đề ngày 21/9/1646, ông cho biết: Tôi đang ở Đàng Trong, làm việc bên trong nhà nhiều hơn là ở ngoài, không dám ra khỏi con đường của người Nhật Bản. Tôi có thể đi ra khỏi ranh giới đó, nhưng có nguy cơ bị đuổi khỏi Đàng Trong và thấy miền truyền giáo này vĩnh viễn mất đi. Nhưng giáo hữu từ khắp nơi, ban đêm, đến nơi tôi ở, đề nghị nhận phép Hòa giải và phép Thánh Thể. Họ chu toàn các việc đạo đức này một cách sốt sắng. Chúng tôi phải đi rất từ từ, chúng tôi bị bắt buộc phải như vậy. Vội vã sẽ hỏng hết...¹⁵

Giữa năm 1654, chúa Nguyễn cho trục xuất hai linh mục Saccano và Rocca vĩnh viễn ra khỏi Đàng Trong. Đầu năm 1655, hai linh mục Marquez và Rivas được cử sang Đàng Trong, là người Bồ Đào Nha lai Nhật Bản thông thạo phong tục và biết ít nhiều ngôn ngữ của người Việt, nên có thể sống trà trộn trong cộng đồng kiều dân Nhật Bản ở Hội An. Hai giáo sĩ đóng trú sở ở Hội An, các giáo hữu lại âm thầm, từ các địa phương kéo đến Hội An để lãnh nhận các bí tích¹⁶.

Đến ngày 26/12/1664, chúa Nguyễn mới cho lệnh bắt tập trung tất cả thừa sai người nước ngoài ở Hội An để chờ tàu

trục xuất khỏi Đàng Trong. Các thừa sai Dòng Tên lúc bấy giờ chỉ còn 3 người: Marquez ở Hội An, Baudet ở Đà Nẵng và Fuciti ở Huế. Đến năm 1665, hoạt động của ba thừa sai Dòng Tên và một thừa sai Pháp ở Đàng Trong đã chấm dứt¹⁷.

Năm 1664 - 1665, nhiều người Nhật Công giáo giàu có ở Hội An “*quá khóa*” làm gương mù cho khoảng 120 người Việt giàu nhất ở Quảng Nam cũng bắt chước¹⁸.

Về trú sở Faifo, trong các bức thư của linh mục Gaspar Louis viết từ 1620 - 1624 cho biết: Có bốn người của chúng ta ở trú sở này, hai linh mục và hai sư huynh, họ hoạt động không ngừng nghỉ cho việc gieo rắc tinh thần cho người bản xứ ở đây, và cả những người Nhật đến đây buôn bán. Đối với họ, ta rửa tội được 82 người, trong đó có 27 người lớn. Một người Nhật trước đây, rất ghét tôn giáo chúng ta, đã bị bệnh nặng và trở về với Chúa; tuy nhiên khi người ta giáo hóa anh ta, anh ta đã sung sướng qua đời. Bản cương yếu giáo lý mà chúng ta thực hiện bằng tiếng Đàng Trong đã đem lại nhiều lợi ích; bởi vì không chỉ trẻ con học nó thuộc lòng mà người lớn cũng làm thế. Cho đến giờ đây, người Thiên Chúa giáo khu này không chỉ sử dụng tràng hạt đeo vào cổ để tỏ mình là người Công giáo mà họ còn dùng nó khi đọc kinh. Người ta đã tranh thủ được người Nhật đối với đàn bà, giờ đây họ cưới phụ nữ như là vợ chứ không như là nàng hầu như trước đây. Điều thấy rõ là những năm về trước ở đây chỉ có hai đám cưới chính thức, nay tất cả đều làm đám cưới chính thức. Điều giúp ích nhất để tranh thủ họ là việc thực hiện

¹⁴ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.94

¹⁵ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.97

¹⁶ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.101.

¹⁷ Trương Bá Cần (chủ biên, 2009), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam ở Việt Nam, tập 1*, sđd, tr.107.

¹⁸ Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 - 1773*, Nxb Tôn giáo, tr.22-23.

hôn nhân theo kiểu Thiên Chúa giáo trong năm nay được thực hiện nhiều hơn là cách của những người theo chế độ đa thê¹⁹.

Năm 1631, nhà thờ Faifo bị phá hủy theo lệnh của chính quyền. Trong khoảng thời gian này, ngày càng nhiều người tị nạn đã đến Faifo và đến năm 1633, con số người Nhật lên đến 300 người. Thái độ của chính quyền địa phương vẫn dứt khoát với việc truyền đạo. Các sắc lệnh bách hại được ban hành nhằm chống lại những người Công giáo bản địa và các thừa sai nhưng không được áp dụng trên những người định cư Nhật Bản vì họ được hưởng một loại đặc quyền ngoại giao²⁰.

Trong thời gian từ 1615 - 1665, ở Hội An có 3 cộng đoàn theo Ki-tô giáo gồm cộng đoàn người Nhật, cộng đoàn người Hoa và cộng đoàn người Việt. Mỗi cộng đoàn có cơ sở thờ tự riêng. Theo giáo sĩ Alexandre de Rhodes, vào năm 1643, trụ sở truyền giáo của các giáo sĩ ở Hội An là một trong hai trụ sở chính của Đàng Trong. Trụ sở ở Hội An có nhà thờ và nhà ở riêng cho giáo sĩ A.D. Rhodes và các thầy giảng. Năm 1675, giáo sĩ Conrtaulin xây dựng một ngôi nhà thờ tại Hội An²¹.

Kể từ năm 1615 đến 1664, tổng số Giêsu hữu làm việc ở Đàng Trong là 38 người, thuộc 10 quốc tịch, trong đó Nhật có 7 người, đứng thứ 2 sau Bồ Đào Nha (16 người)²². Tính từ năm 1615 đến năm

1666, có 8 Giêsu hữu người Nhật đến Hội An như sau²³:

Stt	Tên	Năm đến
1	Linh mục Miguel Maki	1618
2	Tu huynh José Tsuchimochi	1620
3	Tu huynh Paulo Saito	1620
4	Linh mục Romão Nishi	1621
5	Linh mục Mathias Machida	1625
6	Linh mục Fracisco Marques	1641
7	Linh mục Perdo Marques, junior	1652
8	Linh mục Bartolomeu d'Acosta	1666

Số lượng đạo hữu (1615 - 1665) ở Đàng Trong: khoảng 20.000 người. Tuy nhiên không rõ người Nhật ở Hội An có bao nhiêu người. Thành phần xã hội của giáo hữu người theo đạo là thường dân, nghèo, ít học.

Các thừa sai từ 1615 - 1665, có tất cả 25 linh mục và 5 trợ sĩ Dòng Tên đến Đàng Trong, trong đó có 16 người Bồ, 7 người Ý, 5 người Nhật, 2 người Pháp.

Về giáo hữu Nhật Bản ở Hội An, linh mục Francesco de Pina cho biết, thành phố của những người Nhật, hợp mặt với linh mục Pietro Marches và họ đã hỗ trợ nhiều cho thành phố này. Vì sau rất thạo tiếng Nhật, trong một thời gian ngắn đã cải đạo một vài người Công giáo đã phạm tội và lấy vợ hầu, và cải đạo nhiều người

¹⁹ L. Cadière (Nguyễn Cửu Sà dịch, 2003), “Thư của linh mục Gaspar Louis về xứ Đàng Trong”, *BAVH*, tập XVII, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.505-506.

²⁰ Joseph Jennes, CICM (2008), *Lịch sử giáo hội Công giáo Nhật Bản*, sdd, tr.236.

²¹ Dẫn theo Võ Hồng Việt (2020), “Thiên Chúa giáo ở Hội An”, chuyên đề thuộc đề tài Nghiên cứu, biên soạn địa chỉ Hội An.

²² Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 - 1773*, sdd, tr.25.

²³ Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 - 1773*, sdd, tr.555-556.

ngoại quốc khác. Vị đầu, người có hiểu biết tương tự tiếng Đàng Trong, đã tạo nên nhiều giáo dân và cải đạo một vài tu sĩ và ông sãi, nhờ những người này, nhiều người khác kể cả người Đàng Trong và người Nhật tin theo đức tin thánh thiện, làm cho nhà thờ ở đây có thể sánh được nhà thờ ở Âu châu không những về số tín đồ mà những hoạt động tôn giáo, bố thí, làm phúc và những việc thiện khác²⁴.

Ở Quảng Nam cũng có nhiều người cải đạo theo Đức tin thánh thiện của chúng ta; về chuyện này ông nghề đã giúp chúng tôi nhiều, ông khâm phục chúng tôi về việc tuyên đoán nhật nguyệt thực nên ông xác nhận một cách công khai rằng không có đức tin và điều luật nào xác thực hơn của các linh mục đã giảng dạy. Các chuyện đó đã ở trong tình trạng này như thế khi tôi rời xứ này vào năm 1622 để đi Âu châu. Từ đó, tôi biết do các bức thư hằng năm do các đồng sự của tôi gửi cho tôi rằng họ đã gặt hái các kết quả ở đây và tôi biết rằng trong mùa nho mới của Thượng đế, họ tiếp tục cải đạo và rửa tội một năm khoảng một triệu người và đặc biệt ở Cacciam Thiên Chúa giáo ngày càng nở hoa. Nhưng vừa đây, họ biết rằng nhà vua chống lại việc tạo ra ở đây một số lớn con chiên Thiên Chúa giáo đến chỗ nhà vua dọa đuổi các linh mục ra khỏi vương quốc và việc đó vì chuyện buôn bán với người Hà Lan có trở ngại. Nhưng thượng đế không muốn cuộc cấm đạo này đi quá xa nên nhà vua bằng lòng chuyển một linh mục đi Macao và ông cho rằng nhờ đó người Bồ Đào Nha tiếp tục việc buôn bán và nhờ đó mọi chuyện đã dịu đi,

và các linh mục tiếp tục xứ mạng, cải đạo và coi sóc con chiên như trước²⁵.

Một vài nhận xét

1. Người Nhật đến Hội An ngoài mục đích kinh tế, còn nhằm mục đích tôn giáo của mình. Vì chính sách cấm đạo, sát đạo và trục xuất giáo sĩ Thiên Chúa giáo ra khỏi lãnh thổ Nhật Bản, nên các tín đồ người Nhật đã tìm đến những vùng đất khác nhau để sinh sống cũng như vì nhu cầu tôn giáo của mình, trong đó có Đàng Trong, điển hình là Hội An. Như giáo sĩ Cristophoro Borri nhận xét: *“Trong khi tất cả những nước Á Đông khác nhìn người Âu châu như những kẻ phạm phu tục tử, căm ghét chúng tôi, bỏ chạy khi lần đầu tiên thấy chúng tôi đặt chân lên đất của họ, thì trái lại ở Đàng Trong, dân chúng đến bắt chuyện với chúng tôi từng đám đông, hỏi chúng tôi hàng ngàn điều, mời chúng tôi ăn uống và đối xử với chúng tôi muôn vàn lịch thiệp, gần gũi và văn minh. Đó là những trải nghiệm đã xảy đến với tôi và các bạn hữu; chỉ vừa bước chân vào nhà họ, chúng tôi đã được coi như bạn bè quen biết từ lâu. Đây quả là một điều kiện tốt để các sứ giả của Chúa Jésus rao giảng Phúc âm”*²⁶.

Alaxandre de Rhodes cũng cho biết có rất nhiều tín đồ công giáo người Nhật đến Đàng Trong: “Hoàng đế Nhật đã nghiêm khắc cấm hết công dân phải bỏ hết thương mại vì biết có rất nhiều giáo dân, kể từ năm 1614 bắt đầu có sắc lệnh cấm đạo, đã kéo nhau lũ lượt đi, nhất là vào mùa chay, và cả ngoài mùa này nữa, mỗi năm ba hay bốn lần, để được xưng tội với các cha dòng biết tiếng Nhật và rước

²⁴ Nguyễn Cửu Sà (dịch) (2003), “Về các nhà thờ và giáo dân ở Faifo, Turon và Cacciam”, *BAVH*, tập XVIII, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.487-488.

²⁵ Nguyễn Cửu Sà (dịch) (2003), “Về các nhà thờ và giáo dân ở Faifo, Turon và Cacciam”, sđd, tr.488.

²⁶ Cristophoro Borri (2019), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Thanh Thư dịch, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.82.

lễ, và mỗi lần có tới ba hay bốn chiếc tàu. Họ đi tự do, lấy có buôn bán. Và cứ thế gần mười năm nay họ tiếp tục và rất được mãn nguyện và an ủi về thiêng liêng”²⁷.

Có thể thấy, sự có mặt của người Nhật ở Hội An tuy với nhiều mục đích khác nhau, nhưng đã góp phần cho sự phát triển của Hội An trong các thế kỷ 17, 18. Đồng thời, tại Hội An, họ được các giáo sĩ phương Tây là những người am hiểu ngôn ngữ, phong tục, tập quán của người Nhật, giúp họ được an ủi phần hồn của mình.

2. Trái với chính sách đóng cửa của chính quyền Nhật Bản, chúa Nguyễn ở vùng đất Đàng Trong khá cởi mở và ban hành nhiều chính sách thông thoáng đối với các thương nhân, giáo sĩ người nước ngoài, trong đó có người Nhật. Cristophoro Borri cho biết: “Chúa Đàng Trong nhượng cho người Nhật Bản và người Trung Quốc một số cơ ngơi tương ứng với số dân cư của họ, để họ dựng lên một thành thị phù hợp với hội chợ đã nhắc tới ở trên. Thành này mang tên Faifo và khá lớn, có thể nói như vậy vì một phần địa bàn thuộc về người Trung Quốc, phần còn lại thuộc về người Nhật Bản. Hai cộng đồng này sinh sống riêng rẽ, độc lập với nhau, mỗi bên đều có người cai quản riêng, người Trung Quốc theo luật Trung Quốc, người Nhật Bản theo luật Nhật Bản”²⁸. Và “chúa Đàng Trong mở hải cảng cho mọi quốc gia dù xa lạ nhất đều được tự do ra vào...”²⁹. Có thể nói, chính sách ngoại giao cởi mở của chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Nguyên) đã giúp cho người Nhật tại Hội An được tự

do sống theo phong tục của họ, cũng như có điều kiện để thực hành tín ngưỡng tôn giáo. Chính sự kết hợp của những giáo dân người Nhật, người Việt và người Bồ Đào Nha đã dựng nên một trong những trụ sở ở Hội An vào khoảng đầu thế kỷ 17.

3. Các giáo sĩ người Bồ Đào Nha đóng vai trò chủ đạo trong việc truyền giáo ở Đàng Trong³⁰ với vai trò là giúp đỡ các giáo dân Nhật Bản, đặc biệt là từ năm 1615 cùng với sự xuất hiện của giáo dân người Nhật tại Hội An sau sự kiện cấm đạo và trục xuất các giáo sĩ ra khỏi đất nước Nhật Bản: “ngày 6/1/1615, ba tu sĩ dòng Tên là hai L.m Francesco Buzomi (Ý), Diego Carvalho (Bồ Đào Nha) và thầy Antonio Dias (Bồ Đào Nha), đáp tàu buôn Bồ Đào Nha từ Áo Môn đi Đàng Trong và tới Cửa Hàn ngày 18/1/1615. Sau đó mấy tháng, các ông đến ở Hội An”³¹. Ba giáo sĩ Dòng Tên này đến Hội An với mục đích đầu tiên là giúp giáo hữu Nhật Bản về mặt tôn giáo, và nhờ người Nhật làm thông ngôn để tiếp xúc với người Việt³².

Chính vị thế đầy tiềm năng của Hội An, đã tạo sức hút để các nhà truyền giáo thuộc Dòng Tên lần lượt đến đây để truyền đạo không chỉ đối với người Nhật mà ngay cả người địa phương - người Việt. Đây là một trong những tiền đề quan trọng góp phần cho sự ra đời của chữ Quốc ngữ, trong đó Hội An đóng vai trò đặc biệt quan trọng ♦

²⁷ Alexandre de Rhodes (2016), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, sđd, tr.74.

²⁸ Cristophoro Borri (2019), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.124.

²⁹ Cristophoro Borri (2019), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.125.

³⁰ Từ năm 1615 đến 1760, trong 77 giáo sĩ đến Đàng Trong, có 36 người Bồ Đào Nha, tính từ năm 1615 đến 1695, trong 41 giáo sĩ thì có 17 giáo sĩ người Bồ Đào Nha.

³¹ Đỗ Quang Chính (2008), *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620 - 1659*, Nxb Tôn giáo, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.24.

³² Xem thêm Nguyễn Thị Vĩnh Linh (2019), “Ảnh hưởng của Bồ Đào Nha ở Hội An (Việt Nam) và Malacca (Malaysia) trong thế kỷ XVI - XVII - Một nghiên cứu đối sánh”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Giao lưu văn hóa tại các thương cảng quốc tế thời trung đại ở Việt Nam và Đông Nam Á.

GIAO LƯU VĂN HÓA NHẬT - VIỆT MỘT NGHIÊN CỨU VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA “NIHONMACHI” (PHỐ NHẬT) Ở HỘI AN THẾ KỶ 16 - 17

TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh

Từ cuối thế kỉ 15 đến đầu thế kỉ 16, sự tiến bộ trong kĩ thuật hàng hải đã đưa Bồ Đào Nha trở thành một trong những quốc gia đi đầu trong hoạt động phát kiến địa lí. Điều này cũng đã mở ra cho người Bồ một cơ hội tuyệt vời trong việc khám phá và chinh phục các quốc gia phương Đông xa xôi. Cùng thời gian trên, những thay đổi trong chính sách ngoại thương và điều kiện chính trị - xã hội đã thúc đẩy người Nhật vượt biển đến các cảng thị Đông Nam Á để buôn bán. Trong đó, Hội An là một trong những thương cảng mà người Nhật tập trung khá đông đúc từ đầu thế kỷ 17. Sự ra đời của Nihonmachi (phố Nhật) tại Hội An đã góp phần chứng minh tác động tích cực từ chính sách thương mại mở cửa của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Quan trọng hơn, Nihonmachi Hội An đã trở thành một biểu tượng cho quá trình giao lưu, tiếp biến kinh tế, văn hóa, xã hội giữa cộng đồng cư dân Việt và cư dân Nhật Bản tại cảng thị này.

1. Sự ra đời của Nihonmachi (Phố Nhật) ở Hội An

“Nihonmachi” có nghĩa là “phố Nhật” (Japan town, Japan street), là thuật

ngữ dùng để chỉ các khu định cư mà phần lớn cư dân là người Nhật Bản được thiết lập ở các quốc gia bên ngoài Nhật Bản¹.

Các “Nihonmachi” được hình thành ở khu vực Đông Nam Á chủ yếu xuất phát từ chính sách “*hải cấm*” (nhà Minh) và sự mở rộng hệ thống Châu Ấn thuyền (Shuinsen) dưới thời thời kỳ Tokugawa (1603 - 1868). Thật ra các thuyền buôn Nhật Bản bắt đầu đến Đông Nam Á một cách thường xuyên là từ đầu giai đoạn Muromachi (1336/1338 - 1573), nhưng sự ra đời một hệ thống thể chế hoàn chỉnh phải đến những năm 1590 dưới sự cầm quyền của Hideyoshi (1537 - 1598). Năm 1592, một vài thương nhân từ Kyoto, Sakai và Osaka đến buôn bán với những hải cảng của Đông Nam Á. Hệ thống Shuinsen được thúc đẩy và hoàn thiện khi Ieyasu bắt đầu nắm giữ tước vị tướng quân (shogun) vào năm 1603². “*Thương thuyền của quốc gia chúng tôi, khi đến Quý quốc đều phải mang theo văn thư có áp dấu Châu ấn. Đây là bằng chứng mà tôi đã công nhận là thương thuyền. Thương*

¹ Laver, M.S. (2008), *Japan's Economy by Proxy in the Seventeenth Century-China, the Netherlands, and the bakufu*, NY: Cambria Press, tr.16.
² Laver, M.S. (2008), Tài liệu đã dẫn, tr.32.

thuyền nào không mang theo Châu Ấn thì không nên cho thông thương”³. Điểm khởi đầu của mạng lưới này xuất phát từ Hirado hay Nagasaki nằm về phía Nam Nhật Bản đến các cảng thị Đông Nam Á (trong đó có Hội An) do thương nhân Nhật Bản đảm nhận. Sau đó hàng hóa được vận chuyển đến Trung Hoa trên các con tàu của thương nhân người Hoa. Thêm vào đó, năm 1593, Mạc phủ Tokugawa ban hành Châu Ấn trạng (*Shuinjo*⁴) - một loại giấy thông hành đặc biệt, khuyến khích các tàu thuyền lớn đi về các cảng thị tại Đông Nam Á để có thể dễ dàng tiếp xúc, trao đổi hàng hóa với tàu thuyền Trung Quốc. Theo tính toán của Iwao Seiichi thì trong 355 thuyền Châu Ấn rời khỏi Nhật Bản thì hầu hết là đến các cảng thị của Philippines, Đàng Trong (*Cochin-china*), Campuchia, Thái Lan và Đàng Ngoài (*Tonkin*) vì thế khu vực này trở thành “*bạn hàng lớn nhất*” của Nhật Bản⁵. Tại các thương cảng này, những cư dân Nhật Bản luôn sống cùng nhau tại những khu định cư đặc biệt được chính quyền sở tại ban cấp. Đó là nguồn gốc ra đời của các Nihonmachi⁶. Theo ước tính trong hơn 3 thập niên đầu thế kỷ 17, có khoảng 71.000

người Nhật Bản đã di cư đến các cảng thị Đông Nam Á và thiết lập Nihonmachi⁷. Trong đó, cũng theo ước tính của Iwao Seiichi, trong vòng 30 năm (1604 - 1634) có 86 tàu đến Hội An⁸.

Ghi chép về phố Nhật ở Hội An xưa nhất có lẽ là William Adams, người Anh là cố vấn ngoại giao cho Shogun Tokugawa Ieyasu. Năm 1617, W. Adams đã nhận Shuinjo và từ Hirado sang buôn bán ở Hội An. Trong chuyến hành trình này ông đã viết và để lại Nhật ký hàng hải của mình. Đây là một trong những nguồn tư liệu đầu tiên đề cập đến sự hiện diện của người Nhật tại Hội An. Trong nhật ký của mình, ông cho biết ngày 17/4 (*thứ 5*), ông đã đến hòn đảo Ceberre (*Cù Lao Chàm*). Đến ngày 20/4 ông đi vào thị xã Faifo để gặp Barnardo - một chủ tàu Nhật Bản đến từ Nagasaki nhưng không may là người này đã đến Tournon (*Đà Nẵng*). Ngày 27/4, ông đi thăm khu vực của những người Nhật Bản cư trú tại Faifo⁹. Qua những thông tin ngắn gọn trên đây của W. Adams có thể cho chúng ta suy luận rằng đến năm 1617, Nihonmachi tại Hội An đã ra đời và xuất hiện tên một thương nhân Nhật Bản vào thời kỳ này là Yasimon Donno¹⁰.

³ Kawamoto, Kuniye (1991), Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam, tr.172. Căn cứ theo Gaiban Tsuusho (Ngoại phiên thông thư), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An* (tổ chức ngày 22 – 23/3/1990), Hà Nội, Nxb. Khoa học xã hội.

⁴ Một số nguồn tư liệu dịch là Phụng thư tức là văn bản mà Phụng hành (*Buygyo*) cấp cho thuyền buôn từ Nhật Bản ra nước ngoài theo chủ trương của Shogun.

⁵ Lực, N. T. (2003), Việt Nam trong lịch sử quan hệ thương mại Nhật Bản - Đông Nam Á. *Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*. Số 4/46, tr. 16-25.

⁶ Tâm, T.T. (2021), Vai trò của các Nihonmachi đối với hoạt động thương mại giữa Nhật Bản với Thái Lan và Việt Nam trong thế kỷ XVII. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* Số 1 (239), tr. 32.

⁷ Laver, M.S. (2008), Tài liệu đã dẫn.

⁸ Giang, V.M. (1991), Người Nhật, phố Nhật và di tích Nhật Bản ở Hội An, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An* (tổ chức ngày 22 – 23/3/1990), Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, tr.211.

⁹ Purnell, C.J. (1916), *The log-book of William Adams, 1614-19 with the journal of Edward Saris, and other documents relating to Japan, Cochin China*, The Transactions of the Japan Society of London. Vol. XIII. London: The Eastern presss, tr.230-232.

¹⁰ Purnell, C.J. (1916), tr.230-232.



Chùa Cầu - Biểu trưng về di sản kiến trúc của phố cổ Hội An, tương truyền do người Nhật ở Hội An xây dựng vào đầu thế kỷ 17 - Ảnh: Hồng Việt

Lần giở lại tư liệu lịch sử thì khi Christophoro Borri thực hiện chuyến hải trình của mình đến Hội An vào năm 1621, ông nhận thấy: “*thương nhân Trung Quốc và Nhật Bản nắm vai trò trọng yếu trong nền thương nghiệp Đàng Trong...*”¹¹. Nhiều thương nhân Nhật Bản xuất thân từ các dòng họ nổi tiếng như Suminokura, Chaya, Sueyoshi, Funamoto, Kiya, Sétugua, Nishi, Araki, Hirano, Hashimoto đã đến Hội An và kết hôn với những phụ nữ người Việt hoặc người Hoa¹². Do đó, “*vì cho tiện việc hội chợ, chúa Nguyễn đã cho phép người Trung Quốc và Nhật Bản làm nhà cửa theo tỷ lệ với số người của họ để dựng lên một đô thị. Đô thị này*

gọi là Faifo và nó khá lớn. Chúng ta có thể nói có hai thành phố, một của Trung Quốc, một của Nhật Bản. Họ sống riêng biệt đặt quan cai trị riêng và theo phong tục tập quán của mỗi nước”¹³.

Và một thời gian dài sau đó, đến năm 1695, khi Thomas Bowyear (đại diện của EIC) trên chiếc tàu Delphin cập bến

¹¹ Dror, O. & K. W. Taylor (2006). *Views of Seventeenth-Century Vietnam: Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin*, New York, tr.299.

¹²

¹³ Ấn bản tiếng Anh: “Here the king of *Cochin- China* assigned the *Chineses* and *Japoneses* a convenient spot of ground, to build a city for the benefit of the fair. This city is called *Faifo*, and is so large, that we may say they are two, one of *Chineses*, the other of *Japoneses*; for they are divided from one another, each having their distinct governor, and the *Chineses* living according to the laws of *China*, as the *Japoneses* do according to those of *Japan*”. Xem trong: O. Dror, K. W. Taylor (2006), *Views of Seventeenth-Century Vietnam: Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin*, New York, tr. 133

Borri, C. (1999), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Dịch giả Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị, Hồ Chí Minh, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.92.

Hội An thì ông đã miêu tả cụ thể: “*Faifo nằm cách cửa sông khoảng ba dặm. Đây là một con đường phố, dọc theo sông, có hai dãy nhà, khoảng chừng 100 ngôi nhà, của người Trung Hoa, ngoại trừ bốn hoặc năm gia đình người Nhật. Máy người Nhật này, ngày xưa, là cư dân chính yếu, và là những người làm chủ việc bán buôn tại cảng. Nhưng vì số người giảm đi và họ sa sút, nay việc buôn bán là do người Trung Hoa, với mười cho đến mười hai chiếc thuyền là tối thiểu cứ hàng năm đến đây từ Nhật Bản, Quảng Đông, Xiêm La, Cao Miên, Mani và gần đây là Batavia*”¹⁴. Điều này cho thấy đến cuối thế kỷ 17, Nihonmachi đã bước vào giai đoạn suy tàn và chỉ còn 4 hoặc 5 gia đình người Nhật còn sinh sống tại đây.

Và khi Thiền sư Thích Đại Sán đến vùng Thuận Quảng và lưu lại đây từ mùa xuân năm Ất Hợi (1695) đến mùa hạ năm Bính Tý - 1695 thì gần như Nihonmachi chỉ còn rất ít dấu vết: “*Vì Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại Đường Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh). Phần đông phụ nữ coi việc mua bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bản xứ cho tiện việc thương mãi. Cuối đường là cầu Nhật Bản, tức Cẩm Phố*”¹⁵.

2. Diện mạo của Nihonmachi (Phố Nhật) ở Hội An trong lịch sử

¹⁴ B.A.V.H. (2001, *Những người bạn cổ đô Huế, tập VII* (1920), Huế, Nxb Thuận hóa, tr.250.

¹⁵ Sán, T.Đ (theo bản in năm 1693, tái bản năm 2016),. Người dịch: Hải Tiên Nguyễn Duy Bột và Nguyễn Phương, *Hải Ngoại ký sự - Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVII*, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội tr.154-155.

Như vậy, trong gần 1 thế kỷ tồn tại, Nihonmachi tại Hội An có diện mạo và cách thức quản lý như thế nào?

Dựa vào một số nguồn tài liệu rải rác hiện còn, diện mạo và vị trí của Nihonmachi có thể được phác họa như sau:

Trong hội thảo đầu tiên về đô thị cổ Hội An vào năm 1985, trên cơ sở nghiên cứu nhiều nguồn tư liệu, nhà nghiên cứu Đỗ Bang cho rằng: “*Đô thị Nhật Bản chạy dọc theo một con đường nằm bên một hải cảng có nhiều tàu thuyền đang cập bến*”¹⁶. Một số thị trưởng cai quản Nhật kiều mà sử liệu cũ... còn để lại cho biết như Furramoto Yashishiro (*nhà buôn kiêm chủ tàu*) Simonosera¹⁷.

Sau đó, căn cứ vào kết quả nghiên cứu thực địa, năm 1990, trong hội thảo quốc tế lần thứ 2 về đô thị cổ Hội An, nhà nghiên cứu Đỗ Bang tạm thời xác định vị trí của phố Nhật ở Hội An: “*Phố Nhật ở vị trí làng Hoài Phố... Sau này là Sơn Phố, Sơn Phố hiện thuộc xã Cẩm Châu. Người Nhật đến mua 20 mẫu ruộng đất làng Hoài Phố và An Mỹ để xây dựng phố xá, buôn bán...*”¹⁸. Và cũng trong hội thảo này, bức tranh “*Giao Chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ*” của dòng họ Chaya¹⁹ được công bố đã trở thành căn cứ quan trọng để chúng ta hình dung về vị trí và

¹⁶ Bang, Đ. (1985), *Phố cảng Hội An - Thời gian và Không gian lịch sử. Kỷ yếu HNKH về Khu phố cổ Hội An 23-24/7/1985*, UBND thành phố Hội An & Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, tr.74.

¹⁷ Bang, Đ. (1985), *Tài liệu đã dẫn*.

¹⁸ Bang, Đ. (1996), *Phố cảng vùng Thuận Quảng (Hội An - Thanh Hà - Nước Mặn) thế kỷ XVII-XVIII*, Huế, Nxb Thuận Hóa, tr.56.

¹⁹ Dòng họ này tiến hành buôn bán với Hội An từ khoảng năm 1592 đến năm 1635 trước khi Nhật Bản có lệnh cấm thông thương với nước Ngoài. Bức tranh miêu tả hành trình vượt biển từ Nagasaki đến buôn bán ở Giao Chỉ, Đàng Trong. Bức tranh có niên đại đầu thế kỷ XVII đang được lưu giữ ở chùa Jomyo-ji, Nhật Bản.

quy mô của Nihonmachi Hội An. Theo đó, Nihonmachi *“nằm phía bờ bắc con sông cái, là một dãy phố tương đối lớn”*. Đến năm 2003, Kikuchi Seiichi dựa trên phương pháp khảo cổ học, đã cho rằng: *“Rất có khả năng khu vực cư trú vào thế kỷ 17 trong khu phố cổ chính là khu đất được giao cho người nước ngoài khai phát. Có thể cho rằng, khu vực cư trú thế kỷ 17 trải rộng từ phố Nguyễn Thị Minh Khai ở phía Tây cầu Nhật Bản cho đến vùng phía Đông của chiếc cầu này và từ phía Bắc của phố Trần Phú cho đến phía Nam của phố Phan Chu Trinh. Trong phạm vi đó đã tồn tại phố Nhật Bản”*²⁰.

Vào lúc mới hình thành: *“Phố Nhật Bản hai dãy dài 320 mét chính là cái mà sau này hình thành con đường Nhật Bản nằm cách bờ sông khá xa. Nhà đón tiếp tàu, kho hàng cho thuế, thuyền dặt tàu, tháp canh cửa cổng, chợ bán buôn và chợ trời. Tất cả đều đủ quang cảnh của một đô thị cảng ban đầu”*²¹. Vào thời điểm phát đạt nhất, Nihonmachi: *“dài chừng... 1,5 - 2 km, cả hai dãy phố tương đối lớn, có chừng 100 nóc nhà. Nếu chỉ tính dãy phía nam, có thể ước tính 50 - 60 ngôi nhà, tương đương với trên dưới 400 người”*²². Những phác thảo trong bức tranh *“Giao Chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ”* cũng cho thấy khu phố Nhật không có hàng rào bao bọc, lính canh, súng thần công như

ở khu dinh trấn. Một dãy phố với những ngôi nhà gỗ nằm tiếp giáp với vùng làng mạc cho thấy không gian của khu phố là không gian mở và không có các hình thức ngăn cách với các khu vực xung quanh²³.

Như vậy, có thể thấy, Phố Nhật gần như một khu tự trị của người Nhật. Nó mang dáng dấp một đô thị tự do thời trung cổ. Khu vực đó có tên là Nhật Bản dinh. Trưởng phố do Nhật kiều bầu lên, thay mặt họ liên hệ với chính quyền sở tại để giải quyết những vấn đề liên quan đến cộng đồng người Nhật đời sống. Những kiều dân được quyền sống theo luật pháp và phong tục nước mình (*Nhật Bản*). Nhờ uy tín và thông thạo ngôn ngữ Nhật - Việt - Hà Lan, có trưởng phố Nhật là môi giới, phiên dịch riêng cho người Hà Lan với chúa Nguyễn. Và do có nhiều kinh nghiệm buôn bán, có người được cử làm quản lý ngoại thương ở Hội An.

Trong khi cộng đồng người Nhật ở Đàng Trong đang thịnh vượng, phát triển đầy thuận lợi như vậy thì năm 1636-1639, Mạc phủ Tokugawa tiến hành thực thi chính sách đóng cửa (*tỏa quốc*), nghiêm cấm việc phái tàu Nhật Bản ra nước ngoài và người Nhật nếu sinh sống ở nước ngoài cũng bị tội chết. Tình hình trên đã khiến cho hoạt động thương mại của người Nhật ở Hội An trở nên suy yếu và Nihonmachi cũng dần suy tàn, nhường vị thế lại cho các thương nhân người Hoa và phố người Hoa tại Hội An.

Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, trong các Nihonmachi trên toàn Đông Nam Á (*Philippines*) (*Dilao và San Miguel*), Việt Nam (*Hội An*), Thái Lan (*Ayutthaya*) và Campuchia (*Phnom Penh và Pignalhu*) chỉ có Hội An là nơi

²⁰ Seiichi, Kikuchi (2003), Phố Nhật Bản ở Hội An qua nghiên cứu khảo cổ học - Nghiên cứu đô thị cổ Hội An từ quan điểm Khảo cổ học lịch sử,

Truy cập ngày 1/8/2022, từ: <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/pho-nhat-ban-o-hoi-an-qua-nghien-cuu-khao-co-hoc-618.html>

²¹ Hinh, N.D. & Thịnh, N. (1985), Suy nghĩ về bình đồ Hội An, UBND thành phố Hội An, *Kỷ yếu HNKH về Khu phố cổ Hội An 23-24/7/1985*, UBND thành phố Hội An & Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, tr.215.

²² Giang, V.M. (1991), Tài liệu đã dẫn, tr.205-215.

²³ An, T.V. (2003), "Một số dấu tích giao lưu văn hóa Nhật - Việt ở Hội An", *Tạp chí Xưa Nay*, số 14, tr.26-28.

duy nhất còn bảo tồn những dấu tích của quá trình giao lưu văn hóa - thương mại này với cầu Nhật Bản (*Chùa Cầu*), những ngôi mộ của các thương nhân Nhật Bản, tên của những thương nhân Nhật Bản sống tại Hội An được lưu giữ trên tấm bia “*Phổ Đà Sơn Linh Trung Phật*” có niên đại 1640 ở động Hoa Nghiêm (*Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng*). Điều đó chứng tỏ vai trò to lớn của Hội An trong quan hệ Nhật - Việt vào thế kỷ 17.

Như vậy, Nihonmachi (*phố Nhật*) là biểu tượng sinh động về giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản trên các lĩnh vực kinh tế-thương mại, tín ngưỡng - tôn giáo, hôn nhân gia đình, ngôn ngữ, kiến trúc... diễn ra trong bối cảnh hòa bình, thân thiện; góp phần làm phong phú cho văn hóa hai dân tộc, là di sản văn hóa rất đáng trân trọng của hai quốc gia.

Nihonmachi (*phố Nhật*) là cơ sở, tiền đề để quan hệ Nhật - Việt phát triển trong phong trào Đông du đầu thế kỷ 20 cũng như để xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược quan trọng của hai nước trong thời đại hội nhập quốc tế hiện nay ♦

Tài liệu tham khảo:

1. An, T.V. (2003), "Một số dấu tích giao lưu văn hóa Nhật - Việt ở Hội An", *Tạp chí Xưa Nay*, số 14.
2. An, T.V. (2019), "Nhìn lại vai trò của người Nhật ở thương cảng Faifo - Hội An vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII", Truy cập ngày 1/8/2022, từ: <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/nhin-lai-vai-tro-cua-nguoi-nhat-o->

[thuong-cang-faifo-hoi-an-vao-cuoi-the-ky-xvi-dau-the-ky-xvii-799.html](https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/nhin-lai-vai-tro-cua-nguoi-nhat-o-thuong-cang-faifo-hoi-an-vao-cuoi-the-ky-xvi-dau-the-ky-xvii-799.html), ngày 22/7/2019

3. Bang, Đ. (1985), "Phố cảng Hội An - Thời gian và Không gian lịch sử", *Kỷ yếu hội thảo khoa học về Khu phố cổ Hội An 23-24/7/1985*, UBND thành phố Hội An & Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An.
4. Bang, Đ. (1996), *Phố cảng vùng Thuận Quảng (Hội An - Thanh Hà - Nước Mặn) thế kỷ XVII-XVIII*, Huế: Nxb. Thuận Hóa.
5. B.A.V.H. (2001), *Những người bạn cổ đô Huế*, tập VII (1920), Huế, Nxb, Thuận Hóa.
6. Borri, C. (1999), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Dịch giả Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị, Hồ Chí Minh: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh
7. Cooper, Michael. (1974), *Rodrigues the Interpreter= An Early Jesuit in Japan and China*, New York: Weatherhill.
8. Đôn, L.Q. (bản dịch bổ chính: Trần Đại Vinh, 2017), *Phủ biên tạp lục*, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
9. Dror, O. & K. W. Taylor (2006), *Views of Seventeenth-Century Vietnam: Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin*, New York.
10. Dror, O. & K. W. Taylor (2020), *Việt Nam thế kỷ XVII - những góc nhìn từ bên ngoài (Christoforo Borri về Đàng Trong và Samuel Barron về Đàng Ngoài)*, Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng.
11. Eckel, Paul E. (1948), *The Far East since 1500*, New York: Harcourt, Brace and Company.
12. Elison, George (1973), *Deus Destroyed: The Image of Christianity in Early Modern Japan*, Harvard University Press.

13. Giang, V.M. (1991), "Người Nhật, phố Nhật và di tích Nhật Bản ở Hội An", *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An (tổ chức ngày 22 - 23/3/1990)*, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
14. Hinh, N.D. & Thịnh, N. (1985), "Suy nghĩ về bình đồ Hội An", UBND thành phố Hội An, *Kỷ yếu HNKH về Khu phố cổ Hội An 23-24/7/1985*, UBND thành phố Hội An & Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An.
15. Higashibaba, Ikuo. (2001), *Christianity in Early Modern Japan: Kirishitan Belief and Practice*, Leiden-Boston-Köln: Brill.
16. Hoàng, V.V. (2009), "Người Nhật ở Hội An thế kỷ XVI-XVII", *Tạp chí Đông Bắc Á*, số 11, Truy cập ngày 1/8/2022, từ: <http://www.inas.gov.vn/629-nguoi-nhat-o-hoi-an-the-ky-xvi-xvii.html>
17. Kawamoto, Kuniye (1991), "Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn Ở Quảng Nam căn cứ theo Gaiban Tsuusho (Ngoại phiên thông thư)", *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An (tổ chức ngày 22 - 23/3/1990)*, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
18. Laver, M.S. (2008), *Japan's Economy by Proxy in the Seventeenth Century-China, the Netherlands, and the bakufu*, NY: Cambria Press.
19. Lực, N. T. (2003), "Việt Nam trong lịch sử quan hệ thương mại Nhật Bản - Đông Nam Á", *Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 4/46, tr. 16-25
20. Purnell, C.J. (1916), The log-book of William Adams, 1614-19 with the journal of Edward Saris, and other documents relating to Japan, Cochin China. The Transactions of the Japan Society of London. Vol.XIII. London: The Eastern presss.
21. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006). *Đại Nam Nhất thống chí* (tập 2), Huế: Nxb. Thuận Hóa.
22. Rhodes, A.de. (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Bản dịch Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, Hồ Chí Minh, Tủ sách Đại kết.
23. Sán, T.Đ (theo bản in năm 1963, tái bản năm 2016), Người dịch Hải Tiên Nguyễn Duy Bột và Nguyễn Phương. *Hải Ngoại kỷ sự - Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVII*, Hà Nội, Nxb, Khoa học xã hội.
24. Seiichi, Kikuchi (2003), *Phố Nhật Bản ở Hội An qua nghiên cứu khảo cổ học - Nghiên cứu đô thị cổ Hội An từ quan điểm Khảo cổ học lịch sử*, Truy cập ngày 1/8/2022, từ: <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/pho-nhat-ban-o-hoi-an-qua-nghien-cuu-khao-co-hoc-618.html>
25. Shi, Zhihong (Nguyễn Quốc Vương dịch), Chính sách ngoại thương của Trung Quốc và những hệ quả lịch sử từ 1500 đến 1840. Truy cập ngày 1/8/2022, từ: <https://nghiencuulichsu.com/2017/11/08/chinh-sach-ngoai-thuong-cua-trung-quoc-va-nhung-he-qua-lich-su-tu-1500-den-1840/>
26. Tâm, T.T. (2021), "Vai trò của các Nihonmachi đối với hoạt động thương mại giữa Nhật Bản với Thái Lan và Việt Nam trong thế kỷ XVII", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 1 (239), tr. 31-40.
27. Walker, L. Brett. (2002), *Foreign Affairs and Frontiers in Early Modern Japan: aHistorio-graphical Essay*. Early Modern Japan. Vol. 10, issue 2, p. 46 (pp. 44-62).

NGƯỜI NHẬT VỚI QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CHỮ QUỐC NGỮ Ở HỘI AN

NNC. Trần Văn An

Kết quả của quá trình mở rộng hợp tác quốc tế về nghiên cứu lịch sử - văn hóa, nhất là về thông tin tư liệu, về nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành trong thời gian gần đây không chỉ cho thấy người Nhật từng có vai trò quan trọng trong việc kích hoạt hoạt động mậu dịch quốc tế ở Hội An vào cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 mà họ còn là tác nhân mạnh mẽ thúc đẩy quá trình giao lưu - tiếp biến văn hoá tại thương cảng này. Người Nhật và cộng đồng người Nhật ở Hội An là một trong những tác nhân quan trọng góp phần vào sự thành công của quá trình dùng mẫu tự La tinh để ghi âm tiếng Việt vào đầu thế kỷ 17. Tuy nhiên thực tế này cho đến nay vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, thấu đáo.

Một số công trình nghiên cứu về chữ Quốc ngữ đã có sự đánh giá, xác định về tác giả của loại chữ này ở giai đoạn khởi công. Tại hội thảo khoa học về Khu phố cổ Hội An năm 1985, giáo sư Lê Văn Hảo đã viết: “*Kết quả là chữ Quốc ngữ chính thức ra đời và là công trình tập thể của một số giáo sĩ phương Tây, trong đó tất nhiên có sự hỗ trợ và hợp tác của nhiều người Việt Nam*”¹. Linh mục Đỗ Quang Chính trong sách *Lịch sử chữ Quốc ngữ*

cũng có nhận định tương tự: “*Thật ra, chúng ta chỉ có thể nói một cách tổng quát là: việc sáng tác chữ Quốc ngữ do nhiều linh mục Dòng Tên ở Việt Nam thời đó, và có lẽ các thầy giảng Việt Nam đã là những người cộng tác hữu hiệu nhất với linh mục Dòng Tên trong công cuộc này*”².

Một số công trình nghiên cứu khác về chữ Quốc ngữ cũng đã có những nhận định tương tự nhưng cụ thể hơn khi cho rằng người khởi xướng việc thiết lập hệ thống phiên âm tiếng Việt bằng chữ La Tinh là giáo sĩ người Bồ Francisco de Pina (1585-1625) và sau đó có sự tiếp nối đóng góp của giáo sĩ Cristoforo Borri (Ý), Alexandre De Rhode (*Pháp*) và một số giáo sĩ phương Tây khác. Công cuộc này có sự hỗ trợ tích cực của một số nho sĩ, giáo dân người Việt. Ngoài giáo sĩ phương Tây và người Việt, các công trình này không có dòng nào đề cập đến vai trò của người Nhật trong công cuộc này (?).

Nhìn lại bối cảnh truyền đạo Kitô vào cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 tại các nước Đông Á, các giáo sĩ phương Tây đã gặp một chương ngại lớn đó là sự khác

¹ UBND thành phố Hội An (2008), *Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Khu phố cổ Hội An ngày 23-24/7/1985*, Công ty cổ phần in và dịch vụ Quảng Nam, tr.107.

² Đỗ Quang Chính SJ (2008), *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, Nxb Tôn giáo, tr.179

biệt về ngôn ngữ, nhất là tiếng/ chữ Hán, tiếng/ chữ Nôm, tiếng/ chữ Nhật. Để khắc phục chướng ngại này, các giáo sĩ phương Tây, thường là những người giỏi về thần học, ngôn ngữ học đã bắt tay vào việc dùng bảng chữ cái La Tinh để ghi âm tiếng nói bản xứ với mục đích phục vụ việc gieo

cây đức tin Thiên Chúa ở những vùng đất mới này. Từ đó, vào năm 1595, cuốn *Từ điển La tinh - Bồ Đào Nha - Nhật Bản* với loại chữ Nhật Bản gọi là Romaji đã được xuất bản ở Nhật. Ở Trung Hoa, vào cuối thế kỷ 16 những công trình La tinh hóa Hoa ngữ đầu tiên cũng đã được xuất bản như *Từ điển Bồ Đào Nha - Trung Quốc (1588)*; *Ngữ vựng Bồ Đào Nha - Trung Quốc (1598)* với việc nhận diện rõ 5 thanh và cách ghi các thanh này³. Đây là những thành tựu mang ý nghĩa khai phá, tạo tiền đề thuận lợi cho việc La tinh hóa tiếng Việt vài chục năm sau đó.

Mặt khác, cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 cũng là thời điểm người Nhật tập trung đông ở Hội An. Theo ghi chép của Cristoforo Borri muộn nhất vào năm 1621 tại Hội An đã có 2 khu phố ngoại kiều, một của người Trung Hoa và một của người Nhật Bản⁴. Sự tập trung này, trước



Nhà thờ Công giáo Hội An hiện nay - Ảnh: Hồng Việt

hết xuất phát từ nhu cầu giao thương buôn bán của thương nhân Nhật Bản tại Đông Nam Á trong thời đại hải thương, khi mà Trung Hoa đang vướng cuộc chiến tranh nội bộ nên hạn chế thuyền buôn xuất dương. Nguyên nhân thứ hai là do sự cấm đạo Kitô của Nhật Bản vào các năm 1587, 1596, 1614 dẫn đến việc nhiều giáo dân Nhật phải vượt biển đến tị nạn tại những khu phố Nhật (*Nihon Machi*) ở Đông Nam Á, trong đó có Hội An. Sự có mặt của nhiều giáo dân Nhật Bản ở Hội An làm các cha bề trên giáo khu Nhật ở Áo Môn (*Macao*) quan tâm và cử các Giêsu hữu đến để chăm sóc phần hồn⁵. Ban đầu là vậy nhưng sau đó do nhìn thấy nhiều triển vọng tốt đẹp nên các giáo sĩ Kitô giáo đã mở rộng việc truyền giáo đối với dân bản xứ.

³ UBND thành phố Hội An (2008), tài liệu đã dẫn, tr.108-109.

⁴ Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.92.

⁵ Năm 1615, theo đề xuất của Fernandes da Costa, Giám tỉnh dòng Tên Nhật Bản và tổng quản giáo phận Áo Môn đã cử đến Đàng Trong một phái đoàn 5 người gồm linh mục Francesco Buzomi (Ý) giữ trách nhiệm bề trên, linh mục Diogo Carvalho (Bồ Đào Nha), tu huynh Antonio Dias (Bồ Đào Nha) và 2 Do-juku (Nhật Bản, người giúp việc cho linh mục). Đây cũng là thời điểm đánh dấu sự có mặt của Dòng Tên ở Đàng Trong

“Trước năm 1615, tại đây (Hội An) đã có người Công giáo, đó là một số Nhật kiều chạy trốn các cuộc cấm đạo ở Nhật vì thế chúng tôi nghĩ rằng, phái đoàn Buzomi đến Đàng Trong, xem ra mục đích chính là để giúp Nhật kiều Công giáo, đồng thời xem xét hoàn cảnh thực tế, nếu truyền giáo cho người Đàng Trong được thì càng tốt. Sau khi các Giêsu hữu tiếp xúc với người Việt, nhận ra đây là cánh đồng truyền giáo phì nhiêu. Vì vậy, có lẽ ngay từ cuối năm 1615, phái đoàn Buzomi đã chuyển hướng: “Tích cực giới thiệu Tin Mừng với người Việt là chính, còn việc mục vụ nơi tín hữu Nhật là phụ”⁶. Qua các thông tin này, bước đầu có thể xác định được rằng không chỉ kích hoạt hoạt động mậu dịch quốc tế ở Hội An mà cộng đồng giáo dân Công giáo người Nhật ở Hội An nói riêng, cộng đồng cư dân người Nhật ở Hội An nói chung còn là tác nhân kích hoạt hoạt động truyền giáo của Dòng Tên cũng là của đạo Kitô ở Hội An vào đầu thế kỷ 17. Vai trò này của người Nhật đối với đạo Kitô tương tự vai trò của người Hoa trong việc đưa dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh vào Hội An, Đàng Trong.

Qua các nguồn tư liệu chúng ta cũng biết được rằng, trong những ngày đầu đến Hội An các giáo sĩ phương Tây đã được cộng đồng người Nhật ở đây hỗ trợ, giúp đỡ về nhiều mặt như chỗ ở, phương tiện sinh hoạt, liên lạc, giao tiếp với chính quyền các cấp, tiếp xúc với cư dân địa phương... Các giáo sĩ này tạm trú trong khu phố Nhật và thông qua các trưởng

phố Nhật để yết kiến chúa Nguyễn hoặc trấn thủ Quảng Nam nhằm xúc tiến công cuộc truyền giáo⁷.

Trong bối cảnh như vậy chắc chắn người Nhật cũng là chiếc cầu nối để các giáo sĩ phương Tây tiếp xúc với cư dân địa phương trong vai trò là những người phiên dịch và họ cũng là một trong những hỗ trợ đắc lực các giáo sĩ phương Tây trong việc phiên âm tiếng Việt bằng mẫu tự La tinh.

Tháng 8 năm 2016, tại Điện Bàn, Quảng Nam đã diễn ra hội thảo khoa học Dinh trấn Thanh Chiêm với chữ Quốc ngữ. Theo tôi đúng ra tiêu đề Hội thảo phải là Dinh Chiêm hoặc Dinh trấn Quảng Nam với chữ Quốc ngữ. Tại hội thảo này, giáo sư Fukuda Yasuo (*Nhật Bản*) đã công bố 2 bài tham luận quan trọng: “*Người Nhật hỗ trợ thiết lập hệ thống phiên âm tiếng Việt bằng chữ latin tại xứ Quảng*” và “*Người Nhật có liên quan sâu sắc tới quá trình thiết lập phiên âm tiếng Việt bằng ký tự Latinh*”, trong đó dẫn chứng nhiều tư liệu mới và đưa ra những kết luận mang tính thuyết phục.

“*Vậy Pina⁸ làm sao để khắc phục vấn đề không biết chữ Hán. Có lẽ là do những nhà truyền đạo Kitô người Nhật đã giúp đỡ Pina. Bởi vì Miguel Maki, Paulo*

⁶ Đỗ Quang Chính SJ (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773*, Nxb Tôn giáo, tr.23-24.

⁷ Alexandre De Rhodes (2020), *Hành trình và truyền giáo*, Nxb Hồng Đức, tr.130-133.

⁸ Francisco de Pina (1585-1625), đến Đàng Trong thnags 6/1617 và ở nhiều năm tại Hội An. Mất tại vùng biển cửa Hàn tháng 12/1625. Ông nói tiếng Việt sõi và là thầy dạy tiếng Việt cho 2 giáo sĩ phương Tây cùng thời là Antonio de Fontes và Alexandre De Rhodes. Ông được cho là người khởi xướng công việc phiên âm tiếng Việt bằng chữ Latinh và đạt được thành tựu cơ bản bước đầu.

Saito, Romao Nishi (các giáo sĩ Nhật Bản đến Đàng Trong cùng thời với Pina) đều rành rồi tiếng Latinh. Họ đều học tiếng Latinh trong 6 năm. Theo bức thư của cấp trên các nhà truyền giáo này gửi vào năm 1621, Maki và Saito đều (được nhận xét là) có năng lực ưu tú và khả năng tốt về tiếng Latinh. Các nhà truyền đạo Kitô người Nhật có hiểu biết sâu sắc về chữ Hán và có năng lực dịch từ Hán văn sang tiếng Latinh một cách chính xác”

“Không có tư liệu ghi chép rằng thời điểm năm 1615, tức giai đoạn đầu truyền đạo của đoàn Buzomi, người phiên dịch từ ngôn ngữ nào sang ngôn ngữ nào. Tuy không rõ điều đó, những có lẽ dịch giữa 3 ngôn ngữ. Đó là tiếng Bồ - tiếng Nhật - tiếng Việt. Phiên dịch giữa tiếng Bồ - tiếng Nhật thì Carvalho đảm nhiệm, bởi ông ấy đã truyền đạo ở Nhật Bản 5 năm. Còn phiên dịch giữa tiếng Nhật - tiếng Việt thì những người Nhật sinh sống ở Hội An (đảm nhiệm).

“Pina biên soạn sách cách phiên âm và thanh điệu tiếng Việt bằng chữ Latinh và sách ngữ pháp tiếng Việt khoảng năm 1622 đến năm 1623. Có lẽ hai quyển đó được bắt chước bằng (từ) cuốn từ điển tiếng Nhật - Bồ và sách ngữ pháp tiểu ngữ pháp tiếng Nhật. Đặc biệt sách ngữ pháp được viết bằng chữ Latinh. Lúc bấy giờ người nào sống ở Đàng Trong mà hiểu được văn bản tiếng Latinh là chỉ có các Kitô hữu người Nhật (gồm Do-juku), trừ Kitô hữu người châu Âu...”

“Vào thời điểm năm 1622 - 1623, Pina xác lập hệ thống phiên âm tiếng Việt

bằng chữ Latinh. Trước đó, tức là từ năm 1615 đến 1622 những phiên dịch người Nhật hoặc Kitô hữu người Nhật thường đi cùng các Kitô hữu người châu Âu kể cả Pina và đứng sau lưng họ. Những người Nhật với tư cách môi giới giữa người Đàng Trong và người châu Âu đã góp phần thiết lập hệ thống phiên âm tiếng Việt bằng chữ Latinh. Những người Nhật không chỉ tận dụng các kiến thức của mình về tiếng Nhật và tiếng Việt mà còn Hán văn và tiếng Latinh nữa để tham gia cuộc biên phiên dịch hoặc thu thập ngữ liệu tiếng Việt”⁹.

Qua các dẫn liệu nêu trên, bước đầu có thể xác định rằng cộng đồng người Nhật Công giáo ở Hội An nói riêng, cộng đồng người Nhật ở Hội An nói chung hoặc là gián tiếp hoặc là trực tiếp đã có sự đóng góp đáng kể vào công cuộc dùng mẫu tự Latinh để ghi âm tiếng Việt giai đoạn khởi công đầu thế kỷ 17. Vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu, giải mã để trả lại lịch sử một sự thật liên quan đến vai trò của người Nhật trong quá trình hình thành chữ Quốc ngữ ở giai đoạn khởi công này ♦

⁹ Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, UBND tỉnh Quảng Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ (2016), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ*, tr.773-792.

GÓM SỨ NHẬT BẢN THẾ KỶ 17 PHÁT HIỆN Ở HỘI AN

CN. Võ Hồng Việt

1. Sự hiện diện gốm sứ Nhật Bản thế kỷ 17 ở Hội An

Từ những kết quả nghiên cứu khảo cổ học và qua các tư liệu lịch sử cho biết, gốm sứ Nhật Bản có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm, đặc biệt là từ đầu thế kỷ 17, gốm sứ Nhật Bản có sự phát triển rực rỡ với trung tâm sản xuất gốm sứ nổi tiếng nằm ở tỉnh Hizen¹ trên đảo Kyushu. Có thể nói gốm sứ Hizen là đỉnh cao của nghệ thuật gốm sứ Nhật Bản lúc bấy giờ. Đồ sứ Hizen có các loại gồm Arita, Nabeshima, Mikawachi, Hirado, Hasami. Do hầu hết đồ sứ Hizen được bán ra bên ngoài thông qua phố cảng Imari nên nó còn có tên khác là đồ sứ Imari. Nhiều loại hình đồ sứ Hizen được sản xuất phỏng theo đồ sứ Cảnh Đức Trấn ở Giang Tây - Trung Quốc thời Minh về hình dáng, hoa văn trang trí và hiệu đề ở đáy.

Có thể thấy, với chính sách phát triển ngoại thương của Nhật Bản vào thế kỷ 16 - 17, đặc biệt là thời kỳ “Châu Ấn thuyền” đã tạo điều kiện cho gốm sứ Nhật Bản nói chung, đồ sứ Hizen nói riêng trở thành mặt hàng quan trọng trong “*Con đường gốm sứ mậu dịch trên biển*” và có

mặt ở nhiều nơi, nhiều khu vực. Ở Việt Nam, các nhà khảo cổ đã phát hiện đồ sứ Hizen - Nhật Bản (*thế kỷ 17*) ở nhiều di chỉ quan trọng như khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long, khu mộ Mường ở Đồng Théch (*Hòa Bình*),... và đặc biệt ở Hội An.

Sau khi vào trấn thủ vùng Thuận - Quảng, để củng cố vị thế chính trị, tiềm lực kinh tế và quân sự nhằm đối trọng với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Tiên Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn kế tiếp ở Đàng Trong đã thực thi chính sách mở cửa để phát triển ngoại thương. Điều này tương đồng với xu hướng, tầm nhìn của chính quyền Nhật Bản lúc bấy giờ, do vậy mà các chúa Nguyễn ở Đàng Trong và chính quyền Tokugawa (*Nhật Bản*) đã liên tục có thư từ qua lại vừa thăm hỏi bang giao, đồng thời thể hiện mong muốn, tạo điều kiện để đẩy mạnh giao thương song phương. Chính quyền Nhật Bản đã cấp Châu Ấn trạng - 朱印狀 (*Shuinjo*) để các thương thuyền Nhật Bản thuận lợi giao thương buôn bán, mở ra thời kỳ thịnh đạt về hải thương của Nhật Bản - thời kỳ Châu Ấn thuyền - 朱印船 (*Shiunsen*). Hội An, với địa thế thuận lợi đã nhanh chóng trở thành cửa ngõ giao thương quốc tế sầm uất, nơi nhiều thương thuyền của Nhật Bản đến giao thương, buôn bán. Theo thống kê, từ năm 1601 đến khi có lệnh tỏa cảng năm 1635 của Mạc

¹ Sự phát triển rực rỡ của gốm sứ Hizen nửa đầu thế kỷ 17 một mặt do áp dụng kỹ thuật chế tác của thợ gốm sứ Triều Tiên, mặt khác, chính sách cấm buôn bán với bên ngoài của Trung Quốc lúc bấy giờ cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy gốm sứ Hizen phát triển.

phủ Tokugawa đã có 356 Châu Ân thuyền xuất dương, trong đó có 71 thuyền cập bến Quảng Nam (*Hội An*)². Các thuyền Châu Ân cập cảng Hội An thường mang đến các mặt hàng “vàng, bạc, đồng, tiền vàng, tiền bạc, tiền đồng, sắt, tiền kẽm, các loại vũ khí, áo lụa cao cấp, tranh tượng, quạt, dù, đồ gốm, sứ, sơn mài, đồ dùng, đồ trang sức bằng bạc...”³ để bán và mua về các loại thổ sản của Quảng Nam, Đàng Trong như tơ lụa, kỳ nam, quế, hồ tiêu, đường,... và các mặt hàng khác do thương thuyền Trung Quốc đến bán. Trong *Hành trình và Truyền giáo*, giáo sĩ Alexandre de Rhodes đến Hội An vào cuối năm 1624 đã viết: “Người Đàng Trong không những cung cấp tơ lụa mà còn cả hương liệu cho nhu cầu của họ mà còn cung ứng cho Nhật Bản và đưa sang Vương quốc Lào để từ đó người ta lại chuyển đến Tây Tạng. Hằng năm, tàu thuyền của Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đã đến đây để buôn bán sản vật và các loại lụa, riêng các tàu thuyền của Trung Hoa thường chỉ mua tơ sống. Người Nhật đến Đàng Trong trước tiên là vì tơ lụa, kể đến là sản vật. Họ có thể mua tơ lụa ở đây dễ dàng hơn nơi khác vì tại cảng thị Hội An có một số người Nhật sinh sống và những người Nhật này có thể thu gom tơ lụa trước khi tàu của họ tới”⁴.

Bên cạnh các thương nhân đến buôn bán theo mùa mậu dịch (có người cưới vợ là người Việt để thuận đường kinh

doanh), còn có nhiều thường dân Nhật Bản đến Hội An sinh sống bởi chính sách “Cấm đạo” của Mạc phủ⁵. Chúa Nguyễn đã tạo điều kiện thuận lợi để các thương nhân, thường dân Nhật Bản cư trú, buôn bán tại Hội An và cho phép được lập một khu phố riêng như Cristoforo Borri mô tả “Để tiện cho việc buôn bán, chúa Nguyễn cho phép người Trung Hoa và người Nhật Bản lập một thành phố. Thành phố này gọi là *Faifo* nó lớn đến độ người ta có thể nói được là có hai thành phố, một của người Trung Hoa, một của người Nhật Bản. Mỗi khu phố có khu vực riêng, có quan cai trị riêng và sống theo phong tục riêng”⁶. Vào đầu thế kỷ 17, khu phố Nhật ở Hội An có chừng 60 gia đình sinh sống (khoảng 200 - 300 người). Tuy vậy, cũng có nghiên cứu cho rằng lúc bấy giờ ở Hội An có khoảng 700 người Nhật.

Như vậy, ngoài việc phục vụ nhu cầu về đồ dùng sinh hoạt của cư dân sở

² Viện Văn hóa Quốc tế (Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa) (2003), *Kiến trúc phố cổ Hội An, Việt Nam* (người dịch Trần Thị Quế Hà), Hà Nội, NXB Thế giới, tr.25.

³ Oruga Sadao (1979), *Người Nhật trong thời Châu Ân*, Tokyo. tr.27.

⁴ Alexandre de Rhodes, *Hành trình và truyền giáo*, Tủ sách Đại đoàn kết, Ủy ban đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr.34.

⁵ Từ năm 1614, chính quyền Nhật Bản đã ban hành lệnh cấm đạo gắt gao, vì vậy nhiều người Nhật Công giáo phải theo các thuyền buôn đến Đàng Trong sinh sống. Trong *Lịch sử Nhật Bản* cho biết: “... Tokugawa Ieyasu ban hành lệnh trục xuất các nhà truyền đạo người nước ngoài và ra lệnh cấm đạo Gia-tô ở Nhật Bản. Thế có nghĩa là lần đầu tiên người dân Nhật Bản theo đạo Gia-tô có nguy cơ bị trừng phạt vì lòng tin của mình. Các nhà truyền giáo châu Âu theo sách lược đã quen, giả vờ vâng theo lệnh để chờ thời cơ thuận tiện. Một số lần trốn khắp nơi trong nước. Một số khác sang Macao rồi lên lút quay về Nhật với nhiều tín đồ. Cái không khí chính trị mong muốn được cải thiện hơn đó không bao giờ có được... Chính quyền đã thực thi một chiến dịch bắt bớ và hành quyết lâu dài. Hàng mấy vạn người đã từ bỏ đạo, nhưng hàng mấy nghìn người đã chết vì đạo mà người nước ngoài đã dạy. Một số khác, chỉ khoảng vài trăm người đã trốn sang Philippine và Việt Nam, ngay sau khi Ieyasu ban hành sắc lệnh”(P.H.P. Mason và J.G. Caiger (2003), *Lịch sử Nhật Bản*, Nguyễn Văn Sỹ dịch, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.231-232)

⁶ Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ dịch, Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr.92.

tại, sự du nhập gốm sứ Nhật Bản thế kỷ 17, đặc biệt là đồ gốm Hizen vào Hội An còn xuất phát từ nhu cầu của người Nhật sinh sống tại đây.

2. Loại hình gốm sứ Nhật Bản thế kỷ 17 phát hiện tại Hội An

Từ năm 1993, Viện Văn hóa quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa (*Nhật Bản*) đã thực hiện nhiều chương trình nghiên cứu về Đô thị cổ Hội An, từ lĩnh vực kiến trúc, tư liệu Hán Nôm đến khảo cổ. Trên lĩnh vực khảo cổ, “*Chương trình nghiên cứu về phố Nhật Bản thế kỷ 17 ở Hội An*” do Giáo sư Kikuchi Seiichi phụ trách, phối hợp với Khoa Lịch sử - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội và Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (*nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*) thực hiện được triển khai liên tục đến năm 2006. Kết quả của các đợt điều tra, khai quật khảo cổ theo chương trình này được lần lượt công bố trong Bản tin của Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa vào các năm 1997 (*tập 4*), 2002 (*tập 8*), 2019 (*tập 26*). Những phát hiện về đồ sứ Nhật Bản thế kỷ 17 trong đợt điều tra, khai quật khảo cổ ở Hội An đều là đồ sứ Hizen (肥 前).

Số liệu đồ sứ Hizen phát hiện ở Hội An tại các địa điểm đình Cẩm Phô, đình ấp Tu Lễ, nhà 129 Phan Chu Trinh, nhà 80 Trần Phú, nhà 16 Nguyễn Thị Minh Khai, phía Đông Chùa Cầu cụ thể như sau:

Tại hồ khai quật đình Cẩm Phô (*hố 1*) thống kê có 20 đơn vị gốm sứ Hizen, trong đó có 11 đĩa (*10 đĩa lòng trang trí chữ 日 - Nhật*)⁷. Cụ thể như sau:

Stt	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	1	1640-1660	Nắp
2	11	1650	Đĩa, 10 đĩa trang trí chữ 日
3	1	1650-1670	
4	5	1655-1670	
5	2	1660-1670	

Tại hồ khai quật đình Cẩm Phô (*hố 2*) thống kê có 23 đơn vị gốm sứ Hizen, trong đó có 7 đĩa (*3 đĩa lòng trang trí chữ 日 - Nhật*)⁸. Cụ thể như sau:

Stt	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	1	1640	Đĩa trang trí chữ 日
2	2	1640-1650	
3	6	1650	Đĩa, 2 đĩa trang trí chữ 日
4	2	1650-1670	
5	7	1655-1670	
6	2	1660-1670	
7	1	1660-1680	
8	2	Giữa thế kỷ 17	

⁷ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, *Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam*, tập 4/1997, tr.37-62.

⁸ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, *Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam*, tập 4/1997, tr.63-113.

Tại hồ khai quật đình Cẩm Phô (hố 3) thống kê có 6 đơn vị gốm sứ Hizen, trong đó có 3 đĩa (1 đĩa lòng trang trí chữ 日 - Nhật)⁹. Cụ thể như sau:

Stt	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	1	1650	Đĩa trang trí chữ 日
2	2	1650-1670	
3	3	1660-1680	

Tại hồ khai quật đình ấp Tu Lễ thống kê có 10 đơn vị gốm sứ Hizen, trong đó có 1 đĩa¹⁰. Cụ thể như sau:

Stt	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	1	1650	
2	2	1650-1660	Đĩa
3	1	1650-1670	
4	5	1655-1670	
5	1	1660-1680	

Tại hồ khai quật nhà 129 Phan Chu Trinh thống kê có 7 đơn vị gốm sứ Hizen,

⁹ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam, tập 4/1997, tr.115-122.

¹⁰ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam, tập 4/1997, tr.123-132.

trong đó có 2 đĩa lòng trang trí chữ 日 - Nhật¹¹. Cụ thể như sau:

Stt	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	3	1650	2 đĩa trang trí chữ 日
2	3	1655-1670	
3	1	1660-1680	

Tại hồ khai quật nhà 80 Trần Phú thống kê có 4 đơn vị gốm sứ Hizen¹². Cụ thể như sau:

Stt	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	1	1640-1650	
2	1	1650-1660	
3	2	1650-1670	

Tại hồ khai quật nhà 16 Nguyễn Thị Minh Khai thống kê có 46 đơn vị gốm sứ Hizen, trong đó có 4 đĩa (1 đĩa lòng trang trí chữ 日 - Nhật)¹³. Cụ thể như sau:

¹¹ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam, tập 4/1997, tr.133-143.

¹² Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam, tập 4/1997, tr.145-147.

¹³ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam, tập 26/2019, tr. 20-66.

Stt	Lớp	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	1	1	1650-1670	Bát
2	2	1	Thế kỷ 17	Đĩa ?
3	3	1	1640-1650	Đĩa
4	4	2	1640-1650	
5	6 - 9	7	1640-1650	Có 1 đĩa trang trí chữ 日
		29	1650-1670	
		1	1655-1670	Đĩa
		4	1655-1680	

Tại hồ khai quật phía Đông Chùa Cầu thống kê có 39 đơn vị gồm sứ Hizen, trong đó có 4 đĩa lòng đĩa trang trí chữ 日 - Nhật)¹⁴. Cụ thể như sau:

Stt	Lớp	Số lượng	Niên đại	Ghi chú
1	2	1	1650-1660	
		1	1655-1660	
		1	1655-1680	
		1	Thế kỷ 17	
2	3	1	1630-1660	Chén
		1	1660-1670	

3	4	1	1630-1650	
		1	1640-1650	Đĩa trang trí chữ 日
		1	1650-1660	
		1	1650-1670	
		4	1655-1670	Có 1 đĩa
4	5	1	1660-1670	
		1	1630-1640	
		1	1650-1660	Đĩa trang trí chữ 日
		4	1650-1670	
		1	1655-1670	
		1	1660-1670	
		1	Thế kỷ 17	
5	6	1	1650-1670	
		1	1655-1660	
		1	1655-1670	
		2	1655-1680	
		1	Thế kỷ 17	

¹⁴ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam, tập 26/2019, tr. 67-97.

6	7	2	1640-1650	Có 1 đĩa trang trí chữ 日
		1	1650-1670	
		1	1650-1680	
7	8	1	1655-1680	
8	9	1	1650-1670	
			1660-1670	
			Thế kỷ 17	
9	10	1	1655-1670	
10	12	2	Giữa thế kỷ 17	Có 1 đĩa trang trí chữ 日

Ngoài ra tại các địa điểm như chùa Âm Bồn (hội quán Triều Châu), nhà 69/5 Phan Châu Trinh, trường Trung học cơ sở Nguyễn Duy Hiệu đều phát hiện đồ sứ Hizen thế kỷ 17¹⁵.

Về địa điểm nhà 16 Nguyễn Thị Minh Khai, Giáo sư Kikuchi Seiichi cho biết: “Gốm sứ Hizen chủ yếu phát lộ ở tầng đất dưới, độ sâu được khoảng 150-170cm tính từ mặt đất. Lúc phát lộ, có một vài di vật bị tổn hại do áp lực của đất nhưng đa phần là còn nguyên vẹn và kết quả là đã phân loại được tổng cộng 40 di vật. Các di vật kèm theo gồm gốm hoa lam Trung Quốc nửa đầu thế kỷ 17 và đồ



gốm đất nung Việt Nam thế kỷ 17. Các chủng loại chính gồm liễn, bát, đĩa, bát nhỏ, chén nhỏ.

Về bát, bao gồm cả con số suy đoán, đường kính trung bình khoảng 13cm, có thể nhận thấy các loại bát khá lớn. Còn về bát nhỏ, nhiều cái có chữ ở tròn ghi “Đại Minh niên chế”, “Tuyên Đức niên chế”. Niên đại của chúng là từ giữa đến nửa cuối thế kỷ 17, về niên đại thì không khác nhiều so với gốm Hizen phát lộ ở các khu vực điều tra phụ cận trong các lần khai quật trước đó, tuy nhiên có một đặc trưng không thấy ở các địa điểm điều tra khác đó là gốm sứ Hizen phát lộ với khối lượng lớn cùng chủng loại ở một địa điểm điều tra.”¹⁶

Qua số liệu thống kê ở trên cho thấy đồ sứ Hizen phát hiện ở Hội An có các loại hình chủ yếu là liễn, bát, chén, đĩa. Chúng chủ yếu là loại men trắng vẽ lam. Hoa văn trang trí là đề tài rồng - mây, cá hóa long, cá, hoa thảo, chữ “Nhật” và chim phụng với nét vẽ ước lệ. Mép chân đế không tráng men và thường dính cát. Một số đồ sứ dưới mặt đế có đề chữ Hán.

¹⁵ Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Báo cáo khảo sát khảo cổ Hội An, Việt Nam, tập 8/2002

¹⁶ Kikuchi Seiichi, Onoda Megumi (2009), *Phổ cảnh Hội An và gốm sứ phát lộ của Việt Nam trong hội thảo quốc tế Hội An do Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa xuất bản*, tập 14/2010, tr. 177-178.

Niên đại tập trung vào giữa thế kỷ 17 (từ năm 1640 - 1680, tập trung từ năm 1650 - 1670).

Bát sứ Hizen có đường kính miệng dao động từ 13,5 - 17cm, đường kính chân 5,5 - 7cm, cao từ 6,5 - 8,9cm. Xương trắng mịn, men trắng ngà vẽ lam với mặt ngoài trang trí chữ thọ, đề tài rồng mây, rồng phụng xoay theo chiều kim đồng hồ, các đường viền. Mặt trong trang trí hình tiên ông, 3 con cá cách điệu xoay ngược chiều kim đồng hồ với đầu hơi hướng lên trên, đề tài cá hóa long, các đường viền. Niên đại chủ yếu từ năm 1650 - 1670.

Chén có đường kính miệng từ 9,4 - 11,6cm, đường kính chân từ 3,9 - 5,8cm, cao từ 4,9 - 6,1cm. Xương trắng mịn, men trắng ngà vẽ lam với mặt ngoài trang trí băng hoa văn ngọc như ý, băng hoa sen, khóm trúc, cảnh mai, các chữ Hán ở mặt đế như “Tuyên Đức niên chế”, các đường viền,... Mặt trong trang trí bông hoa, cảnh mai,... Niên đại chủ yếu từ năm 1650 - 1670.

Đĩa có đường kính miệng khoảng 14 - 15,6cm, đường kính chân dao động từ 6,4 - 7,2cm, cao từ 3 - 3,7cm. Xương trắng, men ngà màu xám tro vẽ lam với mặt ngoài ít trang trí, thường là đường viền. Mặt trong trang trí phổ biến băng hoa văn ở thành gồm 3 chim phượng đầu xoay theo chiều kim đồng hồ được giới hạn bởi 1 đường viền sát mép miệng và hai đường viền ở gần lòng, chữ 日 (Nhật)



nhieu cỡ, hình con bướm, ô hình học vẽ đồ án bát bửu

Đồ sứ Hizen phát hiện ở Hội An là chứng tích khẳng định mối quan hệ giao lưu giữa Hội An - Việt Nam với Nhật Bản trong lịch sử, thể hiện sự phát triển thịnh vượng cũng như vai trò quan trọng của cảng thị Hội An vào các thế kỷ 17, 18. Nhiều hiện vật sứ Hizen thế kỷ 17 phát hiện ở Hội An được trưng bày phát huy giá trị tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An số 80 Trần Phú. Tham quan bảo tàng chuyên đề này chúng ta sẽ hình dung được bức tranh về đồ gốm sứ của các nước, khu vực tham gia vào luồng giao thương Nam Bắc, Đông Tây vào các thế kỷ 16 - 18 mà Hội An là điểm trung chuyển quốc tế cũng như sẽ nhận diện được vị trí của sản phẩm sứ Hizen trong luồng giao thương này ♦

HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ CỦA NHẬT BẢN TRONG NGHIÊN CỨU BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

ThS. Quảng Văn Quý

Hội An - Nhật Bản có mối quan hệ giao lưu văn hóa, kinh tế từ rất lâu đời. Đặc biệt, cách đây trên 400 năm, với sự cho phép của các chúa Nguyễn, các thương gia Nhật Bản theo chân Châu Ân thuyền đã vượt biển để đến với Hội An giao lưu mậu dịch, lập cả khu phố riêng để cư trú, góp phần quan trọng tạo nên sự hưng thịnh, sầm uất một thời của đô thị - thương cảng quốc tế Hội An. Trong số 19 địa điểm thương gia Nhật Bản tới buôn bán trong thời kỳ Châu Ân thuyền chỉ có 4 nơi họ dừng chân lại xây dựng phố phường. Và trong 4 nơi dừng đậu đó, chỉ duy nhất ở Hội An dấu tích của người Nhật vẫn còn lưu giữ¹ cho đến ngày nay. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa của Việt Nam và Nhật Bản đều có chung nhận xét rằng, kết quả của mối quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam - Nhật Bản trong quá khứ ở Hội An đã tạo tiền đề tốt đẹp cho quan hệ hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản trong thời đại mới. Có lẽ chính từ những gắn kết sâu đậm trong quá khứ mà những người bạn hữu đến từ Nhật Bản đã có sự quan tâm đặc biệt đến thành phố Hội An, nhất là trong công tác nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị Khu phố cổ Hội An. Trong bài viết này, chúng tôi tập

trung giới thiệu một số sự kiện, hoạt động tiêu biểu liên quan để cùng hiểu rõ hơn các lĩnh vực hợp tác, hỗ trợ của Nhật Bản với Hội An trong công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa Hội An trong nhiều thập niên qua.

Năm 1985, Khu phố cổ Hội An được Bộ Văn hóa công nhận là Di tích lịch sử Văn hóa Quốc gia. Sau sự kiện này, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã quan tâm nhiều hơn đến với Hội An. Bắt đầu từ những năm 1988, những người bạn hữu Nhật Bản đầu tiên của các tổ chức Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản đã đến viếng thăm Đô thị cổ Hội An. Cơ duyên ấy như đặt những gạch nối bước đầu trong việc giao lưu kết nối, đề xuất nghiên cứu về Đô thị cổ Hội An của các bạn Nhật Bản. Nhưng có lẽ phải đến đầu năm 1990, Hội An đã thật sự trở thành mối quan tâm nghiên cứu tìm hiểu của các học giả, các nhà nghiên cứu đến từ đất nước mặt trời mọc để đến tháng 01 năm 1990, một hội thảo khoa học đã được tổ chức tại Tokyo - Nhật Bản nhằm chuẩn bị những nội dung bước đầu để hướng đến việc tổ chức hội thảo khoa học quốc tế về Hội An tại Việt Nam.

Trong bài viết *Hồi ức những người yêu mến Hội An* của ông Nguyễn Đình An - Nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Chủ tịch Hội Bảo

¹ Vũ Minh Giang (1991), “Người Nhật, Phố Nhật và di tích Nhật ở Hội An”, *Đô thị cổ Hội An*, Ủy ban quốc gia hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An, Nxb Khoa học Xã hội, tr.215.

trợ Di sản kiến trúc Văn hóa Hội An² có nhắc đến GS.TS. Moto Furuta, một người Nhật Bản rất tâm huyết với Hội An, chính ông đã góp phần quan trọng tìm ra một hướng đi cho sự hợp tác giữ gìn tôn tạo Hội An. Chính M. Furuta là một trong những người kết nối thiết kế thành công cuộc hội thảo quốc tế về Hội An năm 1990. Từ sự kết nối của giáo sư, tiến sĩ Moto Furuta với sự quan tâm hỗ trợ của các Hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản, và sự tài trợ của Đại sứ quán Nhật Bản, tháng 3 năm 1990, hội thảo khoa học quốc tế về Hội An được tổ chức tại thành phố Đà Nẵng. Đây có thể được xem là sự kiện đầu tiên, một mốc son rất có ý nghĩa về quá trình hợp tác, hỗ trợ của Nhật Bản đối với Hội An.

Hội thảo khoa học quốc tế về Hội An diễn ra trong hai ngày 22 và 23 tháng 3 năm 1990 với hơn 150 đại biểu tham dự. Các nhà khoa học từ các nước đến tham dự bao gồm: Ba Lan, Hà Lan, Canada, Thái Lan, Mỹ, Ostrâyli và Nhật Bản. Đoàn các nhà khoa học Nhật Bản có số lượng đông đảo hơn cả, bao gồm 15 người do giáo sư Yshizawa Yoshiaki

² Do xác định tầm vóc Hội An không chỉ là của người Hội An, việc gìn giữ nó không chỉ là trách nhiệm của người Phố Hội, ngày 10/4/1995, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 212/TTg cho phép thành lập “*Hội Bảo trợ Di sản Văn hóa Kiến trúc Hội An*” do Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình làm Chủ tịch danh dự và ông Nguyễn Đình An (Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng) làm Chủ tịch, cùng với BCH gồm 20 người tâm huyết với Hội An từ nhiều ngành, nhiều nơi trong nước. Ngay từ khi mới thành lập, Hội đã rất tích cực vận động các nguồn tài trợ (nhất là từ Nhật Bản) để chi viện cho việc bảo tồn Khu phố cổ Hội An.



Hội thảo về Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An năm 1995

làm Quyền Trưởng đoàn (*Trưởng đoàn là giáo sư Yamamoto Tatsuro vì ốm không sang được*). Khách mời gồm ngài Đại sứ Nhật Bản Asomura Kuniaki và phu nhân, ông Ikawa Takao - Chủ tịch Ban Vận động tài trợ hội thảo quốc tế Hội An của Nhật Bản³, giáo sư Naritake Yasuo - Chủ tịch Ban Thường vụ Hội Hữu nghị Nhật - Việt.

Tại hội thảo, các nhà khoa học với các nguồn tư liệu và những chuyên ngành khác nhau, đã làm sáng tỏ thêm quá trình lịch sử những đặc điểm và những giá trị các mặt của khu di tích Đô thị cổ Hội An. Các nhà khoa học nhận định rằng Khu phố cổ Hội An là khu di tích lịch sử - văn hóa có giá trị cần được bảo vệ của Việt Nam và của thế giới. Theo đó, toàn thể các nhà khoa học tham dự hội thảo bày tỏ lòng mong muốn trao đổi các kết quả nghiên cứu và quyết định kêu gọi các tổ chức quốc tế, các Ủy ban quốc gia UNESCO của các nước, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ giúp đỡ tài

³ Thông báo của Ủy ban quốc gia Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An (1991), *Đô thị cổ Hội An*, Ủy ban Quốc gia Hội thảo khoa học quốc tế về Hội An, Nxb Khoa học xã hội, tr.05.

trợ cho các dự án đề án phục hồi Đô thị cổ Hội An; các nhà khoa học, các nghệ sĩ, các nhà nghiên cứu tham gia và hợp tác trong việc nghiên cứu về mặt lịch sử, khảo cổ cũng như trong việc phục hồi các di tích phong phú đa dạng của Hội An⁴. Theo đánh giá của các bạn hữu, các nhà nghiên cứu Nhật Bản thì thành công của Hội thảo khoa học quốc tế về Hội An cũng góp phần đặt nền móng cho tình hữu nghị lâu bền giữa Nhật Bản và Việt Nam dựa trên sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa các nhà nghiên cứu của hai dân tộc⁵

Hưởng ứng lời kêu gọi của hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An, nhiều tổ chức chính phủ, phi chính phủ và nhiều cá nhân của đất nước Nhật Bản cũng đã có sự hỗ trợ và hợp tác với Hội An trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu. Có thể thấy rằng, từ sau hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An năm 1990 đến nay, nhiều tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các cơ quan, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu khoa học và nhiều bạn hữu Nhật Bản đã đến với Hội An để hợp tác trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu khoa học về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và bảo vệ môi trường; đầu tư phát triển kinh tế, đào tạo nguồn nhân lực,... đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Trên lĩnh vực nghiên cứu khảo cổ - lịch sử, dấu ấn đầu tiên phải kể đến về sự hỗ trợ, hợp tác của Nhật Bản đối với Hội An đó chính là dự án “*Nghiên cứu khai quật khảo cổ học về Văn hóa Sa*

Huỳnh ở Hội An” với sự tài trợ kinh phí của tổ chức Toyota Foundation, nhóm nghiên cứu Hội An thuộc Ban Quản lý Di tích Hội An thực hiện với sự tham gia cổ vấn của Trung tâm Liên Văn hóa Lịch sử (*Khoa Lịch sử - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội*)⁶ cùng các chuyên gia Nhật Bản. Dự án này được triển khai tại Hội An từ năm 1993 đến năm 1995. Qua quá trình thực hiện dự án, các nhà chuyên môn của Hội An, Việt Nam và Nhật Bản đã có nhiều phát hiện quan trọng làm rõ hơn các quan điểm lịch sử, quy mô, tính chất và những đặc trưng của các di tích, di chỉ Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An về phạm vi phân bố, niên đại, chuẩn loại hiện vật,... trong mối tương quan chung của nền Văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam. Đồng thời, kết quả khai quật, nghiên cứu từ dự án này cũng là cơ sở khoa học quan trọng để Hội An hình thành nên một bảo tàng chuyên đề rất thú vị và độc đáo về Văn hóa Sa Huỳnh Hội An tại số 149 Trần Phú, Hội An vào năm 1994.

Song song với dự án “*Nghiên cứu khai quật khảo cổ học về văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An*” là một chương trình hợp tác nghiên cứu về khảo cổ - lịch sử - địa mạo kiến trúc và trùng tu di tích do Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa (*Nhật Bản*) phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Văn hóa quốc tế - Trường Đại học quốc gia Hà Nội cùng với cán bộ nghiên cứu của Hội An triển khai thực hiện với 2 giai đoạn 1993 - 1995 và 1996 - 1999, cũng để lại nhiều kết quả thể hiện sự hợp tác và hỗ trợ đầy trách nhiệm của các chuyên gia

⁴ Lời kêu gọi (1991), *Đô thị cổ Hội An*, Ủy ban quốc gia Hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An, Nxb Khoa học xã hội, tr.385.

⁵ Giáo sư Yoshiaki Ishizawa (1991), *Hội An và cư dân Nhật trước đây*, Đô thị cổ Hội An, Ủy ban Quốc gia Hội thảo khoa học quốc tế về Hội An, Nxb Khoa học xã hội, tr.30.

⁶ Nguyễn Chí Trung (2001), *Điểm lại 20 năm hoạt động nghiên cứu khoa học ở Hội An*, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An, Hội An - thị xã Anh hùng (tập II), Nxb Trẻ, tr.350.

Nhật Bản đối Di sản Văn hóa Hội An. Theo chương trình này, các đợt điều tra về tư liệu lịch sử về loại hình các di tích kiến trúc đặc trưng của Hội An; các đợt khảo cổ về di tích liên quan đến việc cư trú, phố cổ Nhật Bản trước đây được đẩy mạnh. Nhiều di tích đã được khai quật ở đường Nguyễn Thị Minh Khai, phía Bắc đường Trần Phú, khu vực phía Nam Chùa Cầu,... thông qua kết quả nghiên cứu khai quật, các nhà nghiên cứu cũng đã từng bước khẳng định được sự tồn tại của các địa điểm cư trú, phố Nhật Bản ở Hội An vào thế kỷ 17. Kết quả này cũng là cơ sở để Hội An hình thành nên một bảo tàng chuyên đề mới vào năm 1995 - Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch tại số 80 Trần Phú Hội An. Cho đến nay, các Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch ở Hội An cũng đã trở thành những điểm tham quan quan trọng trong Khu phố cổ Hội An.

Trên lĩnh vực tu bổ di tích kiến trúc gỗ, ngay từ những năm 1990, trong chương trình hợp tác, hỗ trợ của tổ chức JICA (*Nhật Bản*), các chuyên gia, các kiến trúc sư hàng đầu của Nhật Bản đến từ các trường Đại học Nữ Chiêu Hòa đã lần lộn với Hội An để tiến hành hỗ trợ, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của thị xã trùng tu, tu bổ các công trình di tích trong Khu phố cổ đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng và có nguy cơ sụp đổ bởi những tác động khắc nghiệt của thời gian, thiên tai,... giúp cho hàng chục di tích được cứu nguy, hồi phục. Và cũng từ những gạch nối ban đầu này, một dự án Hợp tác Bảo tồn Khu phố cổ Hội An do Hội Bảo trợ Di sản Văn hóa kiến trúc Hội An khởi xướng (*Gọi tắt là Hội Hội An*), và được thực hiện với sự cộng tác của Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản, dưới sự giám sát

kỹ thuật của cơ quan văn hóa Nhật Bản. Theo đó, một đội ngũ cán bộ và chuyên gia có kinh nghiệm trong việc bảo tồn di sản văn hóa từ Đại học Nữ Chiêu Hòa được cử đến Hội An và thực hiện sự cộng tác chặt chẽ với người dân phố cổ và Ủy ban nhân dân thị xã Hội An để khảo sát, kiểm kê và lập dự án bảo tồn Khu phố cổ. Dự án này không phải là một dự án được giới hạn chỉ một công trình mà là một dự án mà trong đó các di tích trong toàn khu phố cổ đã được bảo tồn và mang lại một vai trò hùng hồn, một sức sống mới trong đời sống của cộng đồng cư dân⁷,... góp phần không nhỏ để *“Hội An là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo”*⁸. Đó cũng là cơ sở quan trọng để đến năm 12 năm 1999, khu phố cổ Hội An được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa thế giới.

Dự án Hợp tác Bảo tồn Khu phố cổ Hội An này cũng vinh dự nhận được giải thưởng Kiệt xuất tại cuộc thi Di sản châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO năm 2000. Trong bài phát biểu của mình tại lễ trao giải thưởng tại Hội An vào ngày 25/2/2001, ông Richard A.Engelhardt - Cố vấn Văn hóa khu vực châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO đã dẫn lời Ban Giám khảo rằng: *“Việc xét công nhận giải thưởng kiệt xuất này được dựa vào sự xuất sắc về kỹ thuật trong công tác bảo tồn điều luyện, gắn với sự cam kết tiếp tục của cộng đồng dân cư để bảo tồn di sản độc đáo của Khu phố cổ Hội An cả về vật*

⁷ Richard A.Engelhardt (2001), *Dự Án kiệt xuất, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An*, Hội An - Thị xã Anh hùng (tập 2), Nxb Trẻ, tr.606.

⁸ Đây là một trong hai tiêu chí để UNESCO công nhận Khu phố cổ Hội An là Di sản Văn hóa thế giới vào ngày 04 tháng 12 năm 1999.

thể và phi vật thể”. Đây là 1 trong 9 Di sản Thế giới đạt giải từ trước đến nay ở các khu vực châu Á - Thái Bình Dương là các Di sản điển hình của UNESCO về quản lý du lịch văn hóa bền vững. Sự vinh danh này của UNESCO cũng chính là sự ghi nhận đánh giá cao của việc hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân của Nhật Bản, Việt Nam, của chính quyền và cộng đồng cư Hội An trong việc bảo tồn các di tích lịch sử, mang lại cho cộng đồng cư dân Hội An cuộc sống mới, hữu ích trong cộng đồng dân cư.

Một trong những điểm nổi bật cần phải đề cập đến trong việc hỗ trợ, hợp tác của Nhật Bản đối với công tác nghiên cứu, bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, đó là trong nhiều

năm qua, thông qua các chương trình hỗ trợ được ký kết, tổ chức JICA đã thường xuyên phái cử các chuyên gia và tình nguyện viên đến Hội An để hỗ trợ các cơ quan chuyên môn địa phương trong công tác bảo tồn Di sản và Bảo vệ môi trường. Riêng lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa, từ năm 1997 đến nay, Nhật Bản đã có 15 tình nguyện viên đã được cử đến công tác thường trực tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An theo nhiệm kỳ hai năm một lượt để tham hỗ trợ các hoạt động chuyên môn của đơn vị về bảo tồn, phát huy di sản, thực hiện các chương trình về tuyên truyền, giáo dục di sản trong cộng đồng và trường học;

thực hiện các dự án về đề xuất các giải pháp hỗ trợ sinh kế cộng đồng đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng đã có nhiều hỗ trợ đối với thành phố Hội An trong công tác đào tạo nguồn nhân lực. Với sự tài trợ của các tổ chức của Nhật Bản, nhiều đợt đào tạo, tập huấn chuyên ngành tại Việt Nam, Nhật Bản được tổ chức đã tạo điều kiện cho hàng hàng chục lượt cán bộ chuyên môn trẻ của Hội An được tham gia, qua đó đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, quản lý di sản văn hóa địa phương.



Qua các dự án, các chương trình hợp tác nghiên cứu từ khu phố cổ Hội An, các cơ quan chuyên môn của Hội An và các tổ chức của Nhật Bản đã phối hợp tổ chức hàng chục

hội thảo khoa học quốc tế tại thành phố Hội An và tại Nhật Bản về các lĩnh vực khảo cổ học; tu bổ di tích, bảo tồn, phát huy di sản gắn với phát triển du lịch bền vững,... đã thu hút sự tham gia của nhiều nhà chuyên môn trong và ngoài nước.

Cũng từ các dự án hợp tác nghiên cứu từ Khu phố cổ Hội An, nhiều công trình, ấn phẩm chuyên ngành cũng đã được Nhật Bản và Hội An công bố, in ấn xuất bản. Trong đó, Viện Văn hóa quốc tế - Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (*Nhật Bản*) đã công bố hàng chục công trình nghiên cứu về Hội An trên các lĩnh vực nghiên cứu khảo cổ, lịch sử văn hóa, kiến trúc, bảo tồn kiến trúc gỗ... Riêng, Trung

tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, từ các chương trình hợp tác, hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức của Nhật Bản cũng đã nghiên cứu, biên soạn các công trình như: Kỷ yếu về Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An; Cẩm nang bảo tồn dành cho chủ di tích; Khu Phố cổ Hội An; đề tài “Mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thế kỷ 17” và ấn phẩm sách Chùa Cầu Hội An; Hình ảnh giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại Hội An... Có thể nói, những kết quả nghiên cứu, các công trình trình, ấn phẩm được công bố ở Việt Nam, Nhật Bản và quốc tế từ sự hỗ trợ, hợp tác của Nhật Bản, đã góp phần quan trọng khẳng định rõ nét hơn vai trò của Đô thị - Thương cảng Hội An qua các giai đoạn lịch sử, làm sáng tỏ và lan tỏa thêm các giá trị nổi bật toàn cầu của Hội An, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở khoa học vững chắc để đẩy nhanh tiến trình đến với danh hiệu cao quý Di sản Văn hóa Thế giới của Đô thị - Thương cảng Hội An.

Ngoài các chuyên gia, các nhà nghiên cứu Nhật Bản có những đóng góp cho Hội An trên lĩnh vực nghiên cứu, bảo tồn phát huy di tích, nhiều hãng thông tấn của Nhật Bản như NHK, Chukyo, cũng đã có những phóng sự, phim ảnh quảng bá hình ảnh Hội An đến với Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới. Đặc biệt, nhiều cá nhân, nghệ sĩ yêu mến Hội An đã bằng cách này hay cách khác cũng có những hỗ trợ, đóng góp quan trọng cho Hội An trên nhiều phương diện như: Ông Akiba đã dành tặng cho Hội An tủ sách về Di sản Văn hóa thế giới bằng Nhật ngữ; họa sĩ Goto với những bức tranh màu nước nổi tiếng về Hội An. Hay như nữ nhiếp ảnh gia Akimi cũng đã vượt qua những

khó khăn của bệnh tật để đến với Hội An ghi lại những tác phẩm nhiếp ảnh quý giá; đó là khoảnh khắc, hình ảnh sống động về các di tích, hơi thở cuộc sống ở phố cổ và các vùng ven thị xã Hội An trong những buổi đầu gian khó; và cũng chính nghệ sĩ nhiếp ảnh này trước khi qua đời vì bệnh ung thư đã vận động tổ chức Toyota tài trợ cho thị xã nghiên cứu về Văn hóa Sa Huỳnh.⁹

Nhìn lại chặng đường hơn 30 năm qua trên lĩnh vực nghiên cứu, bảo tồn phát huy giá trị Di sản Văn hóa Hội An, có thể thấy rằng, thông qua các chương trình hợp tác, hỗ trợ, các chuyên gia, các nhà nghiên cứu đến từ đất nước Nhật Bản đã có những đóng góp đặc biệt quan trọng trên nhiều phương diện với Di sản Văn hóa Hội An. Hiện tại vẫn có nhiều chuyên gia, nhiều tình nguyện viên, nhiều tổ chức, cá nhân của đất nước Nhật Bản vẫn đang tiếp tục bền bỉ, đồng hành, cống hiến nhiều tâm huyết và trí tuệ cho hoạt động nghiên cứu, bảo tồn, phát huy di sản ở thành phố cổ này, qua đó càng làm lan tỏa mạnh mẽ hơn các giá trị của Di sản văn hóa Hội An đến với bè bạn muôn phương. Điều đó quả thật rất đáng trân quý và cần phải được ghi nhận tôn vinh, nhắc nhớ.

Mới đây nhất vào ngày 24/10/2023, trong cuộc tọa đàm tham vấn chuyên gia về tu bổ di tích kiến trúc Chùa Cầu - một công trình biểu trưng về giao lưu văn hóa của Hội An và Nhật Bản, có sự tham dự của ngài Phó tổng Lãnh sự quán Nhật

⁹ Nguyễn Phước Tương (2001), Hội An mười lăm năm phấn đấu vì danh hiệu Di sản văn hóa thế giới, Ban Chấp hành Đảng bộ Hội An, *Hội An - thị xã anh hùng tập II*, Nxb Trẻ, tr.510.

Bản tại Đà Nẵng, lãnh đạo Văn phòng JICA tại Việt Nam, cùng các chuyên gia cao cấp đến từ Cục Văn hóa Nhật Bản. Tại buổi tọa đàm, ngoài những kiến giải đề xuất những quan điểm giải pháp về tu bổ di tích, các đại biểu lãnh đạo của Cục Di sản Văn hóa, Viện Bảo tồn Di tích và Hội đồng Di sản Văn hóa quốc gia Việt Nam cũng đã đánh giá cao những đóng góp khoa học về phương pháp tu bổ di tích kiến trúc gỗ của các chuyên gia Nhật Bản, cũng như ghi nhận những hỗ trợ nhiều mặt của các tổ chức, cá nhân đến từ đất nước Nhật Bản đối với Di sản Văn hóa thế giới - Đô thị cổ Hội An. Có lẽ sẽ không quá lời khi cho rằng, những thành quả của công tác bảo tồn, phát huy giá trị Di sản Văn hóa Hội An trong những thập niên qua của thành phố Hội An đã có sự chung tay, hợp tác, đóng góp, hỗ trợ rất to lớn và đầy trách nhiệm từ các tổ chức, cá nhân đến từ đất nước của xứ sở hoa anh đào Nhật Bản. Đến nay, quần thể kiến trúc Khu phố cổ nói riêng, Di sản Văn hóa Hội An nói chung đã được nghiên cứu nhận diện, quản lý, bảo tồn và phát huy ngày càng tốt hơn, có hiệu quả hơn, luôn được UNESCO, các tổ chức quốc tế đánh giá cao, trao tặng nhiều giải thưởng, danh hiệu cao quý. Trên nền di sản văn hóa, thành phố Hội An hôm nay đã và đang trở thành một điểm đến hấp dẫn của khu vực và thế giới, qua đó thu hút ngày càng đông đảo du khách, bè bạn trong và ngoài nước đến tham quan, thưởng lãm. Từ đó, có thể thấy rằng, kết quả của sự hợp tác, hỗ trợ đầy thiện chí và hiệu quả từ các tổ chức các nhân của Nhật Bản đối với Hội An trong mấy thập niên qua càng làm cho mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa Hội An và Nhật Bản

nói riêng, giữa hai đất nước Việt Nam - Nhật Bản nói chung tiếp tục được bền vững sâu bền, hướng tới một tương lai tốt đẹp ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Ủy ban quốc gia Hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An (1991), *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An (2000), *Hội An - thị xã Anh hùng (tập II)*, Nxb Trẻ.
3. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2004), *Hình ảnh giao lưu Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại Hội An*, Công ty in Quảng Nam.
4. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2008), *Cẩm nang bảo tồn dành cho chủ di tích*, Nhà in Cơ quan đại diện Thông Tấn xã Việt Nam tại Đà Nẵng.
5. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2004), *Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An*, Công ty in Đà Nẵng.
6. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2021), *Chùa Cầu*, Nxb Đà Nẵng.

VÀI SUY NGHĨ BAN ĐẦU VỀ NHỮNG NHÀ HÀNG NHẬT BẢN Ở HỘI AN

CN. Khiếu Thị Hoài

Dòng đầu tiên ở phần mở đầu của cuốn sách “*Eating in Japan*” hiện đang lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An có ghi “*To know a country is to eat the food of the country*” (tạm dịch: “Muốn hiểu về một đất nước, hãy thưởng thức những món ăn của đất nước đó”). Thực vậy, món ăn phản ánh bản sắc dân tộc, quan niệm, gu thẩm mỹ, lối sống của một đất nước, dân tộc bởi vậy nhiều nhà nghiên cứu nói rằng nấu ăn là văn hóa.

Khi suy nghĩ về mối quan hệ văn hóa Hội An - Nhật Bản, câu nói thú vị trên đã thôi thúc tôi thực hiện một cuộc khảo sát nhỏ về những nhà hàng Nhật Bản ở Hội An – nơi từ mấy trăm năm trước người Nhật đã đến sinh sống, buôn bán trong một thời gian dài. Tôi băn khoăn, các nhà hàng Nhật Bản đã và đang thể hiện bản sắc văn hóa của xứ sở Phù Tang ở Hội An như thế nào.

Ở thời điểm thực hiện khảo sát¹, tại Hội An có 4 nhà hàng Nhật Bản đang hoạt động². Hơn 10 nhà hàng khác đã dời địa

điểm ra Đà Nẵng hoặc đang đóng cửa, tạm ngừng kinh doanh. Tuy vậy, những nhà hàng Nhật Bản hiện đang kinh doanh ở Hội An đều đang hoạt động tốt, theo nghĩa, những người đầu bếp luôn cố gắng thể hiện tinh thần, văn hóa Nhật Bản qua việc nấu nướng mỗi món ăn và họ vẫn mở cửa hàng ngày để phục vụ những thực khách trong nước, quốc tế đến thưởng thức nghệ thuật ẩm thực Nhật Bản.

Món ăn thể hiện triết lý

Trong khi thực hiện khảo sát về những nhà hàng Nhật Bản ở Hội An, tôi gặp một người từng có hơn 10 năm kinh nghiệm làm bếp chính ở những nhà hàng Nhật Bản, đó là ông Đoàn Tấn Lâm³. Ông Lâm kể, khoảng năm 2010 - 2011, ông làm phụ bếp trong một nhà hàng chuyên về món ăn Châu Á tại Sài Gòn, tuy công việc mang lại thu nhập khá nhưng ở đó họ ít chú tâm đến sự tỉ mỉ trong từng công đoạn nấu ăn, không phù hợp với căn tính chín chu của mình nên ông chủ động đi tìm thầy dạy bằng việc xin phụ bếp và học nghề ở bếp của sân bay Tân Sơn Nhất. Sau đó, ông Lâm được hai người Nhật

¹ Tháng 8 năm 2023

² Nhà hàng Samurai Kitchen (09 Tiểu La), Min's Sushi and BBQ (18 Trần Cao Vân và 61 Lê Lợi), Hiên Sushi Bar (62 Phan Châu Trinh), Hoshigami Sushi Japanese Restaurant Hoi An (207 Cửa Đại).

³ Hiện tại đang là đầu bếp chính của nhà hàng Min's Sushi and BBQ (18 Trần Cao Vân, Hội An)

truyền dạy cho những kỹ thuật nấu ăn. Đó là ông Isse - bếp trưởng chuỗi nhà hàng I sushi Sai Gon và ông Takamasa - bếp trưởng nhà hàng Yen Premium. Vốn sẵn tính gọn gàng, yêu thiên nhiên và có gu thẩm mỹ nên khi học về các món ăn, ông Lâm cũng tiếp thu những nguyên tắc, triết lý về ẩm thực Nhật Bản do người anh đó truyền dạy. Sau gần 10 năm làm bếp chính và quản lý vài nhà hàng Nhật Bản ở Sài Gòn, ông Lâm mang toàn bộ những kinh nghiệm về ẩm thực Nhật Bản về Hội An và tiếp tục làm bếp trưởng ở nhà hàng Min's Sushi and BBQ, đồng thời ông cũng dạy về kỹ thuật nấu ăn Nhật Bản cho một số bạn trẻ đam mê ẩm thực Nhật Bản ở Hội An.

Trong tiếng Nhật, từ “washoku” (和食) được dùng để phân biệt các món ăn Nhật truyền thống với các món ăn Nhật Bản có ảnh hưởng từ những quốc gia khác (gọi là “yoshoku”). Triết lý của những món ăn Nhật theo trường phái washoku bao gồm 5 nguyên tắc: 5 màu, 5 vị, 5 phương pháp, 5 giác quan, 5 quy tắc. Năm màu sắc (*go shiki*) để đảm bảo sự cân bằng dinh dưỡng, mỗi bữa ăn cần có đủ 5 màu sắc: trắng, đỏ, vàng, xanh lục và đen (bao gồm những màu sẫm như màu nâu, màu tím); năm vị (*go mi*): một bữa ăn cần có sự kết hợp hài hòa và cân bằng các vị mặn, chua, ngọt, đắng, và umami để kích thích vị giác và cảm giác ngon miệng. (*Umami là cảm giác thứ năm mà vị giác nhận biết được, có thể hiểu là cảm giác ngon miệng*); năm phương pháp nấu

ăn (*go hoo*): những người nấu ăn được khuyến khích sử dụng các phương pháp nấu ăn khác nhau để chế biến món ăn, bao gồm: hầm, nướng, hấp, rán, luộc, ...; năm giác quan (*go kan*): món ăn cần kích thích không chỉ ở vị giác, mà còn cả ở khứu giác, thị giác, thính giác và xúc giác. Trong đó, việc trình bày món ăn trên đĩa sao cho thật hài hoà là phần cực kì quan trọng của bữa ăn. Người Nhật có một câu nói nổi tiếng là “ăn bằng mắt”; năm quy tắc (*go kan mon*) có thể gọi là những luật liên quan đến việc thưởng thức món ăn, có bắt nguồn từ đạo Phật của Nhật (*Điều thứ nhất đó là phải kính trọng và biết ơn những công sức của người đã nuôi trồng thực phẩm và chuẩn bị ra món ăn đó, điều thứ hai là phải làm những việc tốt xứng đáng với việc được hưởng những món ăn đó, điều thứ ba là phải ngồi vào bàn ăn với một tâm thái bình an, điều thứ tư, thưởng thức món ăn để nuôi dưỡng tinh thần bên cạnh việc nuôi dưỡng cơ thể và điều thứ năm, chúng ta cần nỗ lực để duy trì trạng thái tinh thần vui vẻ*).⁴

Những triết lý ẩm thực đó thể hiện tính cách tỉ mỉ, chuẩn mực, khuôn phép của con người Nhật Bản, là một phần của văn hóa Nhật Bản được ông Lâm và những đầu bếp ở các nhà hàng Nhật Bản tại Hội An đang nỗ lực áp dụng khi nấu nướng, trình bày các món ăn.

⁴ Nhà hàng Nhật Bản Hatoyama đăng trong <https://hatoyama.vn/>

Bài viết “Triết lý ẩm thực Nhật Bản” đăng trong <https://hatoyama.vn/triet-ly-am-thuc-nhat-ban.html>

Món ăn của sự cân bằng và tinh tế

Khi nấu những món ăn Nhật Bản, người đầu bếp luôn hướng đến sự cân bằng âm - dương trong các món ăn. Các nguyên liệu và hương vị trong khi chế biến được cân bằng giữa đắng, cay, ngọt, mặn... để người thưởng thức cảm nhận hết hương vị thuần khiết của món ăn. Bên cạnh đó, những món ăn nóng sẽ được ăn kèm với những món có tính hàn để cân bằng lại.

Các món ăn ở nhà hàng Nhật mới trông tưởng chừng như ít ỏi nhưng chứa đựng đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết. Vì đa số các nguyên liệu để chế biến các món ăn Nhật là từ đậu nành, hải sản và rau củ. Chính điều này ngoài đáp ứng được vị ngon cho người thưởng thức, các món ăn của Nhật còn đảm bảo đủ chất cho người dùng.

Các nhà hàng Nhật Bản ở Hội An thường sử dụng cá hồi - một trong những nguyên liệu giàu chất dinh dưỡng làm nguyên liệu chính. Với cá tươi, những đầu bếp chế biến và nấu nướng theo nhiều cách phong phú gần giống như những cách được áp dụng ở xứ Phù Tang: Cá tươi được thái lát mỏng và ăn sống cùng với những loại rau, trong đó không thể thiếu rau tía tô chính là đặc trưng của món Sashimi của người Nhật, món này được chấm cùng với xì dầu hay sốt Wasabi. Bên cạnh đó, cá tươi cũng được những người đầu bếp ở Hội An chế biến và mời thực khách thưởng thức theo kiểu Sushi hay ướp thịt cá đã loại bỏ hết xương và chế biến bằng cách vừa phết mỡ lên cá và

vừa nướng cá theo kiểu Teriyaki hay cũng được chế biến như là Tempura...

Không chỉ sử dụng cá, tôm tươi để chế biến những món ngon nổi tiếng và đặc trưng của Nhật Bản như Sushi, Sashimi, thực đơn ở các nhà hàng Nhật Bản ở Hội An còn phong phú với nhiều món ngon nổi tiếng trong ẩm thực truyền thống của xứ Phù Tang như: mì Ramen, mì Udon, mì Soba, Tempura, Tonkatsu, Yakitori, Sukiyaki... được chế biến kỳ công mang đến cho người ăn những món ăn đẹp mắt, hương vị thơm ngon và giàu giá trị dinh dưỡng.

Về trình bày, đa số các món ăn của Nhật được chia ra từng đĩa/khay nhỏ, với kích cỡ vừa phù hợp với sức ăn của người châu Á. Bên cạnh đó các đầu bếp cũng sơ chế và chế biến các nguyên liệu thượng hạng qua ít công đoạn nhất để lưu giữ lại nguyên màu sắc và mùi vị của món ăn. Nét đơn giản của các món ăn Nhật được thể hiện qua các món ăn quen thuộc như Sushi, Tempura, Wasaghi... được bày biện trên những chiếc khay gỗ hoặc sứ vô cùng tinh tế và đẹp mắt. Cùng với việc sắp xếp các loại rau, củ được cắt tỉa, những người đầu bếp còn thêm hoa, lá vào khay thực phẩm khiến món ăn trông như một tác phẩm mà ở đó tinh thần tôn trọng thực phẩm và mẹ thiên nhiên được đề cao.

Nghệ thuật ẩm thực Nhật Bản còn được biểu hiện trong ý nghĩa của từng món ăn. Những nhà hàng Nhật Bản ở Hội An cũng chú ý đến điều này khi hướng dẫn khách cách gọi món. Trong dịp năm mới, nhà hàng sẽ khuyến khích khách sử dụng rượu Sake để trừ khử tà khí, sử dụng



Một nhà hàng Nhật Bản ở Hội An - Ảnh: Thị Hoài

đậu phụ với ý nghĩa kéo dài tuổi thọ và lời chúc sức khỏe. Các món có tôm thì tượng trưng cho sống lâu, sự trường thọ, Sushi làm từ cá tráp biển biểu tượng cho sự sung túc và thịnh vượng.

Giao thoa và phát triển

Từ trong lịch sử, ẩm thực Nhật Bản đã có sự giao thoa giữa phương Đông và phương Tây⁵. Nhờ sự giao thoa đó nên ẩm

thực của xứ sở hoa anh đào ngày càng phát triển theo chiều hướng tích cực đó là dù phong phú, lan tỏa nhưng vẫn không đánh mất bản sắc truyền thống của mình.

Những món ăn được thực hành với sự giao thoa được gọi Yoshoku là những món ăn có nguồn gốc châu Âu hoặc Mỹ (gọi chung là *phương Tây*). Những món này không phải là món ăn phương Tây chính thống, mà chỉ có nguồn gốc hoặc một ít đặc điểm của phương Tây, được người Nhật thêm vào những biến tấu rất riêng. Yoshoku, về mọi nghĩa, là những món ăn mang “quốc tịch” Nhật Bản 100% chẳng khác gì ẩm thực truyền thống, chứ không phải “đồ phương Tây”.

⁵ Văn hóa ẩm thực Nhật Bản có sự vay mượn thực phẩm từ các quốc gia phương Tây và người Nhật đã biến nó thành của riêng họ mang phong cách mới. Ví dụ “Tempura – 天ぷら” được giới thiệu vào cuối thế kỷ 16 và đến từ Bồ Đào Nha. Korokke có nguồn gốc từ món croquettes của Pháp. “Yakiniku -焼肉” được gọi là món “thịt nướng” kiểu Nhật- món nướng này có nguồn gốc từ phương Tây (Nguồn: <https://ussinavietnam.vn/kham-pha-su-giao-thao-van-hoa-au-a-trong-am-thuc-nhat-ban/>)

Hiện tại, những món ăn được nấu theo trường phái Yoshoku được xem là một nét ẩm thực đặc sắc của Nhật Bản do có sự pha trộn hoàn hảo giữa hai nền văn hoá. Để phát triển, hầu hết các nhà hàng Nhật Bản ở Hội An cũng áp dụng theo trường phái ẩm thực này đồng thời nỗ lực tuân thủ những triết lý ẩm thực của trường phái washoku. Theo đó, dù kiên định các triết lý ẩm thực trong thực hành nấu nướng món ăn Nhật Bản nhưng người đầu bếp Hội An vẫn tinh tế tạo ra sự pha trộn để món ăn của nhà hàng trở nên phù hợp với khẩu vị của những thực khách không phải là người Nhật nhưng muốn thưởng thức món ăn của xứ sở Phù Tang.

Ở Hội An vào thời điểm hiện tại, bên cạnh những nhà hàng phát triển theo hướng giao thoa văn hóa ẩm thực, dường như chỉ có nhà hàng Samurai Kitchen (ở số 09 Tiểu La) của anh Genta Miyagawa vẫn tuân thủ những công thức nấu nướng truyền thống để phục vụ những thực khách là du khách Nhật Bản hoặc những người Nhật đang sinh sống ở Hội An. Trong suốt những năm sinh sống ở Hội An, bà Usuda Rejko thường chỉ ăn ở nhà hoặc nếu đi ăn món Nhật thì chỉ đến Samurai Kitchen. Ở đây, bà không chỉ cảm nhận được hương vị ẩm thực truyền thống của đất nước mình mà khung cảnh nhà hàng từ trang trí bên ngoài đến cách bài trí ở phía trong đều mang vẻ hoài cổ. Bà là người ăn chay nhiều năm nay nên tôi không hỏi được bà nhiều về sự khác biệt của các món truyền thống liên quan đến cá. May mắn, con trai bà là Tomo Usuda lại cho tôi khá nhiều thông tin để so sánh.

Ông Tomo Usuda nói, nếu chỉ nhìn trên các hình ảnh quảng bá ở mạng Internet thì nhà hàng Samurai Kitchen dường như có vẻ ít kết quả về thực đơn và rất ít những đánh giá của khách hàng. Điều đó là bởi người chủ nhân của nhà hàng hầu như tập trung tâm huyết của mình vào việc làm tốt nhất có thể những món ăn để giữ gìn bản sắc văn hóa ẩm thực Nhật Bản.

Ở Hội An, thi thoảng ông Tomo Usuda cũng đi ăn ở các nhà hàng Nhật Bản khác, tuy nhiên, một điểm giống như người mẹ của mình đó là ông vẫn thích và gắn bó với nhà hàng Samurai Kitchen hơn. Một phần vì ông thân thiết với anh anh Genta Miyagawa chủ quán nhưng phần lớn là bởi những món ăn ở đây giữ gìn được nhiều nhất những hương vị truyền thống mà anh và mẹ từng được ăn ở đất nước Nhật Bản.

Trong khi trò chuyện với hai mẹ con bà Rejko về ẩm thực Nhật Bản ở Hội An, tôi được nghe họ kể về món Ochazuke - một món cơm bình dị của xứ sở hoa anh đào, thường được gọi với cái tên là cơm chan nước trà (*cơm trà xanh*). Nguyên liệu chế biến của Ochazuke vô cùng đơn giản, chỉ với cơm và những thức ăn còn dư lại từ bữa ăn trước được lấy ra từ tủ lạnh, thêm chút nước trà, nước dùng dashi hoặc nước nóng chan lên trên. Chẳng cần mất thời gian sơ chế, chuẩn bị, Ochazuke được chế biến vô cùng nhanh gọn. Nhật Bản vốn nổi tiếng là một quốc gia có nền ẩm thực hết sức tỉ mỉ và chính xác trong kỹ thuật nấu nướng, vì thế, các tín đồ ăn uống ắt hẳn đã rất bất ngờ khi xứ Phù

Tang lại có một món ăn mộc mạc và chế biến "thô sơ" đơn giản như thế này. Tuy vậy, món Ochazuke vẫn luôn là một niềm tự hào đầy kiêu hãnh của người Nhật bởi món ăn này đã làm nên một mảnh ghép riêng độc đáo cho bức tranh ẩm thực của quê hương. Bởi lẽ, dù Ochazuke là món cơm trộn "nhà nghèo", hầu như sử dụng toàn đồ còn dư thừa từ bữa trước nhưng đừng vì thế mà xem nhẹ giá trị của món ăn này. Khi nhìn vào bát cơm đầy ắp nguyên liệu được sắp xếp gọn gàng, bày trí ngăn nắp trong nước trà nóng hổi nghi ngút khói, thực khách sẽ càng phục hơn sự tinh tế và trân trọng của người Nhật với ẩm thực, với thực khách muôn nơi. Tuy là cơm trộn nhưng rất đẹp mắt chứ không xấu xí, "hỗ lớn". Về phần nước trà, người Nhật nhất quyết chọn trà xanh thuần khiết chứ không phải loại trà nhiều hương vị nào cả. Bởi nước trà xanh nóng hổi vừa đủ để át đi mùi đồ ăn thừa nhưng vẫn làm tăng hương vị và cảm giác thanh nhẹ dễ chịu của một món ăn thuần Nhật tuyệt đối.

Người Nhật luôn biết cách nhìn nhận và quý trọng cuộc sống. Họ trân quý tự nhiên, biết nâng niu, cẩn trọng với những thứ giản dị, bé nhỏ nhất, tận dụng tất cả mọi món quà mà thiên nhiên ban tặng. Hiện nay, Ochazuke đã được đưa vào các nhà hàng Nhật Bản với biến tấu sáng tạo để trở nên sang trọng, cầu kỳ hơn với nguyên liệu phong phú và bày trí đẹp mắt, tinh tươm hơn rất nhiều so với trước đó. Tuy nhiên, Ochazuke vẫn luôn giữ trọn tinh thần và vẻ đẹp truyền thống đầy nhân văn của mình, về một câu

chuyện truyền cảm hứng để người ta biết quý trọng và yêu thương những món quà từ thiên nhiên, những con người gần gũi cạnh bên sớm tối. Món Ochazuke tuy mộc mạc nhưng lại là một niềm tự hào của ẩm thực Nhật Bản, là cách mà người dân Nhật Bản biến những vật liệu nhỏ bé đơn sơ trở nên tinh túy, đẹp đẽ, thể hiện cách trân quý ẩm thực tuyệt vời của những con người nơi đây.

Hiện nay, tại Hội An đã và đang có nhiều người Nhật Bản sinh sống, gắn bó nhiều năm như hai mẹ con bà Usuda Reijko, cùng với đó, mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa Hội An – Nhật Bản mỗi năm đều được khẳng định thêm qua những lễ hội giao lưu văn hóa. Tuy nhiên, điều dễ nhận ra là những nhà hàng Nhật Bản ở Hội An chưa phát triển nhiều nếu không muốn nói là còn quá ít. Làm thế nào để tạo ra sự phát triển hơn nữa của các nhà hàng Nhật Bản ở Hội An và phát triển nền ẩm thực của xứ sở Phù Tang trên mảnh đất có bề dày giao lưu văn hóa với Nhật Bản là một bài toán không chỉ dành cho những người chủ nhà hàng Nhật Bản ở Hội An mà còn là câu hỏi cần lời giải của ngành bảo tồn cũng như của các đơn vị đảm nhiệm phát triển ngành du lịch của thành phố di sản.

Thiền nghĩ, câu chuyện về món cơm trà xanh của người Nhật bản về việc dù biến tấu nguyên liệu nhưng vẫn giữ được sự cẩn trọng, tinh túy, đẹp đẽ thể hiện sự trân quý với nguồn nguyên liệu, với mẹ thiên nhiên cũng là một trong những lời giải cho bài toán về việc phát triển các nhà hàng Nhật Bản ở Hội An ♦

VÀI NÉT VỀ KHÔNG GIAN VĂN HÓA VIỆT NAM - NHẬT BẢN TẠI HỘI AN

CN. Nguyễn Đức Minh

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế đất nước, từ đầu thế kỷ 17, Mạc Phủ đã cho phép cho các thương nhân Nhật Bản sang các khu vực Đông Nam Á để buôn bán. Nhiều kiều dân Nhật đã định cư lâu dài và lập phố riêng tại Ayutthaya ở Thái Lan (1622), Pinhalu và Phnompenh ở Campuchia (1618), Dilao và San Miguel ở Philippines (1603)...

Tại Hội An, người Nhật được chúa Nguyễn Đàng Trong ưu ái cho lập phố riêng (*Nihon Machi*), xây dựng các cơ sở thương mại, được cử thị trưởng riêng và được sống theo phong tục tập quán của mình. Họ dần trở thành các yếu nhân quan trọng tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội và đặc biệt là trong kinh tế - thương mại ở đô thị - thương cảng Hội An, thậm chí có khi còn tham gia vào cả lĩnh vực chính trị... Đầu thế kỷ 17, phố Nhật ở Hội An đã có khoảng 1.000 người. Từ 1633 đến năm 1672, trải qua 6 đời trưởng phố Nhật ở Hội An gồm: ông Dimigo (1633 - 1636), Haranoy Rokubee (1636 - 1640), Enmuraubee (1640 - 1642), Enmura Taihee (1642 - 1660), Hayashikiemon (1660 - 1665), Kakuyashichi Rokuno (1665 - 1672). Có ít nhất 5 linh mục người Nhật lo “*chăm sóc phần hồn*” cho giáo dân Nhật vào đầu thế kỷ 17. Phố Nhật ở Hội An đang dần thịnh vượng thì vào năm

1635, Mạc Phủ thực hiện chính sách toả cảng, yêu cầu người Nhật ở các nơi về nước. Phố Nhật ở Hội An vì thế mà mai một dần.

Kết quả các cuộc điều tra tư liệu từ các ngôi nhà trong Khu phố cổ đã phát hiện những ghi chép về phố Nhật ở Hội An, kết hợp nhiều cứ liệu thực địa khảo cổ học do chính các nhà khảo cổ Nhật Bản (*GS. Kikuchi Seiichi*) chủ trì thực hiện từ năm 1993 đến năm 1998, trong 3 dãy phố của khu vực phố cổ ở 12 địa điểm và 7 hố thám sát trong và ven phố cổ đưa đến thống nhất nhận định “*Có thể cho rằng, khu vực cư trú thế kỷ XVII trải rộng từ phố Nguyễn Thị Minh Khai ở phía Tây cầu Nhật Bản cho đến vùng phía Đông của chiếc cầu này và từ phía Bắc của phố Trần Phú cho đến phía Nam của phố Phan Chu Trinh. Trong phạm vi đó đã tồn tại phố Nhật Bản*”¹. Như vậy, người Nhật Bản đã lập nên phố Nhật vào đầu thế kỷ 17, góp phần làm nên đô thị - thương cảng quốc tế Hội An hưng thịnh suốt nhiều thế kỷ, để ngày nay trở thành Di sản Văn hóa Thế giới. Theo các cứ liệu từ nhiều nguồn, ngày càng khẳng định

¹ Kikuchi Seiichi, “Phố Nhật Bản ở Hội An qua nghiên cứu khảo cổ học”, *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An từ quan điểm Khảo cổ học lịch sử*, Nxb Thế giới, năm 2010.

đường Nguyễn Thị Minh Khai hiện nay là bộ phận quan trọng của phố Nhật Bản xưa.

Bìa mang tên “Không gian văn hóa Việt Nam - Nhật Bản”

Nhằm tiến tới tổ chức hoạt động kỷ niệm 45 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (1973 - 2018), chuẩn bị cho các hoạt động mang dấu ấn đặc sắc trong dịp kỷ niệm 50 năm (1973 - 2023) quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, theo đề nghị của các nhà nghiên cứu văn hóa Hội An, Việt Nam và Nhật Bản, “*Không gian Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản*” được tái hiện trong bối cảnh phố cùng con người Hội An hiện đang sống, buôn bán trao đổi và tiếp diễn cuộc sống đời thường.

Vào lúc 20h00 ngày 11/11/2017, nhân sự kiện “*Tuần lễ Hội nghị cấp cao APEC tại Đà Nẵng*”, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo đã cùng kéo băng khai trương “*Không gian Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản*” tại tấm bìa đá đặt ở đầu đường Nguyễn Thị Minh Khai. Sau đó cả hai vị Thủ tướng cùng đi dạo hết con phố này và một số đường phố khác trong Khu phố cổ. Sự kiện này là một dấu ấn quan trọng cho Di sản Văn hóa Thế giới Hội An, đồng thời nơi đây cũng trở thành sản phẩm du lịch độc đáo mới.

Không gian Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản bước đầu được tái hiện là điểm nhấn về mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Nhật Bản từ trong lịch sử đến nay và cả trong tương lai.

Mô hình Châu Ấn thuyền

Từ giữa thế kỷ 16 trở về trước, trên vùng biển Nhật Bản và Đông Nam Á xuất

hiện lực lượng cướp biển có tên là Oa Khẩu hoạt động mạnh, đe dọa sự an toàn các tàu buôn. Sau đó, theo lệnh cấm của tướng Toyotomi Hideyoshi - người thống nhất Nhật Bản thì nạn cướp biển được dẹp bỏ.

Khoảng năm 1593, Tướng quân Tokugawa Ieyasu kế vị đã tăng cường thiết lập mối quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng. Với thiện chí mong muốn thông qua buôn bán, ngoại giao khiến cho các nước láng giềng biết rằng ông đã thống nhất nước Nhật và xác lập một chính quyền trung ương mạnh mẽ.

Theo tư liệu, từ 1601, chúa Nguyễn Hoàng đã liên tục có thư trao đổi với Mạc Phủ Tokugawa về việc mời người Nhật đến buôn bán tại Hội An - Đàng Trong. “*Trong Ngoại giao văn thư tập của Mạc Phủ Tokugawa*, lá thư đầu tiên tìm thấy trong phần “*An Nam Quốc*” ghi năm 1601. Đây là lá thư của Nguyễn Hoàng gửi cho Tokugawa Ieyasu. Hiện nay Nhật Bản đang lưu trữ được 61 bức thư như trên được gửi đi cho đến năm 1694. Cũng năm đó, Ieyasu cũng đã viết thư trả lời cho Nguyễn Hoàng có nói đến vấn đề thuyền buôn của Nhật Bản được in hình tượng châu Ấn (*màu đỏ*). Cho đến khi có lệnh tòa cảng năm 1635, Mạc Phủ Tokugawa Ieyasu đã có 356 Châu Ấn thuyền đã xuất dương, trong đó có 37 thuyền cập bến Đông Kinh (*thuộc khu vực chúa Trịnh*) và 71 thuyền cập bến Quảng Nam (*Hội An*)”². Chỉ những tàu có mang giấy phép đóng dấu đỏ của Mạc phủ mới được phép đi ra nước ngoài buôn bán. Ngược lại, các tàu nước ngoài muốn đến Nhật để buôn

² Kikuchi Seiichi, tài liệu đã dẫn, tr.24-25.



Tỉnh Quảng Nam tiếp nhận mô hình Châu Ấn thuyền do tỉnh Nagasaki tặng năm 2017
 Ảnh: Hồng Việt

bán cũng phải có giấy phép của Mạc phủ Tokugawa. Còn được gọi là “Thời đại Châu Ấn thuyền” rất quan trọng trong lịch sử Nhật Bản. Chính quyền Mạc phủ Tokugawa muốn thông qua chế độ này, bảo đảm an toàn cho các tàu buôn của Nhật và nước ngoài, tránh khỏi nạn cướp biển, cũng như xác lập uy quyền của mình.

Cùng thời gian này, để tự lực tự cường đối phó với Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã ban hành các chính sách cởi mở. Ngoài việc nhiều lần viết thư cho Mạc phủ mời gọi cho phép thương nhân Nhật Bản đến Hội An nhiều hơn, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên còn ưu ái gả một công nữ cho thương nhân Nhật Bản Araki Sotaro đang buôn bán ở Hội An như một biểu hiện cụ thể về sự củng cố mối giao lưu ngày càng phát triển với chính sách mở cửa của hai bên giữa Việt - Nhật của chính quyền chúa Nguyễn và Mạc phủ.

Năm 1619, thương gia Araki Sotaro đưa vợ về Nagasaki quê mình, mang theo bức thư đề ngày 22/4/1619 chúa Nguyễn Phúc Nguyên thông báo cho Mạc phủ Nhật Bản rằng đã công nhận Sotaro vào dòng họ quý tộc và ban quý danh là Nguyễn Đại Lương, hiệu là Hiếu Hùng. Thời đó, người con gái Việt yêu kiều được người dân Nagasaki yêu mến gọi là Anio-san. Tương truyền khi ở bên chồng, Công nữ thường gọi “*anh ơi*”, tương tự tiếng Nhật là Anio = ơi, san = anh, vì thế dân địa phương đặt tên cho công nữ là Anio-San. Hàng năm, để tưởng nhớ sự kiện đặc biệt này, trong lễ hội Okunchi của Nagasaki (7-9/10) có tái hiện màn chào đón rước Wakaku Tome bằng kiệu và thuyền rất trang trọng, hoành tráng. Theo thông lệ, hàng năm làm nhỏ, 7 năm làm lễ hội lớn thu hút hàng ngàn người từ các vùng xung quanh đến tham gia chiêm ngưỡng.

Mô hình Châu Ấn thuyền được phục chế từ nhiều năm trước trưng bày trong Bảo tàng Nagasaki đã được chính quyền Nagasaki trao tặng cho Hội An vào ngày 10/11/2017 trước sự chứng kiến của các quan chức 2 địa phương Quảng Nam và Nagasaki. Sau phần lễ là màn biểu diễn hoành tráng của các nghệ sĩ Nhật Bản trong trang phục lễ hội di chuyển thuyền đầy chất nghệ thuật miêu tả cảnh lướt sóng, chống chọi bão tố, vượt bao gian nan tránh né cả bọn cướp biển³... để cập bến bờ Nagasaki an toàn trong tiếng hò reo hồ hởi của mọi người.

Người Nhật vốn trân quý di sản và cần trọng việc bảo tồn nên trước khi trao tặng mô hình Châu Ấn thuyền đã nhận đưa sang Nagasaki đào tạo 3 cán bộ của Hội An chuyên lo việc xử lý tu bổ mô hình sao cho bền vững lâu dài.

Mô hình Châu Ấn thuyền đặt ngay cuối đường Nguyễn Thị Minh Khai, cách tấm bia đá vài chục mét, không chỉ là biểu hiện vật thể của mối giao hảo tuyệt vời giữa 2 dân tộc nhằm nhắc nhở một quá khứ lịch sử quan trọng của Hội An, mà còn ghi dấu sâu đậm nét văn hóa đặc biệt về câu chuyện tình đầy cảm động, đầy thơ mộng giữa người con gái yêu của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên và thương gia Nhật Bản Araki Sotaro như là sự mở đầu ấn tượng cho “*Không gian Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản*” này⁴.

³ Hiện thuyền treo cờ chữ lồng VOC, logo của Đông Ấn Hà Lan. Theo giải thích từ bức thư của Thị trưởng Nagasaki gửi Hội An là để cướp biển kiêng nể công ty Đông Ấn vốn rất nổi tiếng sát thủ trên biển Đông thời ấy..

⁴ Tại Nhà hát lớn Hà Nội tối 22/9/2023, Hoàng Thái từ Nhật Bản Akishino và Công nương Kiko dự buổi công diễn đầu tiên vở opera “Công nữ Anio”. Được xây dựng dựa trên câu chuyện tình yêu có thật giữa Anio San từ Hội An, Việt Nam và chàng thương nhân

Trưng bày hình ảnh tư liệu về lịch sử giao thương và hợp tác giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại Hội An

Tư liệu cho biết từ thời Minh Trị (1868 - 1912) nhiều cuộc điều tra nghiên cứu của các nhà khoa học Nhật Bản về người Nhật, các ngôi mộ người Nhật, phố Nhật ở nước ngoài đã được tiến hành. Đầu thế kỷ 20, đã có gần 10 nhà khoa học đến Hội An nghiên cứu về phố Nhật và trùng tu các ngôi mộ thương nhân Nhật Bản tại Hội An...

Từ 1973, sau khi hai nước Việt Nam và Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao, việc hợp tác nghiên cứu về Hội An được đẩy mạnh. Tại Hội An, hai bên đã phối hợp tổ chức các hội thảo khoa học tầm cỡ quốc tế. Dự án nghiên cứu tổng hợp về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, khảo cổ học, phim ảnh tư liệu truyền thông qua tài trợ của JICA và 27 công ty và cá nhân của Nhật Bản do Viện Văn hóa Quốc tế thuộc Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa chủ trì được triển khai từ 1992 - 1995. Không chỉ huy động hàng trăm nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực chuyên ngành về lịch sử, văn hóa, kinh tế, mỹ thuật, phim, ảnh, kiến trúc, khảo cổ, quản lý... từ Hà Nội, từ Nhật Bản đến nghiên cứu vẽ ghi kiến trúc góp phần bổ sung bộ hồ sơ trình UNESCO công nhận Di sản thế giới Đô thị cổ Hội An, dự án còn dành kinh phí đưa các nghệ nhân hạng “*quốc bảo*” sang Hội An trực tiếp cùng thợ Hội An tu bổ di tích. Nhiều tổ chức kinh tế, tiêu biểu

Araki Sotaro đến từ Nagasaki, Nhật Bản cách đây khoảng 400 năm, vào đầu thời kỳ Edo của Nhật Bản nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản. Vở opera này với mục đích lưu truyền câu chuyện tình yêu này đến thế hệ mai sau như một minh chứng cho mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp giữa hai quốc gia.

là các tập đoàn Toyota, Sumitomo, Taisei, Takara... đã tài trợ cho việc tập huấn cán bộ, nghiên cứu lịch sử, văn hóa, tu bổ di tích, hoạt động lễ hội cho Hội An góp phần làm nên những sản phẩm cụ thể trong công cuộc bảo tồn phát huy giá trị nhiều mặt của di sản...

Vào các năm năm 1993 - 1994, ngay tại đình Cẩm Phô, các nhà khảo cổ học Việt Nam - Nhật Bản đã phối hợp đào thám sát phát hiện dưới tầng đất sâu nhiều hiện vật và mảnh gốm sứ Hizen của người Nhật Bản đưa đến Hội An vào thế kỷ 17 có gốc gác từ Kyushu, là một trong bốn vùng đảo lớn của Nhật Bản. Phát huy hoạt động “*Vượt sóng lớn*” năm 1998 được tổ chức tại Hội An, với tinh thần “*Tiếp bước truyền thống giao lưu và nguyện cho hòa bình đời đời bền vững giữa Việt Nam và Nhật Bản*”, từ năm 2003 đến nay theo sáng kiến chung, hội “*Giao lưu Văn hóa Hội An - Nhật Bản*” đã liên tục tổ chức đến lần thứ 19, tạo nên sản phẩm văn hóa hữu nghị thấm sâu vào tiềm thức và tạo dấu ấn sâu sắc giữa nhân dân Hội An với nhân dân Nhật Bản. Đặc biệt, tại đây còn có ảnh của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo kéo băng khai trương “*Không gian Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản*” vào ngày 11/11/2017. Du khách các nước đều đánh giá cao vì không dễ gì trong một sự kiện mà vinh dự có đến 2 nguyên thủ quốc gia cùng khai trương.

Một số hình ảnh tư liệu được tập hợp trưng bày tại 2 nhà Đông và nhà Tây của đình Cẩm Phô này chỉ có thể khái quát giới thiệu một số hoạt động tiêu biểu của quá trình hợp tác giao lưu văn hóa

giữa Hội An và Nhật Bản trong ý nghĩa vô cùng biết ơn, vô cùng trân trọng những con người, những tấm lòng bè bạn Nhật Bản dành cho nhân dân và Di sản Văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An trong 50 năm qua.

Nhà trưng bày văn hóa Nhật Bản (06 Nguyễn Thị Minh Khai)

Được sự tài trợ kinh phí của công ty xây dựng Taisei Corporation, vào tháng 5/1999, Viện Nghiên cứu Văn hóa Quốc tế, Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa Nhật Bản đã chủ trì đưa một số kiến trúc sư sang chỉ đạo tu bổ ngôi nhà số 06 Nguyễn Thị Minh Khai. Phương án đã báo cáo cho đơn vị tài trợ là sẽ thích nghi ngôi nhà thành bảo tàng Thương nhân Hội An. Tuy nhiên sau tu bổ, thực tế thấy không phù hợp làm một bảo tàng mini nên Hội An đã cho công ty sách Phương Nam sử dụng và tổ chức đọc sách báo tại đây. Cơ sở này được khai trương vào ngày 05/10/2001 và hoạt động liên tục đến 2019.

Trước nhu cầu tạo điểm đến cho nơi giao lưu, tìm hiểu văn hóa Nhật Bản, công ty TAKARA và công ty OCEAN (*Nhật Bản*) đã đầu tư kinh phí thực hiện các bước thiết lập Nhà trưng bày văn hóa Nhật Bản tại địa điểm này trong gần 2 năm. Nhà trưng bày văn hóa Nhật Bản được khai trương vào chiều ngày 26/8/2022 trước sự chứng kiến của hàng trăm quan khách Việt Nam - Nhật Bản và du khách. Nhà Trưng bày văn hóa Nhật Bản đã được đưa vào tuyến tham quan trong khu phố cổ, tạo thêm một điểm đến mới nhằm thu hút du khách đến với Hội An. Tại đây, không chỉ góp phần làm phong phú thêm việc



Khai trương Nhà trưng bày văn hóa Nhật Bản tại số 06 Nguyễn Thị Minh Khai - Hội An
Ảnh: Thị Hoài

tìm hiểu, trải nghiệm lịch sử, văn hóa Hội An, mà còn tạo điều kiện cho du khách khám phá, trải nghiệm về văn hóa Nhật Bản, tăng cường hiểu biết về mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước Việt - Nhật từ quá khứ đến hiện tại.

Nhà Trưng bày văn hóa Nhật Bản có các hoạt động được triển khai liên tục hàng ngày như: Giới thiệu nghệ thuật Trà đạo, trang phục áo Yukata, áo dài, xe cổ, đèn lồng, thư pháp Việt Nam - Nhật Bản, dạy gấp giấy Origami, gấp lá dừa, hòa tấu âm nhạc truyền thống, chơi bài Chòi... Đặc biệt, tối thứ hai hàng tuần có chương trình “*Trang phục Hội An - Ký ức thời gian*” nhằm khơi dậy, tái hiện giúp hình dung về một khoảng lặng thời gian xưa ở vùng đất “*Nhân tình thuần hậu*” đầy giá trị nhân văn hấp dẫn mọi trái tim đến chiêm

ngưỡng, trải nghiệm, cảm nhận những nét hồn hậu, chậm rãi sâu lắng của Hội An. Mới đây, nhân chuyến thăm Việt Nam, chiều 23/9/2023, Hoàng Thái tử Nhật Bản Fumihito Akishino và Công nương Kiko đã đến tham quan Di sản Văn hóa thế giới Hội An, nơi minh chứng sinh động của mối quan hệ hữu nghị hợp tác Việt Nam - Nhật Bản từ hơn 400 năm trước. Hoàng Thái tử Nhật Bản và Công nương đã tản bộ một số tuyến đường trong Khu phố cổ, ghé thăm mô hình Châu Án thuyền, di tích Chùa Cầu, nhà trưng bày văn hóa Nhật Bản, xem trình diễn Trà đạo,... ◆

THÔNG TIN TƯ LIỆU

THÔNG TIN VỀ ĐỒ ÁN THIẾT KẾ TỈNH LÝ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM NĂM 1973

Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản

Trong quá trình sưu tầm tư liệu liên quan đến Hội An tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đã may mắn tiếp cận được bản sao tư liệu nội dung đồ án thiết kế tỉnh lý Hội An, tỉnh Quảng Nam năm 1973. Tư liệu thuộc phong Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, số ký hiệu hồ sơ 26844, gồm 21 trang và 1 họa đồ. Dưới đây xin giới thiệu nội dung cơ bản của tập tài liệu.

1. Sắc lệnh duyệt y đồ án thiết kế tỉnh lý Hội An

Đây là Sắc lệnh số 043-SL/CC, ngày 3 tháng 3 năm 1973 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Sắc lệnh duyệt y đồ án thiết kế tỉnh lý Hội An (*tỉnh Quảng Nam*) gồm họa đồ thiết kế tỉnh lý tỷ lệ 1/5.000 và chương trình địa dịch và tạo tác đính kèm theo sắc lệnh này.

2. Về Chương trình địa dịch và tạo tác đính kèm sắc lệnh này có nội dung như sau:

- Về cơ cấu chung: Chương trình địa dịch và tạo tác gồm có 3 chương, 18

điều, trong đó chương 1 có 14 điều, chương 2 có 1 điều, chương 3 có 3 điều và 1 điều khoản chung.

- Về nội dung các chương được tóm lược như sau:

+ Chương 1 quy định về phân khu và đặc điểm các khu: khu gia cư (*Khu gia cư hạng A, Khu gia cư hạng B, Khu gia cư hạng C*), Khu thương mại, Khu trung tâm thương mại, Khu hành chính, Khu văn hóa xã hội, Khu dành lại, Địa dịch bất trúc tạo, Khu khoáng địa, Khu bảo vệ thắng cảnh.

+ Chương 2 quy định về chia lô, chỉnh định địa giới xây dựng.

+ Chương 3 quy định về miễn lệ, điều lệ chung và một bản họa đồ thiết kế tỉnh lý cùng với chương trình địa dịch lưu tại Sài Gòn và Hội An.

- Một số thông tin tóm lược về đặc điểm các khu:

+ **Khu gia cư hạng A:** Tại khu này chỉ được xây dựng những ngôi nhà kiểu biệt ốc đơn lập hoặc song lập có đặc tính sau đây:

Diện tích Biệt ốc đơn lập: Diện tích tối thiểu của thửa đất 540m². Bề ngang tối thiểu của thửa đất 16m. Chiều sâu không được dưới 20m.

Diện tích Biệt ốc song lập: Diện tích

tối thiểu của thửa đất 600m² (300m² cho mỗi nhà). Bề ngang tối thiểu của thửa đất 20m. Chiều sâu không được dưới 20m.

Mật độ xây dựng kể cả nhà phụ thuộc không được quá 50% diện tích sở đất. Khi tính mật độ nói trên, thì không kể thang lộ thiên, giàn hoa và phần kiến trúc có tính cách tăng mỹ thuật ngôi nhà.

Bề cao của biệt ốc không được quá 12m50 tính từ nền đến (*điểm tựa mái nhà*). Nếu biệt ốc cao trên 12m50 thì sẽ áp dụng các điều kiện xây cất nêu trong mục “cao ốc” của “các trường hợp đặc biệt”. Khoảng lùi tối thiểu là 4m.

Khoảng cách từ lập diện tới ranh giới như sau: Khoảng cách tối thiểu mỗi bên cho nhà trệt 3m. Khoảng cách tối thiểu mỗi bên cho nhà 1 lầu 3m50. Khoảng cách tối thiểu mỗi bên cho nhà 2 lầu 4m. Khoảng cách tối thiểu mỗi bên cho nhà 3 lầu 4m50.

Diện tích tối thiểu của sân để lấy ánh sáng, thoáng khí và khoảng cách giữa hai lập diện hoặc khoảng cách từ lập diện tới ranh giới như sau: Có thể chôn chước nếu bao lơn thừa thoáng nhô ra khỏi lập diện không quá 80 cm. Có khoảng trống thông hơi không được kể là sân để lấy ánh sáng và thoáng khí. Nhà phụ thuộc làm ở bên cạnh hoặc phía sau ngôi nhà chính, có thể xây sát với địa giới nhưng phải cách lộ giới tối thiểu 12m vào không được cao quá 5m60.

Chiều cao tối thiểu của các phòng “*phụ thuộc*” (*bếp, phòng giặt ủi, kho, ...*) là 2m60 tính từ nền nhà đến dạp trần. Chiều cao tối thiểu của nhà để xe là 2m20 tính từ nền nhà đến dạp trần.

Trong trường hợp bất khả kháng, nhà phụ thuộc có thể xây cất lộ giới ngang với mặt nhà chính nhưng mật độ xây cất không được quá 20% diện tích đất.

Cao độ nền gạch tầng trệt ít nhất là 0m30 so với mức đường trước mặt nhà và sẽ do Ty Công chánh sở tại ấn định tại chỗ khi xây cất. Hàng rào theo lộ giới không được cao quá 1m60, phần bệ xây đặc không cao quá 0m60, phần rào phía trên phải thừa thoáng. Cấm lập hay khuếch trương trong những khu này những cơ sở nguy hiểm, không vệ sinh hay bất tiện liệt hạng 1, hạng 2 và hạng 3 theo thể lệ hiện hành.

+ Khu gia cư hạng B

Diện tích Biệt ốc đơn lập: Diện tích tối thiểu của thửa đất 300m². Bề ngang tối thiểu của thửa đất 15m. Chiều sâu không được dưới 20m.

Diện tích Biệt ốc song lập: Diện tích tối thiểu của thửa đất 400m². Bề ngang tối thiểu của thửa đất 20m. Chiều sâu không được dưới 20m.

Mật độ xây dựng kể cả nhà phụ thuộc không được quá 50%. Cấm lập hay khuếch trương trong khu này những cơ sở nguy hiểm, không vệ sinh hay bất tiện liệt hạng 1, hạng 2 và hạng 3 theo thể lệ hiện hành.

+ Các trường hợp đặc biệt

Cao ốc: Cao ốc là những kiến trúc cao trên 12m50, dùng làm chung cư doanh nghiệp hay thương mại. Tại khu gia cư hạng A và hạng B, cao ốc có thể xây cất với các điều kiện sau đây: Diện tích đất tối thiểu là 2.000m². Mật độ xây dựng không quá 50% diện tích đất. Khoảng lùi tối thiểu là 6m nếu kiến trúc cao dưới 18m50 và 1/3 chiều cao nếu kiến trúc cao trên 18m50. Trong mọi trường hợp chiều cao kiến trúc không được quá lộ giới đường trước mặt cộng với khoảng lùi.

Hạng gia cư liêm giá: Những gia cư liêm giá, cư xá công chức, công nhân, có thể được thiết lập trong khu gia cư hạng A và hạng B với điều kiện: Các nhóm gia cư hợp thành một toàn cuộc có đường sá, điện, nước, cống rãnh, có dành 1/3 diện tích cho công viên, công thụ đường sá. Những đơn vị gia cư làm từng nhóm 4 căn, 6 căn, tối đa là 8 căn, kiến trúc như một biệt ốc biến dạng, chừa 4m bất trắc tạo từ lập diện tới lô giới và ranh giới (*tiền diện và hai trắc diện*).

Mật độ xây dựng phải theo địa dịch và mật độ mỗi khu. Tối đa hai tầng lầu và tiền diện phải nhất trí. Nhà phải xây bằng gạch, lợp ngói hay fibro, phải có trần bằng lưới sắt tô hồ hay cát tông. Nền nhà phải lót gạch hay tráng ciment. Nhà ở phải cao tối thiểu là 3m tính từ nền đến dạp trần. Nền nhà chính phải cao hơn mặt đường tiếp giáp ít nhất là 0m15. Tường ngăn sân không được cao quá 2m. Dành để ở không buôn bán. Cấm lập hay khuếch trương trong những khu này những cơ sở nguy hiểm, không vệ sinh hay bất tiện liệt hạng 1, hạng 2 và hạng 3 theo thể lệ hiện hành.

+ Khu gia cư hạng C

Tại khu này có thể xây cất những kế ốc có những đặc tính sau đây: Diện tích tối thiểu của thửa đất 100m². Bề ngang tối thiểu của thửa đất 5m. Bề sâu tối thiểu của thửa đất 20m.

Khoảng thối lui tối thiểu là 3m (*có thể châm chước cho bao lon nhô ra khỏi lập diện tối đa 1m20*). Bề cao của kiến trúc không được cao quá 12m50 tính từ nền đến điểm tựa mái nhà. Nền nhà chính phải cao hơn mặt đường tiếp giáp ít nhất là 0m15. Hàng rào theo lộ giới không được

cao quá 1m60, phần bệ xây đặc không cao quá 0m60, phần rào phía trên phải thưa thoáng.

Diện tích và khoảng trực thị của sân lấy ánh sáng và thoáng khí phải theo những điều kiện của khu thương mại. Cứ cách 12 nhà kế ốc liên tiếp thì phải dành một đường phòng hỏa rộng 4m.

Tại khu này có thể cho phép xây cất theo kiểu biệt ốc với điều kiện phải tôn trọng khoảng cách áp dụng tại khu biệt ốc. Có thể cho phép xây cất cao ốc nếu có đủ điều kiện về diện tích và các khoảng trực thị nêu trong mục “*cao ốc*” của các gia cư. Cấm lập hay khuếch trương trong khu này những cơ sở nguy hiểm, không vệ sinh hay bất tiện liệt vào hạng 1, hạng 2 theo thể lệ hiện hành.

+ Khu thương mại

Tại khu này, nhà xây áp vách nhau, có thể chung mái, chung tường. Theo nguyên tắc những nhà này dùng về việc buôn bán hoặc tiểu công nghệ, nhưng có thể dùng ở được.

Mỗi lô đất phải có tối thiểu: Bề ngang 4m. Bề sâu 20m. Đối với các kiến trúc tiếp giáp công lộ, chiều cao tối đa của kiến trúc được chấp thuận bằng 3 lần bề ngang ngôi nhà và không quá bề rộng của lộ giới.

Tại vùng xung quanh chợ, những dãy nhà đối diện với chợ phải theo địa dịch hành lang rộng ít nhất là 3m ở mặt tiền. Cứ cách 12 nhà kế ốc liên tiếp thì phải dành 1 đường phòng hỏa rộng hơn 4m.

Mái hiên có cột chống hay không có cột chống, đều phải cách xa diềm lè

đường hay hàng cây trên đường là 1 mét, tuy nhiên không bao giờ được nhô ra lề đường quá 3m. Các mái hiên cùng một dãy phố phải đồng đều về mức cao và mức rộng (*phần nhô ra*) và chiều cao tính từ mặt vỉa hè tối thiểu là 3m50.

Kể từ cao độ 3m50 trở lên, các bao lon và mái hiên chỉ nhô ra tối đa tùy theo chiều rộng của lộ giới. Chòi cửa tức là bao lon bao kín, không được làm nhô ra ngoài lộ giới. Các cánh cửa tại tầng trệt chỉ được phép mở nhô ra ngoài lộ giới không quá 0m10. Các ống dẫn khói không được đặt ra phía ngoài mặt đường.

Tại đây cũng có thể cho xây cất các cao ốc dùng làm văn phòng, thương cuộc hoặc làm khách sạn, cao lầu hay rạp hát, rạp chiếu bóng,... Điều kiện về nhà xe, phòng biến điện, nhà vệ sinh công cộng và các tiện nghi công cộng khác sẽ được xét từng trường hợp và áp dụng các luật lệ nêu trong Dự số 10 và các văn kiện kế tiếp về thể lệ xây cất, chỗ đậu xe. Cấm lập hay khuếch trương trong khu này những cơ sở nguy hiểm không vệ sinh hay bất tiện liệt hạng 1, hạng 2 theo thể lệ hiện hành.

+ Trung tâm thương mại

Khu này dành để xây cất chợ, siêu thị và các cơ sở thương mại liên hệ. Điều kiện kiến trúc sẽ xét từng trường hợp.

+ Khu hành chánh

Khu này gồm những thửa đất đã xây hay dành để xây dựng các cơ sở hành chánh như quận đường, ty cảnh sát, trụ sở các ty chuyên môn. Điều kiện kiến trúc sẽ xét từng trường hợp.

+ Khu văn hóa xã hội

Khu này gồm những thửa đất để xây hay dành để xây cất các cơ sở có tính công ích như: trường học, bệnh viện, chôn

yn viện, nhà giữ trẻ và các cơ sở xã hội văn hóa khác. Điều kiện kiến trúc sẽ xét tùy trường hợp.

+ Khu dành lại

Khu này dành lại để xây cất các công sở hoặc sử dụng vào các công tác công ích. Thời gian dành lại là 5 năm có thể tái tục. Quá thời hạn này, nếu cơ quan chính quyền không có chương trình sử dụng khu này mới có thể hoàn lại cho sản chủ xây cất.

+ Địa dịch bất trúc tạo

Ngoài các đường sá, sông ngòi, các khu tô màu xanh lá cây trên họa đồ là những địa dịch bất trúc tạo.

Bắt đầu từ ngày họa đồ thiết kế đô thị và chương trình địa dịch được duyệt y và tuyên bố có tính cách công ích, sẽ cấm hẳn trên những khu được dành làm địa dịch bất trúc tạo mọi công tác như sau: Xây cất nhà mới, dù có tính cách tạm thời. Trùng tu hay tái tạo những nhà hiện hữu. Làm tăng giá trị đương thời của các gia thổ trong khu ấy. Lầy đất đem đi chỗ khác, đào ao, giếng...

+ Khu khoáng địa

Khu này dành để làm công trường, công viên, sân vận động, vườn ươm cây... Có thể châm chước cho xây cất những cơ sở có tính cách công ích và hợp với cảnh trí như nhà dù, nhà cây. Điều kiện kiến trúc sẽ xét từng trường hợp.

+ Khu bảo vệ thắng cảnh

Tại khu này có các kiến trúc phải tôn trọng địa dịch của khu gia cư hạng A và phải chịu kiểm soát về mỹ thuật, cao hữu hạn và có địa dịch về bảo tồn thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nếu có. Điều kiện kiến trúc sẽ xét từng trường hợp ♦

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Tham dự Hội thảo chuyên đề “Thực hành nghề thủ công truyền thống” tại Thủ đô Bishkek, Cộng hòa Kyrgyzstan

Lệ Thương



Vào ngày 12/7/2023, hội thảo chuyên đề “Thực hành nghề thủ công truyền thống” lần thứ nhất đã diễn ra tại Thủ đô Bishkek, Cộng hòa Kyrgyzstan.

Hội thảo chuyên đề này được đồng tổ chức bởi Trung tâm Mạng lưới và Thông tin Quốc tế về Di sản Văn hóa Phi vật thể ở Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dưới sự bảo trợ của UNESCO (ICHCAP) và Ủy ban Quốc gia Cộng hòa Kyrgyzstan về UNESCO (UNESCO Kyrgyz NatCom). Mục đích của hội thảo nhằm giới thiệu ấn phẩm “Thực tiễn tốt về phát triển bền vững thông qua nghề thủ công truyền thống” và tìm hiểu hiện trạng ngành thủ công truyền thống của Kyrgyzstan và Hàn Quốc để đóng góp cho các hoạt động của dự án ODA Kyrgyzstan do ICHCAP và UNESCO Kyrgyz NatCom thực hiện.

Hội thảo có sự tham gia của 12 cá nhân, tổ chức đến từ Hàn Quốc, Kyrgyzstan, Ấn Độ, Nepal và Việt Nam. Các đại diện đã có bài trình bày về những trường hợp điển hình của mỗi nước trong việc bảo tồn và phát huy nghề truyền thống hướng đến phát triển bền vững. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã cử 1 cán bộ chuyên môn tham dự hội thảo và trình bày bài tham luận với chủ đề “Chia sẻ lợi ích cộng đồng để phát triển du lịch bền vững tại làng gốm Thanh Hà”.

Hội thảo là cơ hội để các nước tham gia giới thiệu, quảng bá văn hoá truyền thống địa phương, cũng như thảo luận, chia sẻ cách thức quản lý và phát huy di sản phi vật thể theo định hướng phát triển bền vững. Sau hội thảo, thành viên tham dự được tham quan một số làng nghề truyền thống của Kyrgyzstan và một số di tích tại thủ đô Bishkek ♦

Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam thăm và dâng vòng hoa tưởng niệm di tích nhà lao Hội An

Vý Thảo

Nhân dịp kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2023), Đoàn công tác Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức dâng hoa và tham quan di tích nhà lao Hội An với hơn 40 người do đồng chí Huỳnh Thị Thùy



Dung - UV.BTV Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận làm trưởng đoàn.

Tại buổi tham quan, Đoàn tổ chức dâng hoa, làm lễ tưởng niệm tại di tích và trao tặng quà cho Ban Chấp hành Hội Tủ yêu nước Hội An. Sau đó, Đoàn được nghe thuyết minh và tìm hiểu khái quát quá trình hình thành di tích cũng như hoạt động đấu tranh và giải phóng nhà lao Hội An.

Đây là hoạt động ý nghĩa, thiết thực nhằm thể hiện truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*”, tri ân những chiến sỹ, đồng bào yêu nước đã hy sinh cho độc lập, tự do của quê hương, đất nước ♦

Hoạt động trải nghiệm “*Vẽ hoa văn gốm sứ Hizen*” tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch

Thanh Vân

Nằm trong chuỗi các hoạt động sự kiện “*Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản*” lần thứ 19, vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức hoạt động trải nghiệm “*Vẽ hoa văn gốm sứ Hizen*” cho du khách đến tham quan tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, tại số 80 Trần Phú.



Đây là hoạt động nhằm giới thiệu gốm sứ Hizen - một loại hình gốm sứ được sản xuất từ những lò gốm ở tỉnh Hizen, Nhật Bản. Gốm sứ Hizen được đưa đến Hội An thông qua con đường mậu dịch trên biển trong các thế kỷ trước. Việc phát hiện gốm sứ Hizen ở Hội An đã khẳng định mối quan hệ giao lưu giữa Hội An - Việt Nam với Nhật Bản trong lịch sử, thể hiện sự phát triển thịnh vượng cũng như vai trò quan trọng của cảng thị Hội An vào các thế kỷ 16, 17, 18.

Đến với chương trình, du khách được trải nghiệm vẽ hoa văn gốm sứ Hizen trên phiôi đĩa trắng bằng thạch cao với các tone màu lam của gốm. Đây như là món quà đầy ý nghĩa trong hành trình tham quan Hội An của du khách trong thời gian diễn ra sự kiện “*Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản*” lần này ♦

Trung bày “Hình ảnh tư liệu về quan hệ hợp tác Hội An – Nhật Bản”

Thị Hoài

Nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (21/9/1973 - 21/9/2023), chiều ngày 4/8/2023, trong khuôn khổ sự kiện lễ hội “*Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần 19*” năm 2023, Thành phố Hội An tổ chức



hiều hoạt động, trong đó có hoạt động khai mạc trưng bày chuyên đề: “Hình ảnh tư liệu về quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Hội An - Nhật Bản” tại không gian nhà bao che tu bổ di tích Chùa Cầu - một di tích có ý nghĩa đặc biệt quan trọng được xem như biểu tượng của lịch sử quan hệ giao lưu văn hóa lâu đời giữa hai đất nước Việt Nam - Nhật Bản.

Trưng bày gồm 50 pano hình ảnh tiêu biểu được lựa chọn với các chủ đề về: Nguồn cội mỗi thâm gia Hội An - Nhật Bản; các hoạt động kết nghĩa, thăm viếng hữu nghị; hợp tác nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực khảo cổ, tu bổ kiến trúc gỗ, bảo tồn phát huy di sản; bảo vệ môi trường; giao lưu văn hóa nghệ thuật giữa Hội An - Nhật Bản;... Không gian trưng bày này đã giúp cho công chúng, nhân dân và du khách có thêm những thông tin sâu sắc và toàn diện hơn về mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai đất nước Việt Nam - Nhật Bản nói chung và giữa thành phố Hội An với đất nước Nhật Bản nói riêng ♦

Gặp mặt Cộng tác viên Bảo tồn Di sản

Trang Thi

Mạng lưới Cộng tác viên Bảo tồn Di sản được thành lập vào năm 2011. Đây là lực lượng tự nguyện giúp Thành phố tăng



cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An, vừa hỗ trợ giám sát sửa chữa, tu bổ di tích, vừa tham gia các hoạt động khảo sát, nghiên cứu về di sản văn hóa và tham gia đề xuất các giải pháp đối với công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa Hội An hiện nay.

Nhằm gặp gỡ, trao đổi, gắn chặt thêm mối quan hệ giữa các cơ quan, địa phương với lực lượng Cộng tác viên Bảo tồn Di sản, sơ kết tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2023 và định hướng những công việc trong thời gian đến, vào sáng ngày 17/8/2023, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức buổi gặp mặt Cộng tác viên Bảo tồn Di sản năm 2023. Tham dự buổi gặp mặt gồm có sự hiện diện của 27 Cộng tác viên Bảo tồn Di sản, đại diện Phòng Văn hóa Thông tin, Phòng Quản lý Đô thị, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình, đại diện UBND phường Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong, Cẩm Nam; Ban Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và đại diện các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm.

Tại buổi gặp mặt, Trung tâm đã thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An trong 6 tháng vừa qua, đồng thời định hướng công tác những tháng cuối năm 2023, trong đó

đề ra những nhiệm vụ thực tiễn gắn liền với lực lượng cộng tác viên đối với công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa Hội An như tu bổ, sửa chữa di tích, công tác PCCC, cảnh quan đô thị, công tác đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong Khu phố cổ,...

Qua buổi gặp mặt, lực lượng Cộng tác viên Bảo tồn Di sản đã có nhiều ý kiến phản ánh, đề xuất đóng góp tâm huyết trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An nói chung, Khu phố cổ Hội An nói riêng ♦

***Khánh thành Khu vườn Hội An
tại Công viên Nhân dân thành phố
Wernigerode, Cộng hòa liên bang Đức***

Thị Hoài



Chiều ngày 24/8/2023, tại Công viên Nhân dân thành phố Wernigerode, Cộng hòa liên bang Đức đã diễn ra Lễ khánh thành “Khu vườn Hội An” và đặt bảng tên Cầu Hội An. Đây là một trong những hoạt động trọng tâm của Lễ hội đèn lồng Hội An lần thứ 3 diễn ra tại quốc gia Đức từ ngày 25 - 27/8/2023.

Công trình “Khu vườn Hội An” là nội dung nằm trong Chương trình hành

động chung - quan hệ đối tác về khí hậu giữa thành phố Hội An và thành phố Wernigerode - Cộng hòa liên bang Đức. Đây là công trình chào mừng kỷ niệm 10 năm thiết lập quan hệ kết nghĩa (2013-2023); và là minh chứng cụ thể, sinh động cho những tình cảm sâu sắc, chân thành, bền vững giữa hai thành phố.

Ông Phạm Phú Ngọc, Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cho biết: *“Trong một năm qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An được thành phố Hội An giao phụ trách việc đảm nhận kết nối và phối hợp để thực hiện xây dựng Khu vườn Hội An tại Công viên Nhân dân thành phố Wernigerode. Với mong muốn kể câu chuyện văn hóa Hội An thông qua tác phẩm điêu khắc được sử dụng chất liệu gỗ từ củi lũ, Trung tâm đã thiết kế, mời nghệ nhân Lê Ngọc Thuận gia công chế tác các tác phẩm nghệ thuật, ghế gỗ, trụ lồng đèn, ... và vận chuyển toàn bộ các sản phẩm từ Hội An sang Cộng hòa liên bang Đức để bố trí lắp đặt”.*

Để thực hiện ý tưởng, Trung tâm sử dụng hình tượng dòng sông Hoài kết hợp với mắt cửa Hội An làm yếu tố tạo hình chủ đạo. Trong đó dòng sông Hoài chảy qua Khu phố cổ, kết nối đến Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An thể hiện giá trị đặc sắc về vùng đất, con người, thiên nhiên của Hội An; đồng thời, đó cũng là hành trình tái sinh của củi lũ để kể câu chuyện về văn hóa nơi này. Theo đó, trong khoảng diện tích hơn 100m². Khu vườn Hội An nổi bật với cụm biểu tượng gồm 22 tác phẩm nghệ thuật được đặt tại vị trí trung tâm công trình, thể hiện những nội dung câu chuyện về Khu dự

trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An, chuyện về Khu phố cổ Hội An với những di sản văn hóa vật thể, phi vật thể như Chùa Cầu, dãy phố cổ, cổng chùa Bà Mụ, dòng sông Hoài với hoa đăng, nhịp sống đời thường với những cư dân phố cổ nhân tình thuần hậu, vùng ven Khu phố cổ với các làng nghề và lễ hội, tập tục truyền thống... Từng tác phẩm riêng lẻ và sự xuất hiện chung của các tác phẩm trong một tổng thể của cụm biểu tượng nghệ thuật đều chứa đựng những câu chuyện thú vị, giàu chất thơ về vùng đất văn hóa Hội An – một điểm đến với hai di sản thế giới.

Cùng với cụm biểu tượng ở khu vực trung tâm Khu vườn Hội An, ở dọc theo hai bờ và trên dòng chảy sông Hoài, các nghệ nhân đã bố trí những tác phẩm điêu khắc nghệ thuật làm từ gỗ và hoa văn mất cửa, một trong những nét kiến trúc đặc trưng tại khu phố cổ và là “linh hồn phố Hội”.

Việc bố trí các sản phẩm thủ công mỹ nghệ lồng đèn, tác phẩm điêu khắc được chế tác từ củi lũ, những thảm cỏ, cây xanh;... Khu vườn Hội An đã thể hiện thông điệp “Hội An - Điểm đến du lịch xanh”, là hướng phát triển bền vững mà thành phố đã và đang xây dựng.

Ngay sau khi Khu vườn Hội An được khánh thành, thành phố Wernigerode đã có nhiều hình thức quảng bá giới thiệu về khu vườn và câu chuyện về văn hóa Hội An đến với người dân và du khách tại đây, cũng như với những du khách thuộc các quốc gia Châu Âu.

Công trình Khu vườn Hội An là một minh chứng hết sức sinh động và sâu sắc về mối quan hệ kết nghĩa giữa hai

thành phố. Công trình này sẽ mang đến cho nhân dân Wernigerode và du khách những khám phá, trải nghiệm về mảnh đất Hội An hiền hòa, nhân tình thuần hậu và di sản văn hóa đa dạng, độc đáo ♦

Tham dự Hội thảo - Hội nghị
- Tập huấn “Đánh giá công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh”

Lệ Xuân



Sáng ngày 26/8/2023, tại Bảo tàng Hà Nội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức Hội thảo - Hội nghị - Tập huấn “Đánh giá công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh”. Sự kiện được tổ chức với sự tham dự của đại biểu là các chuyên gia của UNESCO và Việt Nam, các nghệ nhân, nhà khoa học, nhà quản lý, đại diện các sở, ban, ngành quản lý di sản văn hóa ở các địa phương trên cả nước. Tham dự Hội thảo - Hội nghị - Tập huấn này, tỉnh Quảng Nam có đại diện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Tại buổi Hội thảo - Hội nghị - Tập huấn, các đại biểu đã có nhiều ý kiến trao đổi, thảo luận nhằm làm rõ trách nhiệm,

vai trò của cá nhân, tổ chức xã hội trong việc phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh; vai trò của truyền thông trong việc bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể, những vấn đề đặt ra trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Việc tổ chức Hội thảo - Hội nghị - Tập huấn này, tạo điều kiện để các đại biểu, nghệ nhân và đại diện các địa phương trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh. Đồng thời, xác định nhiệm vụ, kế hoạch triển khai trong thời gian tới để tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh ngày càng hiệu quả, bền vững ♦

**Tham dự hội thảo khoa học
Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023**

Phước Tịnh



Sáng ngày 08/9/2023, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đã tổ chức hội thảo khoa học Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023. Tham dự hội thảo có hơn 50 đại biểu là các tác giả, nhà nghiên cứu đến từ các tỉnh/thành phố trên cả nước.

Mục đích tổ chức hội thảo nhằm công bố kết quả nghiên cứu và công bố tư liệu mới về Hán Nôm. Nội dung hội thảo tập trung vào 4 chủ đề chính: Kho sách Hán Nôm tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm nhìn từ nhiều phía (*lịch sử hình thành kho sách, nguyên tắc và phương pháp bảo quản,...*), văn hóa dòng họ qua tư liệu Hán Nôm (*mối quan hệ họ tộc, gia đình, huyết thống, ... qua nguồn tư liệu Hán Nôm*), nghiên cứu Hán Nôm (*về lĩnh vực ngôn ngữ, văn tự, sử địa, dân tộc, văn học, tư tưởng, khảo cổ, bảo tàng, y dược,...*), tư liệu Hán Nôm (*sưu tầm, giới thiệu, phiên dịch, phân tích, đánh giá về giá trị tư liệu*).

Tại hội thảo này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tham gia 2 bài tham luận với chủ đề “*Thông tin về sắc phong làng Để Vông ở Hội An*” và “*Dấu tích của Bổ chánh sứ Nguyễn Tường Vĩnh ở Hội An, Quảng Nam*” ♦

**Triển lãm ảnh “Nghệ thuật
múa Thiên cầu” ở Hội An**

Vý Thảo

Nằm trong chuỗi các hoạt động đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia lễ hội truyền thống, tập quán xã hội và tín ngưỡng Tết Trung thu ở Hội An do UBND thành phố tổ chức, vào chiều ngày 27/9/2023, tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An diễn ra khai mạc triển lãm ảnh “*Nghệ thuật múa Thiên Cầu*”. Triển lãm này do UBND thành phố phối hợp với Nghệ sĩ nhiếp ảnh Quảng Hải - Phó Chủ tịch Hội Nhiếp ảnh thành phố Đà Nẵng thực hiện.



Múa Thiên cầu là hoạt động trình diễn dân gian đặc trưng, góp phần cho Tết Trung thu ở Hội An thêm đặc sắc, mang đậm dấu ấn giao lưu văn hóa, thể hiện mong ước cầu mưa thuận gió hòa, cầu phúc lộc của cư dân Hội An bao đời nay. Triển lãm ảnh “*Nghệ thuật múa Thiên cầu*” trưng bày, giới thiệu 18 bức ảnh được thực hiện rất kỳ công và tâm huyết bởi Nghệ sĩ nhiếp ảnh Quảng Hải, thể hiện đầy đủ các động tác nghệ thuật múa biểu diễn và tập tục của múa Thiên Cầu. Thông qua bộ ảnh này, Nghệ sĩ nhiếp ảnh Quảng Hải giới thiệu đến thế hệ trẻ Hội An, người dân và du khách sự khác biệt giữa múa Thiên cầu và múa Lân - Sư, gửi gắm thông điệp duy trì, bảo tồn, phát triển loại hình nghệ thuật múa Thiên cầu, phát huy những thế mạnh độc đáo, riêng có và duy nhất gắn liền với lễ hội truyền thống, tập quán xã hội, tín ngưỡng Tết Trung thu ở Hội An.

Triển lãm ảnh “*Nghệ thuật múa Thiên cầu*” ở Hội An sẽ kéo dài từ ngày 27 - 29/9/2023 tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An, số 33 Nguyễn Thái Học

Thành phố Hội An tổ chức diễu hành và lễ đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Trung thu ở Hội An

Thị Hoài



Lễ hội truyền thống, tập quán xã hội và tín ngưỡng Tết Trung thu ở Hội An đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 228/QĐ-BVHTTDL ngày 14/02/2023. Trong không khí mùa Trung Thu, chiều và tối 28/9/2023 (*nhằm ngày 14 tháng 8 âm lịch*), thành phố Hội An đã tổ chức diễu hành và lễ đón nhận danh hiệu này. Về tham dự sự kiện có Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hoàng Đạo Cương, Phó chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia Đặng Văn Bài và Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam Trần Anh Tuấn, Bí thư Thành ủy Hội An Trần Ánh cùng các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo thành phố Hội An, lãnh đạo các cơ quan đơn vị, xã, phường thuộc thành phố và đông đảo cộng đồng cư dân, du khách.

Lễ hội Tết Trung thu cũng như các giá trị nổi bật của lễ hội được hình thành trên cơ sở văn hóa truyền thống bản địa,

giao thoa văn hóa với các nước Nhật Bản, Trung Hoa và luôn được cộng đồng cư dân Hội An duy trì, gìn giữ, tổ chức hằng năm. Đây là lễ hội truyền thống hấp dẫn, sôi động bởi giàu giá trị văn hóa, tín ngưỡng, gắn với loại hình diễn xướng dân gian độc đáo múa Thiên cầu chỉ có tại Hội An.

Xuất phát từ Công viên Hội An, đoàn diễu hành rước danh hiệu “Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Trung thu ở Hội An” đã đi qua nhiều tuyến đường của Khu phố cổ với sự tham gia của hàng trăm người là đại diện các tầng lớp nhân dân, các hội, đoàn, trường học... trong tiếng trống rộn rã của các đội múa lân, sư, rồng, thiên cầu và sự vui vẻ, phấn khởi của người dân và du khách.

Chương trình lễ đón nhận danh hiệu “Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Trung thu ở Hội An” được mở đầu với màn biểu diễn múa thiên cầu, một loại hình trình diễn dân gian có từ lâu đời và phát triển mạnh ở Hội An từ đầu thế kỷ 20 - một hoạt động tái hiện hình tượng thiên cầu nhả ra mặt trăng, báo hiệu cho vụ mùa tươi tốt, cuộc sống an lành, gắn liền với đó là hệ thống giá trị sáng tạo trang trí hình tượng văn hóa, kỹ thuật biểu diễn, thực hành nghi thức trừ tà khí, trừ hỏa hoạn, cầu mưa thuận gió hòa, cầu tài lộc... Múa thiên cầu đã mang lại giá trị độc đáo và không khí rộn ràng trong các đêm hội Tết Trung thu ở phố cổ, góp phần để Tết Trung thu ở Hội An được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Tết Trung thu ở Hội An trở thành Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia không chỉ thể hiện quá trình phấn đấu, sự nỗ lực, trách nhiệm rất lớn của cộng đồng nhân dân Hội An mà còn giúp bổ sung thêm vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia ở Quảng Nam nói chung, Hội An nói riêng, mở ra cơ hội để Quảng Nam tiếp tục khai thác, phát huy các giá trị văn hóa, di sản ở địa phương, trong đó có Hội An.

Việc thành phố Hội An tổ chức lễ đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia lễ hội truyền thống, tập quán xã hội và tín ngưỡng Tết Trung thu ở Hội An đã tôn vinh giá trị nổi bật của di sản này, đồng thời ghi nhận sự nỗ lực của các bên có liên quan trong việc bảo tồn di sản thời gian qua và trong quá trình xây dựng và đệ trình hồ sơ công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Trần Anh Tuấn, Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam nói: “Cùng với các danh hiệu di sản mà Hội An đã được công nhận, thành phố có thể chủ động khai thác về mặt lợi thế, tiếp tục phát huy hơn nữa giá trị Tết Trung thu Hội An để danh hiệu thật sự mang đậm dấu ấn, điểm nhấn của sự giao thoa văn hóa cộng đồng, toàn quốc. Tết Trung thu những năm đến Hội An có thể mời gọi các tỉnh, thành về cùng tổ chức các hoạt động quảng bá nhằm thể hiện rõ nét hơn danh hiệu di sản văn hóa phi vật thể này” ♦

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ, THU CHI TÀI CHÍNH CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC LỄ HỘI VÀ TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ CHO DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI

Ngày 19/1/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BTC về Hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Thông tư gồm có 4 Chương, 18 Điều. Trong tập Thông tin Nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn xin được giới thiệu nội dung phần còn lại của Thông tư để cùng tham khảo.

Chương III

QUẢN LÝ, THU CHI TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ CHO DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI

Điều 9. Tiếp nhận tiền công đức, tài trợ

1. Mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc

Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử.

2. Tiếp nhận tiền mặt:

Cử người tiếp nhận, mở sổ ghi chép đầy đủ số tiền đã tiếp nhận. Đối với tiền trong hòm công đức (*nếu có*), định kỳ hằng ngày hoặc hằng tuần thực hiện kiểm đếm, ghi tổng số tiền tiếp nhận. Đối với các khoản tiền đặt không đúng nơi quy định, không phù hợp với việc thực hiện nếp sống văn minh tại di tích được thu gom để kiểm đếm hoặc bỏ vào hòm công đức để kiểm đếm chung.

Đối với số tiền mặt tạm thời chưa sử dụng thì gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để bảo đảm việc quản lý an toàn, minh bạch các khoản công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội đã tiếp nhận.

3. Tiếp nhận giấy tờ có giá: Mở sổ ghi tên giấy tờ có giá, số tiền ghi trên giấy tờ có giá, tổ chức phát hành. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng giấy tờ có giá, bao gồm thanh toán trước hạn hoặc thanh toán

khi đến hạn, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

4. Tiếp nhận kim khí quý, đá quý: Mở sổ ghi tên kim khí quý, đá quý và giá trị tương ứng theo tài liệu do tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho cung cấp. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng kim khí quý, đá quý, bao gồm tổ chức bán đấu giá, bán cho ngân hàng thương mại hoặc đưa vào lưu giữ, trưng bày tại di tích, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

Điều 10. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo

1. Người đại diện cơ sở tôn giáo tự quyết định và chịu trách nhiệm về tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích và hoạt động lễ hội, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp cơ sở tôn giáo nằm trong phạm vi địa bàn di tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư này.

Điều 11. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích đồng thời là cơ sở tín ngưỡng

Người đại diện cơ sở tín ngưỡng tự quyết định và chịu trách nhiệm về tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích

và hoạt động lễ hội, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích thuộc sở hữu tư nhân

Chủ sở hữu di tích tự quyết định và chịu trách nhiệm về tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích và hoạt động lễ hội, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể) được phân bổ và sử dụng như sau:

a) Trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với các di tích khác trên địa bàn cấp tỉnh (không áp dụng đối với di tích có số thu tiền công đức, tài trợ thấp không đủ chi cho hoạt động lễ hội và chi thường xuyên): Số tiền này chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 16 Thông tư này (nếu có);

b) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động lễ hội theo quy định

tại Điều 5 Thông tư này (*áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích*). Trường hợp đơn vị không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động thường xuyên của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này: Đơn vị được tự chủ sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và được tổng hợp vào các khoản thu xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Số còn lại, được để lại chi các khoản đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Đến cuối năm, số dư kinh phí (*nếu có*) được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ đặc thù của di tích.

Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng Quyết định mới hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ áp dụng tại di tích, trong đó quy định cụ thể mức trích theo các nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên xem xét, gửi Sở Tài chính để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc lập dự toán, chấp hành dự toán, hạch toán kế toán và quyết toán thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định của pháp luật có liên quan. Các khoản thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội được hạch toán kế toán và quyết toán vào nguồn hoạt động khác được để lại của đơn vị theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.

4. Trường hợp trong phạm vi địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng có di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo, thì việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo thực hiện như sau:

a) Người đại diện cơ sở tôn giáo tự quyết định và chịu trách nhiệm về tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích và hoạt động lễ hội, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan.

b) Người đại diện cơ sở tôn giáo có trách nhiệm chi trả cho đơn vị sự nghiệp công lập một phần chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phụ trợ dùng chung; chi phí bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và các chi phí quản lý chung khác trên địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng.

Mức chi trả tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số thu tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội đã tiếp nhận (*trừ các khoản công đức, tài trợ có mục*

đích, địa chỉ cụ thể) và được quy định theo một điều riêng trong Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng

1. Ban quản lý di tích thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (*trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể*) được phân bổ và sử dụng như sau:

a) Trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với các di tích khác trên địa bàn cấp tỉnh (*không áp dụng đối với di tích có số thu tiền công đức, tài trợ thấp không đủ chi cho hoạt động lễ hội và chi thường xuyên*): Số tiền này chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 16 Thông tư này (*nếu có*);

b) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 5 Thông tư này (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích). Trường hợp Ban quản lý di tích không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động thường xuyên của Ban quản lý di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này;

d) Số còn lại, được để lại chi các khoản đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Đến cuối năm, số dư kinh phí (*nếu có*) được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ đặc thù của di tích.

Mức trích cụ thể theo các nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Ban quản lý di tích kiêm nhiệm phân công cho một đơn vị có đại diện là thành viên Ban quản lý di tích để thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Mở tài khoản, mở sổ sách, mở sổ kế toán để ghi chép đầy đủ, kịp thời việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội vào nguồn hoạt động khác được để lại của đơn vị;

b) Hằng năm, thực hiện lập dự toán và báo cáo quyết toán thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định, trình Trưởng ban Ban quản lý di tích phê duyệt; gửi cơ quan tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp trên để phục vụ cho công tác quản lý và giám sát thực hiện.

4. Trường hợp trong phạm vi địa bàn di tích giao cho Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng có di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo, thì việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Điều 15. Nội dung chi, mức chi bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Các khoản chi thường xuyên bao gồm:

a) Chi tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo tiền lương cho người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc tại di tích;

b) Chi thù lao cho người được cử trông coi hoặc cử tham gia các hoạt động tại di tích không thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản này;

c) Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, liên lạc, hội nghị, công tác phí, chi phí nghiệp vụ chuyên môn, lễ tân, khánh tiết, chi phí thuê mướn; chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn;

d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi đặc thù bao gồm:

a) Chi các hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá về di tích;

b) Chi phí treo, đặt các bảng, biển chỉ dẫn, trang trí, âm thanh, ánh sáng tạo sức hấp dẫn đối với khách tham quan, du lịch, nghiên cứu di tích;

c) Chi công tác bảo đảm an ninh trật tự, y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, dịch bệnh;

d) Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên di tích; chi tu bổ, phục hồi di tích (*trường hợp chưa được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư chưa đủ*);

đ) Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc di tích gồm nhà

làm việc, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, đường nội bộ, đường điện, cấp thoát nước, bãi đỗ xe, tường rào khuôn viên và công trình tương tự khác phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chi ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số nhằm hỗ trợ nâng cao trải nghiệm của khách tham quan, du lịch, nghiên cứu di tích;

g) Chi trồng và chăm sóc cây hoa, cây cảnh trong phạm vi địa bàn di tích;

h) Chi phí về chuyển giao quyền tài sản theo quy định của pháp luật dân sự; bán đấu giá tài sản; thuê định giá kim khí quý, đá quý; thuê giám định hiện vật được phép mua bán, trao đổi, tặng cho theo quy định của pháp luật;

i) Chi hương, hoa, lễ vật, đèn nhang;

k) Chi hoạt động từ thiện, nhân đạo;

l) Các khoản chi khác tùy theo thực tế của từng loại di tích và chủ thể là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích.

3. Mức chi do người đứng đầu của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích quyết định, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, tiết kiệm, hiệu quả; khuyến khích thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 16. Quản lý, sử dụng kinh phí tu bổ, phục hồi di tích

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh việc tiếp nhận,

quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc tu bổ, phục hồi di tích;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định về tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn, trong đó quy định cụ thể các nội dung về: thời hạn và phương thức chuyển kinh phí, trách nhiệm chuyển kinh phí của các đơn vị được giao quản lý, sử dụng di tích trên địa bàn cấp tỉnh; công tác lựa chọn danh mục di tích cần phải tu bổ, phục hồi; phân bổ kinh phí, thanh quyết toán kinh phí; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện; chế độ báo cáo; phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị và các vấn đề khác có liên quan.

2. Chi phí tiếp nhận và quản lý tiền công đức, tài trợ cho việc tu bổ, phục hồi di tích của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2023.

2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 13 và Điều 14 Thông tư này tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền cho đến khi có Quyết định mới hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung của Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội áp dụng tại di tích theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 Thông tư này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát văn bản quy định của địa phương liên quan đến quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định mới hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm:

a) Công khai việc thu, chi các khoản công đức, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho tổ chức, cá nhân đã có đóng góp tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích nếu tổ chức, cá nhân này có yêu cầu;

b) Cung cấp kịp thời thông tin khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết ♦

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

THÀNH PHỐ LỊCH SỬ VIGAN

Sưu tầm và dịch: Bảo Vy



Được thành lập vào thế kỷ 16, Vigan là ví dụ được bảo tồn tốt nhất về một thị trấn thuộc địa của Tây Ban Nha ở châu Á. Kiến trúc của nó phản ánh sự kết hợp của các yếu tố văn hóa từ những nơi khác ở Philippines, từ Trung Quốc và từ châu Âu, tạo nên một nền văn hóa và cảnh quan thị trấn không có nơi nào sánh bằng ở Đông và Đông Nam Á.

Giá trị nổi bật toàn cầu

Giới thiệu tổng quan

Vigan là ví dụ nguyên vẹn nhất ở châu Á về một thị trấn thuộc địa của Tây Ban Nha được thành lập vào thế kỷ 16. Kiến trúc của nó phản ánh sự kết hợp của

các yếu tố văn hóa từ những nơi khác ở Philippines và từ Trung Quốc với các yếu tố của châu Âu và Mexico để tạo ra một nền văn hóa và cảnh quan đô thị độc đáo không có ở bất kỳ nơi nào ở Đông và Đông Nam Á. Là một trạm thương mại quan trọng trước thời kỳ thuộc địa, Vigan nằm ở đồng bằng sông Abra, dọc theo bờ biển phía tây bắc của đảo chính Luzon, thuộc tỉnh Ilocos Sur, Philippine. Tổng diện tích được ghi là 17,25 ha. Quy hoạch đường phố bàn cờ truyền thống của người Tây Ban Nha mở ra hai quảng trường liền kề. Plaza Salcedo là nhánh dài hơn của không gian mở hình chữ L,



còn Plaza Burgos là nhánh ngắn hơn. Hai quảng trường bị chi phối bởi Nhà thờ St. Paul, Cung điện Tổng Giám mục, Tòa thị chính và Tòa nhà Quốc hội Tỉnh. Quy hoạch đô thị của thị trấn phù hợp chặt chẽ với quy hoạch mạng lưới thời Phục hưng được quy định trong Ley de la Indias cho tất cả các thị trấn mới ở đế quốc Tây Ban Nha. Tuy nhiên, có một sự khác biệt đáng chú ý giữa Vigan và các thị trấn thuộc địa Tây Ban Nha đương đại ở Mỹ Latinh ở lối lịch sử (*được gọi là quận Mestizo*), nơi truyền thống Latinh được rèn giũa bởi những ảnh hưởng mạnh mẽ của Trung Quốc, Ilocano và Philippines. Đúng như tên gọi của nó, quận này được định cư bởi các gia đình giàu có có nguồn gốc lai Trung Quốc-Ilocano. Khu vực này chứa dấu chân lịch sử của toàn bộ thị trấn và bao gồm tổng cộng 233 tòa nhà lịch sử được xâu chuỗi chặt chẽ dọc theo mạng lưới 25 đường phố.

Cấu trúc hai tầng được xây bằng gạch và gỗ, với mái dốc gợi nhớ đến kiến trúc truyền thống của Trung Quốc. Các bức tường bên ngoài của tầng trên được bao bọc bởi các tấm cửa sổ bằng vỏ kapis đóng khung bằng gỗ có thể trượt về phía sau để thông gió tốt hơn. Hầu hết các tòa nhà hiện có có lẽ được xây dựng vào giữa thế kỷ 18 đến cuối thế kỷ 19. Do sự suy thoái kinh tế của Vigan với tư cách là một trung tâm kinh tế sau Thế chiến thứ hai, chỉ một số tòa nhà lịch sử được tổ chức lại bên trong để sử dụng thay thế. Các thương nhân tiến hành công việc kinh doanh của họ từ các cửa hàng, văn phòng và nhà kho ở tầng trệt trong ngôi nhà, khu sinh hoạt ở phía trên. Ngoài kiến trúc dân dụng và thương mại, Vigan còn sở hữu một số công trình công cộng quan trọng, thể hiện ảnh hưởng đa văn hóa.

Vigan độc đáo vì đã bảo tồn được phần lớn đặc điểm thuộc địa Tây Ban Nha, đặc biệt là mô hình đường phố dạng lưới và bố cục đô thị lịch sử. Ý nghĩa của nó còn nằm ở cách kết hợp những ảnh hưởng kiến trúc khác nhau để tạo ra một cảnh quan thị trấn đồng nhất.

Tiêu chí (ii): Vigan đại diện cho sự kết hợp độc đáo giữa thiết kế và xây dựng tòa nhà châu Á với kiến trúc và quy hoạch thuộc địa châu Âu.

Tiêu chí (iv): Vigan là một ví dụ đặc biệt nguyên vẹn và được bảo tồn tốt về một thị trấn thương mại châu Âu ở Đông và Đông Nam Á.

Tính toàn vẹn

Tất cả các phân tử cần thiết để thể hiện giá trị của thuộc tính đều được bao gồm trong thuộc tính. Điều này đảm bảo thể hiện tầm quan trọng của nó như một thị trấn thuộc địa Tây Ban Nha được quy hoạch tốt và bảo tồn tốt. Hiện nay, những đặc điểm nổi bật của hầu hết các ngôi nhà Vigan của tổ tiên vẫn được bảo tồn, mặc dù một số ngôi nhà vẫn trong tình trạng xuống cấp do chủ nhân vắng mặt không chăm sóc.

Tính chân xác

Vigan đã duy trì tính xác thực của nó trong mô hình đường phố dạng lưới, cách bố trí đô thị mang tính lịch sử và cách sử dụng không gian mở. Các tòa nhà lịch sử vẫn duy trì mục đích sử dụng truyền thống để buôn bán ở các tầng dưới và làm nơi ở cho chủ sở hữu ở các tầng trên. Tuy nhiên, rất ít ngôi nhà vẫn còn



nguyên vẹn. Những thay đổi được đưa ra đối với những ngôi nhà được bảo tồn tốt hơn là về nội thất: chia các khu sinh hoạt lớn thành các căn hộ nhỏ hơn và điều chỉnh tầng trệt để cung cấp không gian cho mục đích thương mại. Sau khi được thay đổi hoàn toàn để cho phép sử dụng mới, nhiều cấu trúc đã mất đi tính xác thực. Một số công trình kiến trúc đã bị bỏ hoang, bị bỏ quên và mục nát. Các vật liệu xây dựng ban đầu như gạch, gỗ, vỏ kapis và vôi để làm vữa và thạch cao đều được lấy từ các khu vực xung quanh. Việc thiếu các vật liệu xây dựng truyền thống như gỗ và vôi để làm thạch cao và vữa đã dẫn đến việc sử dụng các vật liệu hiện đại như làm xi măng và tấm tôn mạ kẽm để lợp mái. Nhận thức về nhu cầu bảo tồn tính xác thực đã tăng lên đáng kể kể từ khi địa điểm này được ghi nhận. Các hoạt động bảo tồn đã phát triển một cách hữu cơ trong ba thế kỷ qua hiện đang được áp dụng lại, tận dụng một lượng đáng kể các nghề thủ công xây dựng truyền thống còn tồn tại”◆

Nguồn: <https://whc.unesco.org>

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Số 03 - Đường 30 Tháng 4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc NGUYỄN THÀNH
Biên tập: TRẦN VĂN BAN

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 02353862367, Email: hoiancmmmp@gmail.com, Website: hoianheritage.net
OAzalo: Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An

HỢP TÁC

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Trần Ánh, Kikuchi Seiichi, Nguyễn Chí Trung, Trần Văn An, Tôn Thất Hương, Nguyễn Đức Minh, Quảng Văn Quý, Nguyễn Thị Vĩnh Linh, Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Khiếu Thị Hoài, Lê Xuân, Trần Phương, Vỹ Thảo, Thanh Vân, Lê Thương, Trang Thi, Bảo Vy,... Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những tin, bài đã nhận. Những tin, bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Cảnh Châu Ấn thuyền đến Hội An trong bức tranh Giao Chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ của dòng họ Chaya - Nhật Bản

Bìa 4: Chương trình Cầu nguyện cho Nhật Bản tại Hội An năm 2011

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam
- 260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.
Số ĐKXB:4492-2023/CXBIPH/7-116/ĐaN. GPXB số: 1097/QĐ-NXBĐaN do Nhà xuất bản Đà Nẵng
cấp ngày 12/12/2023. Mã số ISBN: 978-604-84-7615-1. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2023.